

THƯỜNG XUÂN
NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ
Kỷ niệm 170 năm thành lập Châu Thường (1837 - 2007)

**HUYỆN ỦY - HĐND - UBND
HUYỆN THƯỜNG XUÂN**

THƯỜNG XUÂN
NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ
Kỷ niệm 170 năm thành lập Châu Thường (1837 - 2007)

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA - 2007

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Ban Thường vụ Huyện ủy

- Trưởng ban Chỉ đạo:

Lục Đăng Khoa

Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch HĐND huyện

- Trưởng ban Tổ chức:

Vì Hoài Kham

Phó Bí thư - Chủ tịch UBND huyện

- Trưởng ban Biên soạn:

Cầm Bá Xuân

Thường vụ Huyện ủy - Phó chủ tịch UBND huyện

PHÂN CÔNG BIÊN SOẠN

- Phần thứ nhất: Ban nghiên cứu và biên soạn lịch sử Thanh Hóa.

- Phần thứ hai, phần thứ ba: Ban Tuyên giáo Huyện ủy Thường Xuân.

LỜI NÓI ĐẦU

Thường Xuân là huyện miền núi nằm ở phía Tây của tỉnh Thanh Hóa, được thành lập năm 1837 (năm Minh Mạng thứ XVIII) với tên gọi Châu Thường, sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đổi tên là huyện Thường Xuân. Huyện có chung đường biên giới với huyện Sầm Sơn, tỉnh Hòa Bình, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Đ/C: Vi Hoài Kham *Vùng đất cổ Thường Xuân từ ngàn xưa được 3 dân tộc Thái, Mường, Kinh cùng đoàn kết gắn bó với nhau trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, xây dựng nên bề dày truyền thống văn hóa son sắt, thủy chung, thương người - vì nghĩa và tình yêu quê hương đất nước. Những truyền thống tốt đẹp ấy kết thành vùng đất "Thiên thời, địa lợi, nhân hòa", vùng đất đã từng được các bậc quân vương chọn làm hậu cứ, chiêu tập hiền tài để kháng chiến chống giặc ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc.*

Năm 2007, huyện Thường Xuân tròn 170 năm (1837 - 2007). Để giáo dục truyền thống văn hóa, truyền thống chống ngoại xâm, cần cù trong lao động sản xuất; phát huy

tiềm năng thế mạnh của vùng đất, con người đã một thời phát tích... đến mọi tầng lớp nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện, đặc biệt là các thế hệ trẻ Thường Xuân; Ban Thường vụ Huyện ủy Thường Xuân quyết định tổ chức long trọng lễ kỷ niệm 170 năm thành lập huyện, chỉ đạo biên soạn cuốn sách: **"Thường Xuân - những chặng đường lịch sử"** (Kỷ niệm 170 năm thành lập Châu Thường 1837 - 2007). Mục đích xuất bản cuốn sách nhằm:

Ôn lại truyền thống văn hóa, truyền thống lịch sử vẻ vang của ông cha trên vùng đất đã từng chịu nhiều gian khó nhưng rất đỗi hào hùng - truyền thống tốt đẹp của nhân dân các dân tộc Thường Xuân. Quảng bá tuyên truyền tới các quý bạn đọc gần xa một vùng "địa linh" của núi rừng quê Thanh anh hùng bất khuất; sẽ là điểm đến hấp dẫn du khách ở khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên kỳ thú và công trình Thủy lợi - Thủy điện Cửa Đạt - công trình trọng điểm quốc gia đang gấp rút hoàn thành. Nhiều di tích văn hóa hấp dẫn khác như: Lũng Nhai - nơi diễn ra hội thề của 18 tướng lĩnh cùng Bình Định Vương Lê Lợi quyết tâm kháng chiến chống giặc Minh thế kỷ XV, Đền Cầm Bá Thước, Đền Mẫu chúa Thượng ngàn... và quần thể khu di tích cách mạng trên đất Thường Xuân.

Cuốn sách **"Thường Xuân - những chặng đường lịch sử"** được chia ra làm 3 phần lớn:

Phần thứ nhất: Thường Xuân - vùng đất, con người.

Chúng tôi tập trung nêu một cách khái quát về vùng đất và con người Thường Xuân từ thời kỳ tiền sử, các giai

đoạn lịch sử, quá trình hình thành Châu Thường đến trước những năm 1930 của thế kỷ XX.

Phần thứ hai: Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc Thường Xuân cùng cả nước tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, xây dựng XHCN, giữ vững an ninh biên giới (1930 - 1975).

I. Tình hình Thanh Hóa và huyện Thường Xuân những năm ba mươi đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

II. Đấu tranh thành lập chính quyền dân chủ nhân dân, chiến thắng thù trong, giặc ngoài; góp phần đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi.

III. củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, phát triển sản xuất, chống đói, diệt dốt và chi viện cho chiến trường Điện Biên Phủ.

IV. Hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng XHCN, đánh thắng chiến tranh leo thang phá hoại của đế quốc Mỹ, chi viện tối đa sức người, sức của cho các chiến trường.

Phần thứ ba: Thường Xuân cùng cả nước đi lên CNXH, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, CNH - HĐH quê hương đất nước (1975 - 2007).

I. Nhân dân các dân tộc Thường Xuân phát huy truyền thống đoàn kết, khắc phục khó khăn tiếp cận với tư duy lý luận mới, thay đổi phương thức sản xuất lạc hậu.

II. Nhân dân các dân tộc Thường Xuân vượt qua thách thức khó khăn, tổ chức lại sản xuất, xây dựng XHCN tạo tiền đề bước vào công cuộc đổi mới.

III. Phát huy nội lực, tranh thủ thời cơ - vận hội mới, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, đưa quê hương Thường Xuân sang giai đoạn phát triển nhanh và bền vững.

Cuối cùng là Thay lời kết luận: Rút ra 5 bài học kinh nghiệm cho các thế hệ Thường Xuân, tiếp tục phấn đấu để đưa vùng đất có truyền thống lịch sử - văn hóa lâu đời cùng cả tỉnh, cả nước hướng tới mục tiêu: "Dân giàu nước mạnh xã hội công bằng dân chủ văn minh"

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách đến bạn đọc gần xa.

Thay mặt Ban Thường vụ Huyện ủy; Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức lễ hội 170 năm thành lập huyện Thường Xuân, tôi xin trân trọng ghi nhận sự đóng góp và giúp đỡ nhiệt tình của tập thể lãnh đạo Ban Nghiên cứu và biên soạn lịch sử Thanh Hóa, Nhà xuất bản Thanh Hóa, cùng anh chị em trong ban biên soạn, biên tập... để cuốn sách được ra đời phục vụ quý bạn đọc.

Vì thời gian nghiên cứu để biên soạn cuốn sách quá ít, hơn nữa nhiều tư liệu, tài liệu thành văn trong các cuộc chiến tranh vệ quốc đã bị hư hỏng, thất lạc... Do vậy cuốn sách còn có những thiếu sót nhất định. Chúng tôi mong được sự cộng tác, góp ý của bạn đọc gần xa để thời gian gần nhất Thường Xuân có thể Biên soạn được cuốn Địa chí của huyện.

Trưởng ban Tổ chức

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

Vì Hoài Kham

Phần thứ nhất

THƯỜNG XUÂN - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ VỊ TRÍ ĐỊA LÝ HÀNH CHÍNH

1. Điều kiện tự nhiên và tiềm năng kinh tế

Thường Xuân là huyện miền núi nằm ở phía Tây tỉnh Thanh Hóa. Từ thành phố Thanh Hóa, theo Quốc lộ 47 qua Mục Sơn rồi đến cầu Bái Thượng với chặng đường 57 km là sang địa phận Thường Xuân. Diện tích tự nhiên 111.325,02ha, là huyện có diện tích lớn nhất Thanh Hóa. Ở vị trí $19^{\circ} 42' 45''$ đến $20^{\circ} 7' 15''$ vĩ độ Bắc, $104^{\circ} 54' 33''$ đến $105^{\circ} 23' 55''$ kinh độ Đông.

Phía Bắc Thường Xuân giáp Lang Chánh và Ngọc Lặc; phía Đông giáp Thọ Xuân, Triệu Sơn, Như Thanh; phía Nam giáp Như Xuân; phía Tây giáp Quế Phong (tỉnh Nghệ An) và huyện Sầm Sơn (tỉnh Hòa Bình, nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào). Tỉnh lộ 507 nối đường Hồ Chí Minh qua Thị trấn Thường Xuân lên biên giới Việt - Lào qua cửa khẩu Bát Mọt.

Khí hậu Thường Xuân mang tính chất khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ cao, mùa đông khô hanh; Mùa hè

nóng, mưa nhiều. Thường Xuân nằm trong vùng ảnh hưởng của gió Tây Nam (gió Lào) khô nóng, hạn và thường xuyên xảy ra những đợt rét đậm kéo dài, bão lũ, lốc xoáy và nhiều khi bị mưa đá...

Nhiệt độ trung bình năm của Thường Xuân là 25°C , mùa đông nhiệt độ có thể xuống tới 0°C , mùa nóng có thể lên đến $40 - 42^{\circ}\text{C}$. Lượng mưa trung bình hàng năm trên 2.200mm , có từ 20 đến 25 ngày gió Tây Nam khô nóng.

Địa hình Thường Xuân có dạng sông trâu và lượn sóng chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam với độ cao trung bình $250 - 400\text{m}$ so với mặt nước biển. Cá biệt ở nhiều đồi núi thuộc các xã Bát Mọt, Yên Nhân, Xuân Liên, Vạn Xuân... cao trên 1.000m .

Tương ứng với địa hình ấy, núi đồi Thường Xuân (thuộc hệ thống của dãy Trường Sơn chạy từ Thượng Lào xuống) thấp dần về phía Đông - Nam, những ngọn núi cao nhất Thanh Hóa tập trung chủ yếu ở đất này: Núi Pù Rinh cao 1.291m , phía Nam sông Chu có ngọn Pù Gió (Chó) cao 1.200m , Pù Ta-leo cao 1.700m (cao nhất Thanh Hóa) quanh năm có sương mù và giá lạnh; Gần thị trấn Thường Xuân có ngọn Pù Rộc cao 807m , Pù Kha cao 727m ... Núi đồi Thường Xuân tương đối hiểm trở.

Tài nguyên rừng của Thường Xuân rất đa dạng. Toàn huyện có $90.417,96\text{ha}$ đất lâm nghiệp, trong đó diện tích rừng đặc dụng: $23.475,05\text{ha}$, diện tích rừng phòng hộ:

28.740,65ha, diện tích rừng sản xuất: 38.202,26ha. Rừng giàu và rừng đặc dụng tập trung chủ yếu ở khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, một số ở khu vực giáp Nghệ An và biên giới Việt - Lào. Rừng Thường Xuân nổi tiếng với các loài lâm sản gỗ pơmu, lát, lim, táu, chò chỉ, luồng (luồng Thường Xuân không ngâm nước vẫn không bị mọt). Đặc biệt, rừng Thường Xuân nổi tiếng từ xa xưa với cây "đặc sản" quế. Quế Thường Xuân chất lượng tốt, quý hiếm tới mức gọi là "quế ngọc", "quế ngự", "quế vua"... được vua Minh Mạng (1820 - 1840) cho tạc vào Nghị định (trong Cửu đỉnh ở kinh thành Huế). Cùng với gỗ, luồng, rừng Thường Xuân còn có nhiều chim, thú quý hiếm được ghi trong sách đỏ Việt Nam và thế giới... góp phần làm đa dạng hóa môi trường sinh học cho huyện.

Tài nguyên khoáng sản: Thường Xuân có hàng trăm ngàn m³ đá vôi - là nguồn cung ứng vô tận cho vật liệu xây dựng. Sắt ở Lương Sơn đã từng được người Pháp khai thác từ thời thuộc Pháp, trữ lượng còn dồi dào. Thiếc, Von Fram có ở các mỏ và điểm quặng thuộc xã Vạn Xuân, xã Ngọc Phụng, trữ lượng tới 10.529 tấn. Vàng sa khoáng và vàng gốc có nhiều ở Xuân Chinh, Xuân Thắng, quặng Phốt-phát ở làng Hồ (Thọ Thanh), Mỏ Pi rít ở Luận Khê, Cao lanh ở Bến Đìn (Xuân Cẩm) và làng Cáy (Lương Sơn), Ponzit có ở Khe Hạ (Luận Thành).v.v...

Nguồn tài nguyên nước ở Thường Xuân khá dồi dào, đủ đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất. Nguồn nước được cung cấp từ các sông và nguồn nước ngầm. Thường Xuân là một trung tâm mưa nhiều, nguồn sinh thủy lớn, cung cấp lượng nước dồi dào cho hệ thống khe suối vốn chằng chịt - là đầu nguồn của các con sông: sông Âm, sông Đặt, sông Khao, sông Đản cùng đổ ra sông Cái hay còn gọi là sông Chu, tạo thành con sông lớn chảy về phía hạ lưu. Từ xưa, đồng bào các dân tộc Thường Xuân đã lợi dụng hệ thống sông suối để khai thác lâm thổ sản, giao lưu hàng hóa với các vùng trong tỉnh và tưới tiêu trong canh tác nông nghiệp.

Về cư dân: Dân số toàn huyện năm 1986 là 71.457 người, đến tháng 6 năm 2007 là 81.169 người. Thường Xuân là địa bàn cư trú lâu đời của đồng bào Thái, Mường, Kinh (Việt), trong đó người Thái chiếm 53,9% số dân, người Việt chiếm 42,3% còn lại 3,8% là người Mường. Mật độ phân bố dân cư không đồng đều, các xã phía Đông huyện cao gấp 5,6 lần mật độ các xã phía Tây huyện.

Nguồn tài nguyên ở Thường Xuân bị khai thác từ lâu đời, đến thời thuộc Pháp, bọn thực dân lại tiến hành khai thác các loại lâm sản quý như gỗ pơ-mu, gỗ lim, lát, luồng, nứa và đặc biệt là quế; thăm dò và khai thác các khoáng sản như Pi-rít sắt ở làng Nhân - Luận Khê (trữ lượng 7.400 tấn được người Pháp phát hiện từ các năm

1932 - 1934); đồng ở Lương Sơn cũng đã bị người Hoa khai thác từ cuối thế kỷ XIX.

Từ cơ cấu thuần nông chủ yếu là tự cung tự cấp trước đây, đến nay Thường Xuân đã có cơ cấu kinh tế *lâm - nông - công nghiệp - xây dựng- dịch vụ*, trong đó hoạt động lâm nghiệp và sản xuất lương thực thực phẩm được coi là mũi nhọn. Đến năm 2005, bình quân GDP đầu người đạt 3.400.000 đồng.

Về lâm nghiệp: Là ngành kinh tế lâu đời, đến năm 2000 huyện đã cơ bản giao xong đất rừng cho 6.900 hộ nông dân với diện tích hơn 30.000ha. Nạn phá rừng làm nương từng bước được ngăn chặn; công tác khoanh nuôi, thực hiện trồng mới, khuyến khích phát triển các trang trại đồi rừng và tiến hành lâm nghiệp hóa xã hội được đẩy mạnh. Cây "đặc sản" quế đang được phục hồi và mở rộng diện tích cùng với việc mở rộng diện tích các cây trồng khác như: luồng, tre, thông, bạch đàn, keo, trám, lát, lim... Sản phẩm lâm nghiệp của Thường Xuân khá đa dạng và có giá trị kinh tế cao, gồm: các loại gỗ tròn, gỗ nguyên liệu, luồng nứa, quế và các loại cây dược liệu.

Về nông nghiệp: Diện tích đất nông nghiệp chiếm 8,16 % diện tích tự nhiên toàn huyện. Được các cấp ủy Đảng và chính quyền trên địa bàn huyện quan tâm lãnh chỉ đạo nên nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện cả về cây lương thực, cây công nghiệp và chăn nuôi. Sản lượng lương thực hàng năm tăng 7,5%, chăn nuôi tăng

1,75% đối với trâu, bò; riêng lợn là 3,1%. Cơ cấu nông nghiệp đang chuyển dịch theo hướng đa dạng hóa và sản xuất hàng hóa.

Lúa nước là cây lương thực quan trọng hàng đầu, được trồng chủ yếu ở các loại đất phù sa và chủ động được tưới tiêu. Diện tích trồng lúa nước ổn định trong khoảng 5.000ha (trừ diện tích vùng ngập lòng hồ Cửa Đạt). Lúa cao sản được đưa vào trồng trên diện rộng với hai vụ chính là Chiêm - Xuân và Thu - Mùa. Năm 2005, năng suất lúa đạt 37,5 tạ/ha, sản lượng đạt 17.197 tấn.

Ngô là cây lương thực được trồng từ lâu và đến năm 2005, có diện tích 980ha. Cây ngô lai được trồng nhiều thay thế dần cho các giống ngô truyền thống sản lượng thấp...

Các loại cây chất bột lấy củ như khoai lang, sắn được luân canh với từng loại đất và thổ nhưỡng phù hợp, diện tích không ngừng được mở rộng.

Cùng với cây lương thực, cây công nghiệp và cây ăn quả chiếm tỷ trọng khá cao trong cơ cấu ngành trồng trọt. Cây mía được chú trọng mở rộng diện tích và phương pháp thâm canh đặc biệt từ khi Nhà máy Đường Lam Sơn đi vào hoạt động. Diện tích canh tác cây mía ở Thường Xuân hiện nay là 2.125ha, là vùng nguyên liệu của Nhà máy Đường Lam Sơn.

Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Thường Xuân được phát triển chủ yếu dựa trên nguồn nguyên liệu lâm

sản, khoáng sản và nông sản tại chỗ. Các ngành công nghiệp chính là khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, nghiền bột giấy, thức ăn gia súc...

Về Giao thông - Du lịch: Hệ thống đường giao thông của huyện gồm đường chính từ huyện lỵ nối liền Thành phố Thanh Hóa qua Bái Thượng lên cửa khẩu Bát Mọt đi Lào. Đường 15 xuyên các xã phía Đông - Nam của huyện đi Nghệ An và nối liền với các tỉnh phía Nam; huyện đã đầu tư nâng cấp tuyến Tân Thành - Vạn Xuân và Vạn Xuân - Xuân Lẹ, Vạn Xuân - Xuân Chinh. Đồng thời, tập trung sửa chữa các tuyến đường biên giới Bái Thượng - Bát Mọt, sửa chữa và làm mới các tuyến đường liên thôn bản, đường vào vùng khó...

Giao thông thủy bộ Thường Xuân không chỉ tạo điều kiện để phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh - quốc phòng mà còn góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể truyền thống của đồng bào các dân tộc trong huyện.

Thường Xuân có nhiều di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng như đền thờ Mẫu chúa Thượng Ngàn, đền thờ Cầm Bá Thước, đền Tông (Trông), cụm di tích chống Pháp gắn với nơi thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên của Đảng bộ cũng như các thắng cảnh như: hang Lù, hang Lãm, thác Trai Gái, thác núi bảy tầng... Đặc biệt khu du lịch Cửa Đạt đang được đầu tư dần hình thành, hấp dẫn du khách

bởi nét nguyên sơ của môi trường sinh thái là tiềm năng quý giá để du lịch không xa sẽ là thế mạnh trong phát triển kinh tế - xã hội của Thường Xuân.

2. Tên gọi qua các thời kỳ

Thường Xuân là một vùng đất cổ, đã qua quá trình hình thành và phát triển hàng ngàn năm lịch sử.

Thời thuộc Hán là vùng đất huyện Vô Biên, một phần ít thuộc huyện Cư Phong của quận Cửu Chân, một quận lớn thời đó.

Thời Tam Quốc đến nhà Tùy thuộc huyện Di Phong

Thời Đường thuộc đất của huyện Trường Lâm

Thời Đinh, Lê, Lý vẫn giữ như thời Đường

Thời Trần, Hồ và thời thuộc Minh gồm 2 phần thuộc các huyện:

- Phần lớn thuộc huyện Nga Lạc (châu Thanh Hóa)
- Một phần ít thuộc huyện Nông Cống (châu Cửu Chân).

Thời Lê vẫn thuộc đất của huyện Nga Lạc và huyện Nông Cống

Thời Nguyễn, năm Minh Mệnh thứ 16 (1835) nhập huyện Thọ Xuân cũ (gồm 2 tổng Mậu Lộc và Quân Nhân) vốn là đất của huyện Thường Xuân lệ vào châu Lang Chánh. Huyện Thọ Xuân cũ (miền núi) mất tên

(huyện Thọ Xuân cũ không phải là huyện Thọ Xuân bây giờ, lúc đó gọi là huyện Lôi Dương).⁽¹⁾

Năm Minh Mệnh thứ 18 (1837), châu Thường Xuân (còn gọi là Châu Thường) ra đời.

Năm Tự Đức thứ 3 (1850), bỏ Tri châu cho Phủ Thọ Xuân kiêm lý. Thường Xuân lúc này gồm 23 xã, chia làm 4 tổng:

- Tổng Nhân Sơn gồm 4 xã: Bát Mọt, Yên Nhân, Sơn Cao (sau đổi là Xuân Khao), Nhân Trầm (gồm nửa xã Xuân Mỹ và nửa xã Xuân Khao) nằm ở phía Tây của huyện.

- Tổng Trịnh Vạn có 4 xã: Trịnh Vạn (nay là Vạn Xuân), Lê Khê (nay là Xuân Chinh và Xuân Lệ), Mậu Lộc, Thắng Lộc (gồm xã Xuân Lộc, Thắng Lộc).

- Tổng Luận Khê có 7 xã: Chu Hoàn, Kỳ Pha, Trung Lập (nay là xã Tân Thành), Ngọc Trà, Yên Mỹ, Khê Hạ, La Lũ (nay là xã Luận Khê).

- Tổng Quân Nhân gồm 4 xã: Ban Vân, Quân Nhân, Ban Công, Lâm Lư (4 xã này đã cắt về huyện Như Xuân năm 1949).

Đến thời Đồng Khánh (1886 - 1888), châu Thường Xuân vẫn do phủ Thọ Xuân kiêm lý, nhưng về địa danh hành chính có một vài thay đổi nhỏ:

(1). *Địa chí Thanh Hóa, tập I, Địa lý và lịch sử*. NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội. 2000, tr. 454, gồm 5 động, sách, thôn: động Trịnh Vạn, động Nhân Trầm, sách Quân Thiên, động Lâm Lư, thôn Mậu Lộc thuộc huyện Thọ Xuân cũ.

Cả châu Thường Xuân có 4 tổng 26 xã:

- Tổng Quân Nhân gồm 7 xã: Quân Nhân, Hương Cà, Bàn Công, Phong Huân, Lâm Lư, Tri Giới và Ban Vãn.

- Tổng Trịnh Vạn gồm 4 xã: Trịnh Vạn, Mậu Lộc, Lê Khê, Thọ Thắng.

- Tổng Luận Khê gồm 7 xã: Kỳ Ban, Trung Lập, La Lũ, Chu Hoàn, Khê Hạ, Yên Mỹ và Ngọc Trà.

- Tổng Như Lăng gồm 8 xã: Quỳnh Thanh (trước là sách Hoa Quỳnh, đầu thời Thiệu Trị do kiêng húy chữ Hoa nên đổi thành xã Quỳnh Thanh), Tú Thịnh, An Cư, Bát Dân, Hữu Lễ, Cự Đức, Thượng Cốc và Bát Vân.⁽¹⁾

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, châu Thường Xuân đổi thành huyện Thường Xuân và giữ nguyên cho đến hôm nay.

Đến trước năm 2005, Thường Xuân có 19 xã, 1 thị trấn. Sau 2005, để xây dựng công trình Thủy lợi - Thủy điện Cửa Đạt, đã di dời 3 xã: Xuân Mỹ, Xuân Khao, Xuân Liên và Thôn Thẩm xã Vạn Xuân đưa nhân dân đi định cư tại các vùng kinh tế mới ở trong và ngoài tỉnh.

Hiện nay, Thường Xuân có 16 xã, 01 thị trấn (gồm 141 thôn cũ, mới chia tách):

(1). Viện nghiên cứu Hán Nôm, *Đồng Khánh dư địa chí*, NXB Thế giới 2004, tr. 1147.

- Thị trấn Thường Xuân (có tên từ năm 1988), gồm các thôn cũ là: Ngọc Lâm, Đồng Tâm, Đồng Lực, Quyết Thắng, Tân Long; nay lần lượt gọi là các Khu phố 1, Khu phố 2, Khu phố 3, Khu phố 4, Khu phố 5 và Thôn Tân Long.

- Xã Bát Mọt (còn gọi là *Bắt Mọt* hay *Bát Mọt*, có tên từ thời Lê), gồm các thôn hành chính (trước đây là bản): Hón, Ruộng, Khẹo, Chiềng, Cạn (Mót), Phồng, Dư, Đục, Vịn.

- Xã Luận Thành (được thành lập năm 1983) gồm các thôn (xưa là làng, bản): Xuân Minh, Liên Thành và Thống Nhất (xưa là Khê Hạ), Tiến Hưng và Tiến Hưng 2 (xưa là bản Chượng), Sơn Cao (bản Poọng), Cao Tiến (bản Khoán), Thành Thắng (bản Than).

- Xã Luận Khê (tên gọi có từ thời Nguyễn), gồm các thôn (trước là bản): Hún (bản Hôn), Tràng Cát, Buồng, Chiềng, Mơ, Yên Mỹ (bản Mọt), An Nhân (ghộp 2 bản An và bản Nhân), Thấm, Ngọc Trà (bản Muồng), Kha (bản Cả) Sông Đản và Cửa Dụ (mới lập).

- Xã Lương Sơn (tên gọi có sau năm 1945), xưa gồm 17 bản làng, nay sát nhập thành các thôn hành chính là: Ngọc Thượng, Minh Quang, Trung Thành, Lương Thiện, Lương Thịnh, Ngọc Sơn.

- Xã Ngọc Phụng (tên gọi có sau năm 1945) gồm các thôn (xưa là các làng) Quyết Tiến và Xuân Thành (làng

Mé), Hưng Long (làng Ván), Xuân Liên (làng Tôm), Xuân Lập, Xuân Thắng, Hòa Lâm, Phú Vinh.

- Xã Tân Thành (*tên gọi có từ sau năm 1945*) gồm các thôn (trước là bản): Thành Nàng (bản Nàng), Thành Lai (bản Lai), Thành Lãm (bản Lãm), Thành Lập bản Lập), Thành Giỏ (bản Giỏ), Thành Hạ (bản Hạ), Thành Đon (bản Đon), Thành Lãm (bản Lãm), Thành Lợi (làng mới lập sau năm 1960, đồng bào huyện Thiệu Hóa lên định cư).

- Xã Thọ Thanh (*có tên từ sau năm 1945*) gồm các thôn (trước là làng): Thanh Trung, Thanh Trung 2, Thanh Trung 3 (gồm làng Vực và làng Hạ cũ); Đông Xuân (làng Đông), Hồng Kỳ (làng Hồ), Thanh Cao (làng Đìn), Thanh Long (xưa là làng chài), Thanh Xuân và Thanh Sơn (tách từ Thanh Trung cũ).

- Xã Vạn Xuân (*thành lập năm 1963*): gồm các thôn (xưa là bản) Công Thương (bản Tột), Bù Đôn, Lùm Nưa (gộp 2 bản Lùm và bản Nưa), Cang Khèn (gộp 2 bản Cỏ Pạo và bản Càng), Ná Mén, Ná Cộng, Nhòng, Hang Cáu (gộp 2 bản Hang và bản Cáu), Khăm, Quạn, và thôn Thác Làng (mới lập).

- Xã Xuân Cao (*tên gọi có từ sau năm 1945*), trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 có các làng: Thê, Lù, Kha, Rạch; Nay gồm các thôn hành chính: Xuân Minh 1 và Xuân Minh 2, Xuân Thắng, Thống Nhất, Minh Quang, Thành Tiến, Quyết Thắng 1 và Quyết Thắng 2, Trung Thành, Nam Cao, Trung Tiến, Thành Công, Quyết Tiến.

- Xã Xuân Cẩm (*tên gọi có từ sau năm 1945*) gồm các thôn (xưa là bản): Thanh Xuân (bản Mạ), Tiến Sơn 1 và Tiến Sơn 2 (bản Đòn), Trung Chính (bản Gấm), Xuân Quang (bản Quan), Xuân Minh (bản Láu).

- Xã Xuân Chinh (*thành lập năm năm 1963*) gồm các thôn (xưa là bản): Cụt Ấc (gộp 2 bản Cụt và bản Ấc), Tú Tạo, Chinh, Thông, Hành, Xeo, Giang.

- Xã Xuân Dương (*tên gọi có sau năm 1945*) gồm các thôn (xưa là làng): Thống Nhất 1, Thống Nhất 2, Thống Nhất 3 (làng Hún); Xuân Thịnh (làng Thịnh), Vụ Bản (làng Vò), Tân Lập (làng Suội), Tiến Long.

- Xã Xuân Lẹ (*thành lập năm 1963*) gồm các thôn (xưa là bản): Liên Sơn (gộp 2 bản Bèn và Tùm cũ), Đông Bai (gộp 2 bản Đông và Bai), Xuân Sơn (gộp 2 bản Cả và bản Soi), Xuân Ngù (bản Ngù), Bàn Tạn, Bọng Nàng (gộp 2 bản Bọng và bản Nàng), Lẹ Tà (gộp 2 bản Lẹ và bản Ná Tà), Cọc Chẽ (hay Cộc Chẽ, gộp 2 bản Cọc và Chẽ), Dài.

- Xã Xuân Lộc (*thành lập năm 1983*), gồm các thôn (xưa là bản): Chiềng, Cộc, Vành, Quẻ, Pà-Cầu.

- Xã Xuân Thắng (*thành lập năm 1983*), gồm các thôn (xưa là bản) Xương, Tú, Xem, Đót, Tân Thắng, Dín, Ёn, Tân Thọ.

- Xã Yên Nhân (*tên gọi có từ thời Nguyễn*), gồm 6 thôn (xưa là bản): Khoong, Mỹ, Chiềng, Na Nghịu, Lửa, Mỏ.

II. TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA, TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ

Thường Xuân là một trong không nhiều địa phương trên đất nước ta được xác định có mặt con người ngay từ buổi bình minh. Năm 1926, bà Mađolen Côlani - nhà khảo cổ và địa chất học người Pháp - sau khi tiến hành điều tra khảo cổ học ở tỉnh Hòa Bình, Ninh Bình và miền Tây tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình đã phát hiện một nền văn hóa khảo cổ mới và đặt tên là Văn hóa Hòa Bình (lấy tên tỉnh Hòa Bình - nơi đầu tiên tìm thấy những di tích tiêu biểu). Tại Thanh Hóa, Côlani đã tìm thấy hoạt động của con người thời tiền sử cách ngày nay khoảng 1 vạn năm tại 18 địa điểm thuộc các huyện Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Thạch Thành và Thường Xuân...

Trên đất Thường Xuân, tại xã Bát Mọt, Côlani đã phát hiện được nơi cư trú của người nguyên thủy ở một hang động (sau này đặt tên là hang Bát Mọt). Theo báo cáo của nhà khoa học này, hang rộng 11,5m, dài 18m, cao 1,5m, cửa hang quay về hướng Tây Bắc, trên vách hang còn một ít trầm ở độ cao 0,6 - 0,8m. Qua tìm kiếm, khai quật thu được 96 di vật đá, phân thành các loại chày đá, hòn ghè, rìu thô hình đĩa, rìu ngắn, nạo đá và một vài công cụ không định hình⁽¹⁾. Cùng với những di vật đá, người nguyên thủy ở hang Bát Mọt còn để lại nơi ở của

(1). *Văn hóa Hòa Bình ở Việt Nam*, Nxb Hà Nội, 1989, tr. 202.

mình những vỏ ốc suối lẫn lộn vài hòn cuội có dấu vết than tro. Không nghi ngờ gì nữa, đây là chỗ ở của một tập đoàn người nguyên thủy có cuộc sống khá ổn định trong điều kiện tương đối thuận tiện để phát triển đời sống.

Đến những năm 30 của thế kỷ XX, một nhà khảo cổ người Pháp khác là E. Sô-ranh (E.saurin) đã tìm thấy trên đất Thường Xuân các hang động Thẩm Hai và Thẩm Tiên thuộc các dãy núi đá vôi gần huyện Quỳnh Châu (Nghệ An) có một tầng văn hóa dày từ 20 - 30cm, chứa nhiều di vật bằng đá và gốm. Qua xác định, các di vật này thuộc thời sơ kỳ kim khí, được đặt tên là nhóm di tích Mỹ Tế. Nhóm di tích này, tại Thanh Hóa, cùng thời với giai đoạn Văn hóa Cồn Chân Tiên ở lưu vực sông Mã, Văn hóa Hoa Lộc (Hậu Lộc) ở miền ven biển và văn hóa Phùng Nguyên ở lưu vực sông Hồng, cách chúng ta ngày nay 4.000 năm.

Những di vật mà chủ nhân ở các hang Thẩm Hai, Thẩm Tiên để lại gây được sự chú ý của giới nghiên cứu, đặc biệt là đồ gốm. Tuy số lượng mảnh gốm thu được không nhiều (105 mảnh) nhưng hết sức độc đáo: Phần lớn có miệng loe dày, vai xuôi, có loại có chân đế, có loại đáy bằng (loại gốm đáy bằng cho đến nay vẫn rất ít gặp trong các di tích cùng thời ở nước ta). Để khắc phục tình trạng nứt nẻ của đồ đựng, người Thường Xuân khi ấy đã trộn khá nhiều các hạt thô và bã thực vật vào đất sét khi

luyện đất, do đó mảnh gốm khá dày. Nhiều mảnh gốm có hoa văn trang trí bằng cách vạch lên thân đồ gốm những đường vạch song song cắt nhau chạy quanh thân gốm hoặc thay cho các đường khắc vạch là những hình chữ S nối nhau tương đối sinh động ⁽¹⁾.

Cũng ở hang Thảm Hai, Thảm Tiên còn tìm thấy rất nhiều vỏ ốc suối, đó là dấu vết hoạt động hái lượm của con người khi ấy. Song, điều chắc chắn là nông nghiệp trồng lúa nước đã trở thành một ngành kinh tế chủ đạo. Tại các thung lũng bằng phẳng gần nguồn nước quanh các hang này, người ta còn trồng các loại cây cho hạt, cho củ bằng những công cụ bằng đá (chưa tìm thấy công cụ bằng đồng) và có thể có mặt những dụng cụ tre, gỗ khác như gậy chọc lỗ tra hạt và chắc chắn lửa được sử dụng "đào canh hỏa chủng" trong việc phát nương làm rẫy.

Tiếp theo thời sơ kỳ kim khí, cư dân cổ ở Thường Xuân bước vào một giai đoạn cao hơn. Bằng chứng là phát hiện khảo cổ học ở núi Thé năm 2000, đặt Thường Xuân vào vị trí quan trọng trong mối quan hệ văn hóa đa chiều ở khu vực miền núi xứ Thanh.

Núi Thé là một quả đồi trồng luống, sản thuộc xã Xuân Cao nằm ở phía Đông - Nam huyện Thường Xuân, giáp ranh với huyện Thọ Xuân, cạnh sông Đản. Tại lưng chừng núi Thé, những người đào tìm cổ vật đã đào hàng

(1). *Lịch sử Thanh Hóa. Tập I, thời tiền sử và sơ sử*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội, 1990. tr.96.

chục hố đào, dấu vết để lại có độ sâu từ 0,2 đến 1,0m. Những hiện vật đào thấy, một số đã được UBND huyện Thường Xuân thu giữ. Căn cứ vào bộ sưu tập thu giữ được, các nhà nghiên cứu⁽¹⁾ đã chia làm 2 loại chất liệu:

- Sưu tập đồ gốm, gồm 9 hiện vật: bình 2 chiếc, vò 6 chiếc, bát 1 chiếc. Ngoài những hiện vật còn nguyên này còn có rất nhiều mảnh gốm có in hoa văn xương cá, trám lòng, ô trám đơn... kiểu dáng đồ gốm và hoa văn trang trí giống như các hiện vật cùng loại thuộc giai đoạn Hán-Đường đã phát hiện ở Thanh Hóa. Ở một số mảnh gốm có các đường chỉ trang trí ở vai, cổ, miệng, mang phong cách của đồ gốm Tam Thọ (ở Đông Vinh, Đông Sơn, Thanh Hóa) cho biết đã có một sự giao lưu văn hóa giữa vùng đồng bằng với vùng núi Thanh Hóa từ đầu công nguyên.

- Sưu tập đồ đồng: Ngoài chiếc bát đồng và chiếc đĩa đèn còn nguyên được phủ một lớp patin rỉ xanh, chất liệu đồng còn khá tốt là hàng trăm ki lô gam mảnh vỡ đồng thu được. Các nhà nghiên cứu đã phân loại sơ bộ và cho biết hầu như có mặt tất cả các loại đồ đồng điển hình của Văn hóa Đông Sơn và hậu kỳ Văn hóa Đông Sơn. Đó là mảnh vỡ của mặt trống đồng loại I He'ger (trống đồng Đông Sơn điển hình), mảnh thạp đồng Đông Sơn, mảnh trống chậu, mảnh ấm đồng, mảnh lư hương có trang trí hình hổ phù, bình hình con tiện, kiếm đồng to bản, mảnh

(1). Đỗ Quang Trọng, *Những phát hiện khảo cổ học ở núi Thề (Thanh Hóa) trong Những phát hiện mới về khảo cổ học Việt Nam*, Viện Khảo cổ học, Hà Nội 2001. tr. 278.

bát đĩa đồng... Những hiện vật còn nguyên và mảnh vỡ đồng ở núi Thé được chế tác từ một kỹ nghệ đúc đồng ở trình độ khá cao và là những sản phẩm có giá trị lúc đó. Cũng ở núi Thé, người ta còn tìm thấy những đồng tiền "ngũ thù" (tiền Hán) lẫn lộn trong các hố đào bới.

Những phát hiện khảo cổ ở núi Thé - Xuân Cao đã chỉ định cho giới khoa học một khu mộ địa có quy mô khá lớn với những tín hiệu thuộc Văn hóa Đông Sơn rõ nét. Tuy chưa tìm thấy dấu vết của mộ gạch thời Hán, nhưng từ những loại hình và đặc điểm hoa văn trang trí cho biết đây là một khu mộ địa của người Việt và người Việt khi đó đã có mối giao lưu với văn hóa Hán. Rõ ràng, trước và sau công nguyên, ở Thường Xuân người Việt đã có mặt với những làng xóm cư trú lâu đời. Lớp cư dân này đã bảo lưu những truyền thống văn hóa tốt đẹp của người Việt cổ, đồng thời cũng đã tiếp nhận những hiện vật mang tính ưu việt của người Hán để làm phong phú thêm bản sắc văn hóa của mình.

Các giai đoạn phát triển sau này, tuy chưa hiểu biết được nhiều, chủ yếu qua các ghi chép sơ sài từ thư tịch cổ Trung Quốc với sản vật nổi tiếng "Giao Chỉ quế ngọc". Các sử sách của ta nói về Thường Xuân cũng trong tình trạng như thế. Nhưng chắc chắn cư dân Thường Xuân đã kế thừa và phát huy được truyền thống văn hóa, truyền thống "yêu nước thương nòi" của các lớp dân cư trước, để đến khi khởi nghĩa Lam Sơn nổ ra, đất Thường Xuân trở thành căn cứ địa quan trọng, là nơi

"hùng khí thiêng liêng" để hào kiệt bốn phương về tụ nghĩa, núi rừng Thường Xuân chở che cho nghĩa quân, nhân dân Thường Xuân không tiếc sức người, sức của cùng nghĩa quân vượt qua giai đoạn gian khó nhất của cuộc khởi nghĩa. Đến ngày nay, trên đất Thường Xuân còn lưu dấu nhiều kỷ niệm cao đẹp qua các di tích và văn học dân gian mà thời gian không bao giờ phai nhạt.

Đầu tháng 2 năm Bính Thân (1416), Lê Lợi cùng những người đồng chí tâm phúc tụ hội về Lũng Nhai (nay xác định là Lũng Mi)⁽¹⁾, trên khu vực Pù Mí thuộc Làng Mé xã Ngọc Phụng - Thường Xuân làm lễ tế cáo trời đất, kết nghĩa anh em quyết tâm đánh giặc cứu nước.

Lũng Nhai cách Lam Sơn hơn 10 km về phía Tây. Đây là một làng nằm sâu trong rừng núi có sông Âm bên hữu ngạn, có sông Lương bên tả ngạn. Trước thần linh sông núi, cùng 18 hiền kiệt, vị Động chủ Lam Sơn - Lê Lợi đã trang trọng tuyên đọc lời thề. Lời thề có đoạn: *"Có kẻ bằng đảng xâm chiếm nước ta, qua cửa quan làm*

(1). Xung quanh địa điểm lịch sử này còn có ý kiến khác: Một số cụ già ở Lam Sơn cho rằng Lũng Nhai nằm trong khu vực Lam Kinh, cách làng Như Áng chừng vài cây số; đó là một bãi trũng được che kín bốn phía bởi cây cối rậm rạp. Lại có ý kiến cho rằng Lũng Nhai là Thung Mai thuộc xã Yên Lâm (Yên Định), cách Lam Kinh chừng vài chục cây số về phía Tây Bắc. Song, qua khảo sát và điều tra thực địa, Giáo sư Phan Huy Lê và Phan Đại Doãn, tác giả cuốn *"Khởi nghĩa Lam Sơn"* đã khẳng định Lũng Nhai chính là Lũng Mi. Các tác giả cuốn *"Lịch sử Thanh Hóa tập III"* do Ban Nghiên cứu và Biên soạn Lịch sử Thanh Hóa biên soạn, xuất bản năm 2000 và *"Địa chí Thanh Hóa tập I"*, phần Địa lý và Lịch sử (Nxb Văn hóa - Thông tin, 2000) cũng thống nhất quan điểm như trên. Khu vực này hiện đang được giới chuyên môn khảo sát, nghiên cứu.

hại nên Lê Lợi cùng Lê Lai đến Trương Chiến, 19 người chung sức đồng lòng, giữ gìn đất nước làm cho xóm làng được ăn ở yên lành. Thề sống chết cùng nhau, không dám quên lời thề son sắt". Hôm nay, đến Lũng Nhai, đã trải qua mấy trăm năm mưa gió dãi dầu, thật khó xác định đâu là nơi các anh hùng quỳ xuống nghe lời tuyên thệ làm cảm thấu thần linh trời đất? Đâu là đàn xã tắc trong khói hương trầm mặc? Đâu là nơi nghĩa quân cầm cờ, lập thề trận, tổ chức thao diễn để gây thanh thế trước sự chứng kiến của nhân dân quanh vùng? Nhưng về với Lũng Nhai trong không gian lịch sử, các thế hệ tiếp nối cứ tưởng tượng ra trong suy tư của mình với niềm thành kính về một thời khắc lịch sử trọng đại ấy. Hội thề Lũng Nhai đã mang ý nghĩa là một tổ chức đại diện cho mọi miền đất nước hội tụ về Lam Sơn, nguyện ước trước non sông đoàn kết một lòng đánh giặc cứu nước.

Sau hội thề, Lê Lợi cùng đội ngũ các anh hùng Lũng Nhai đã tích cực chuẩn bị những điều kiện cần thiết để tiến hành khởi nghĩa. Nhân dân các dân tộc Thường Xuân đồng lòng vì nghĩa đi theo ngọn cờ cứu nước của nghĩa quân Lam Sơn. Tiêu biểu là bốn người họ Phạm ở làng Cao Trị nay xác định thuộc xã Xuân Cao, gồm: Phạm Yên, Phạm Thái, Phạm Oánh, Phạm Nột; đặc biệt là Lê Cố⁽¹⁾ ở một bản người Thái thuộc động Nhân Trầm (xã Xuân Mỹ cũ, nay là khu vực lòng hồ Cửa Đạt). Chắc hẳn trong danh sách 18 người đứng sau Lê Lợi, còn rất

(1). Lê Cố, có thể họ khác, nhưng được ban quốc tính (họ vua).

nhieu người mà chúng ta chưa có điều kiện để tìm hiểu, chỉ biết rằng sau hội thề đã có mặt tới 35 quan võ, một số quan văn, 200 thiết kỵ, 200 nghĩa sĩ, 14 thớt voi và lực lượng nghĩa binh có đến 2.000 người. Con số ngày càng được nhân lên và chiến tích những nghĩa sĩ vô danh vẫn là vấn đề phía trước của các công trình khảo cứu, nhưng có thể khẳng định, lực lượng tại chỗ ở tả và hữu ngạn sông Lương (tên cũ của sông Chu) là hết sức quan trọng mà Thường Xuân ở vào vị trí cận kề đã đóng góp một số lượng lớn. Bản chép về danh sách các vị khai quốc công thần hồi đầu khởi nghĩa cũng đã cho biết ít nhiều về sự phân công trong đội ngũ tướng lĩnh. Cùng với Lê Văn Linh, Bùi Quốc Hưng được giao nhiệm vụ "*Mưu điệp văn quốc sự*" (vạch mưu kế, thảo giấy tờ), Trần Duy được giao "*Tư lương quốc sự*" (coi sóc lương thảo), Lê Cố của Thường Xuân giữ việc "*Tiền phạt thượng dụng*" (dâng cơm), chứng tỏ Lê Cố là người hết sức tâm phúc của chủ tướng Lê Lợi. Cũng trong danh sách của hơn 30 vị khai quốc công thần được giao trọng trách theo thứ bậc như *Hộ quốc sự*: Lê Lai, Nguyễn Trãi; *Nghị quốc sự*: Lê Liễu; *Phù quốc sự*: Lê Hiêm, Võ Uy, Lê Náo, Lê Ngân; *Tư quốc sự*: Lê Cố⁽¹⁾ (được phong đường quận công tư quốc sự) cho biết Lê Cố là người nắm giữ trách nhiệm quan trọng trong hàng ngũ nghĩa quân sau hội thề Lũng Nhai lịch sử. Trong danh sách những khai quốc

(1). Ty văn hóa Thanh Hóa - *Lam Sơn thực lục* bản mới phát hiện. 1976. tr. 200.

công thần được ban phong vào năm Thuận Thiên nguyên niên (1428): "Tháng 2 định công cho các hỏa thủ và quân nhân, quân Thiết Đột có công siêng năng, khó nhọc ở Lũng Nhai, chia ra thứ bậc, công 221 người" rất nhiều người không rõ quê quán, chắc chắn trong số đó không ít người thuộc con em dân tộc Thường Xuân.

Song song với việc tập hợp lực lượng lương thảo, Lê Lợi đặc biệt chú ý tới việc sắm sửa vũ khí, luyện tập nghĩa quân. Truyền ngôn ở nhiều làng Thường Xuân bây giờ còn lưu truyền xưa kia cha ông họ là những người làm nỏ, vót chông, đeo gậy cho nghĩa quân Lê Lợi⁽¹⁾.

Ngoài Lũng Nhai, nơi diễn ra hội thề, Thường Xuân còn có một địa điểm khác gắn chặt với 5 năm đầu gian khó nhất của cuộc khởi nghĩa, đó là núi Chí Linh. Núi Chí Linh nay được xác định là các ngọn núi thuộc sơn hệ Pù Rinh⁽²⁾. Đây là nơi địa hình vô cùng hiểm trở, được

(1). Lê Lợi rất ghi nhớ công lao to lớn của các dân tộc thiểu số miền Tây Thanh Hoá trong những ngày đầu gian khổ của cuộc khởi nghĩa, trong đó có nhân dân Thường Xuân. Phạm Đình Hồ trong *Vũ Trung tuý bút* cho biết: sau khi triều Lê được thành lập, trong lễ tế Thái Miếu ở Lam Kinh (Lam Sơn) có lệ khăn bằng tiếng "Ai Lao" để chúc phúc. Tiếng "Ai Lao" ở đây có thể là tiếng Thái, bởi tiếng Thái và tiếng Ai Lao (Lào) giống nhau, các sử sách cũ của nước ta cũng đều ghi như vậy.

(2). Theo các tác giả cuốn *"Khởi nghĩa Lam Sơn"* xác định thì núi Chí Linh hay Linh Sơn tức là núi Pù Rinh chép theo chữ Hán: Pù nghĩa là núi, Rinh chuyển thành Linh", thuộc địa phận 2 huyện Thường Xuân và Lang Chánh. Phần núi Pù Rinh thuộc đất Thường Xuân (sườn Tây - Nam) rất hiểm trở, phần núi Pù Rinh ở Lang Chánh dễ đi lại hơn và phía Thường Xuân còn nhiều địa danh, dấu tích hơn nên rất có thể thời gian nghĩa quân Lam Sơn phải đồn trú ở núi Chí Linh chính là ở trên đất Thường Xuân.

coi là căn cứ đảm bảo sự sống còn của cuộc khởi nghĩa, lúc thủ lúc công đều thuận tiện. Núi rừng Chí Linh, lòng dân Chí Linh là nơi:

Ròng thiêng ở đó có thể tàng hình dấu vết

Thánh nhân ở đó có thể ẩn kín thời cơ

(Lý Tử Tấn)

Sau một thời gian chuẩn bị, những điều kiện cần thiết cho cuộc khởi nghĩa đã chín muồi, cũng là lúc giặc Minh và bè lũ tay sai đánh hơi thấy chúng tăng cường lực lượng hòng đè bẹp cuộc khởi nghĩa từ trong trứng nước. Trước tình hình đó, Lê Lợi và bộ chỉ huy Lam Sơn quyết định dựng cờ khởi nghĩa. Ngày mùng 2 tháng Giêng năm Mậu Tuất (1418), trong không khí thiêng liêng của ngày tết Nguyên Đán cổ truyền của dân tộc, Lê Lợi cùng toàn thể nghĩa quân dựng cờ khởi nghĩa, tự xưng là Bình Định Vương và truyền hịch kêu gọi nhân dân khắp nơi cùng đứng lên giết giặc cứu nước.

Chỉ ít ngày sau khi dựng cờ khởi nghĩa, đã diễn ra cuộc chiến đấu không cân sức giữa một bên là nghĩa quân Lam Sơn mới tập hợp còn thiếu thôn trăm bề, với một bên là lực lượng quân Minh hùng hậu và thiện chiến. Sau những cuộc giao tranh quyết liệt, để bảo tồn lực lượng lâu dài cho cuộc kháng chiến, Lê Lợi đã quyết định rời căn cứ Lam Sơn rút về xứ Mường Một. *Lam Sơn thực lục viết*: "lúc chưa thắng, Vua phải chạy vào rừng

núi, trên bờ sông Khả Lam thuộc xứ Mường Một"⁽¹⁾. Lại một vùng đất khác của Thường Xuân bởi xứ Mường Một nay được xác định là một vùng rộng lớn dưới sơn hệ Pù Rinh thuộc các huyện Lang Chánh, Ngọc Lặc, trên đất Thường Xuân gồm các xã Bát Một, Yên Nhân, Lương Sơn, Vạn Xuân và có thể gồm cả Xuân Cẩm, Ngọc Phụng, Thị trấn Thường Xuân⁽²⁾ nơi bắt nguồn của nhiều sông suối như sông Khao, sông Âm (các chi lưu của sông Chu).

(1). *Lam Sơn thực lục*. Sđd, tr. 241.

(2). Đến đầu thế kỷ XV, Mường Một là một mường lớn của châu Lang Chánh, nay là vùng Bát Một huyện Thường Xuân. Tuy nhiên Mường Một chỉ là một trong những mường của xứ Mường Một. Xứ Mường Một được nhắc đến trong các sách xưa, trên địa phận Thường Xuân ngày nay có thể gồm các xã nằm kề dưới sườn Tây - Nam của sơn hệ Pù Rinh (ứng với các mường Thái cũ): Bát Một (mường Một), Yên Nhân (mường Sín), Xuân Khao (mường Khao), Lương Sơn (mường Hương), Vạn Xuân (mường Chiềng Bán)... và có thể bao gồm cả xã Ngọc Phụng, các xã bên bờ tả sông Đát như Xuân Mỹ cũ (động Nhân Trầm), Xuân Cẩm kéo xuống tận Thị Trấn Thường Xuân. Sự tích Hồ Ly trong *Lam Sơn thực lục* ghi: *Lúc chưa thắng, vua (tức Lê Lợi) phải chạy vào rừng núi, trên bờ sông Khả Lam thuộc xứ Mường Một, bỗng gặp một người con gái nằm chết... Sau khi chôn cất người con gái thì giặc Minh sục tới, Lê Lợi liền trốn vào một cây thân rồng, cũng là lúc quân Minh xông tới. Bỗng có một con Hồ Ly chạy ra, giặc Minh xua chó ngao đuổi theo, Lê Lợi thoát nạn đi thẳng đến Trịnh Cao đồn trú lại... Có thể nơi Lê Lợi thoát hiểm ở trên là khu vực Tổ Rồng (thuộc Thị Trấn Thường Xuân) bởi khi trước nơi đây từng có 2 ngôi đền trong đó có một ngôi đền thờ Bạch Y công chúa (hay Hồ Ly), địa danh Đồng Chó (đã đổi tên thành Đồng Mới được coi là nơi quân Minh giết bầy chó ngao vì không bắt người mà đi bắt cáo (Hồ Ly)). Hơn nữa tên sông Khả Lam chỉ có thể là sông Chu đoạn chảy qua đây, chứ không thể ngược lên đến vùng Bát Một chỉ là các sông suối nhỏ. Từ Tổ Rồng đến Trịnh Cao (được xác định là một phần thuộc Xuân Cao) gần hơn hàng mấy chục lần từ Bát Một về. Đây cũng là vùng đồng bào Mường, có thể là cả Thái, Kinh rất hưởng ứng cuộc nghĩa của Lê Lợi*

Tại xứ Mường Một những cuộc chiến đấu chống lại sự tàn quét của giặc Minh đã diễn ra ác liệt. Giặc Minh đã huy động lực lượng hùng mạnh bắt Lê Lợi và tiêu diệt nghĩa quân. Bằng tinh thần quả cảm và sự bảo vệ của đồng bào ở xứ Mường Một, nghĩa quân Lam Sơn đã thoát được sự bủa vây hùng mạnh tiêu diệt của địch.

Trước sự vây ráp ngày càng quyết liệt của kẻ thù, Lê Lợi quyết định lên núi Chí Linh khi mọi ngã đường về Chí Linh đều bị khóa chặt, ngày đêm quân thù lùng sục khắp các hang cùng ngõ hẻm: "*lượng thực ít tuyệt đường đi về Linh Sơn, Mường Cốc... quân lính chịu khổ, đói rét vất vả hàng mười ngày liền, đào củ nâu ăn cầm hơi, tìm mật ong làm nước uống, người ngựa đều đói khát*"⁽¹⁾ Tại đây, Lê Lai đã đổi áo cho Lê Lợi, dẫn 500 quân và 2 voi chiến xông ra tập kích quân Minh và đã anh dũng hy sinh để bảo tồn lực lượng nghĩa quân. Sau này, thêm một lần nữa khi căn cứ Lam Sơn không ngừng bị giặc Minh vây ráp và cô lập (sau chiến thắng Lạc Thủy tháng 5 năm 1418), Lê Lợi lại gặp khó khăn nghiêm trọng, phải rút lên Chí Linh lần thứ 2 trong sự đùm bọc và che chở của nhân dân các dân tộc Thường Xuân.

Đất Thường Xuân, người Thường Xuân gắn với khởi nghĩa Lam Sơn để rồi lịch sử ghi dấu, cũng như ký ức dân gian mãi lưu truyền về một thời kỳ gian khó nhưng

(1). *Lam Sơn thực lục*. S.đ.d, tr. 241.

rất đổi hào hùng trong lịch sử dân tộc, Nhiều thế kỷ qua nhưng hình tượng anh hùng dân tộc Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn đánh giặc Ngô trên đất Thường Xuân vẫn luôn bình dị, thân thiết trong lòng đồng bào. Có thể nói, trong kho tàng văn hóa dân gian của các dân tộc Thường Xuân, đây là đề tài có nhiều truyện kể ca ngợi Lê Lợi là người rộng rãi và nhân đức, có bao nhiêu của cải đều đem thết đãi tân khách và giúp đỡ người nghèo nên khi ông dựng cờ khởi nghĩa, hào kiệt khắp nơi cùng về đứng dưới lá cờ tụ nghĩa.

Đất Xuân Mỹ trước đây (vùng hồ Cửa Đạt bây giờ) là nơi tướng quân Lê Lợi đã hạ trại. Dấu vết đồn trại không còn nhưng trên sông vẫn còn một hòn đá là nơi Lê Lợi cùng Nguyễn Trãi mài son rửa bút. Nơi hòn đá ông ngồi còn vết chân lõm xuống cạnh chỗ mài mực, chỗ gác bút. Có lẽ vì thế đồng bào quanh vùng còn lưu truyền câu: "Mài mực nuôi con, mài son đánh giặc".

Chuyện về sông Khao, suối Khao kể rằng: một lần Lê Lợi thắng trận đưa quân qua xứ Mường Một, dừng chân nghỉ ngơi lấy sức. Được tin vua đến, già bản dẫn hơn hai chục trai tráng tới xin gặp chủ tướng. Sau khi vái lạy Lê Lợi, ông già thưa: Người Thái chúng tôi có câu: "*thời loạn thì cầu người hùng*" nay xin chủ tướng cho trai bản cùng đi đánh giặc. Giữa lúc ấy, một toán giặc Minh sục tới, đám trai bản đòi đánh, nhưng Lê Lợi nói: nếu đánh ở đây mũi tên hòn đạn dễ vào dân nên nghĩa quân

lặng lẽ rút vào rừng sâu. Khi lũ giặc kéo đến, chúng tra khảo dân bản và cướp trâu mang đi. Bỗng có người dùng nỏ bắn, làm con trâu lòi ruột. Tướng giặc hùng hổ hạ lệnh giết hết dân bản và vớt xác xuống sông. Xác người bị giết làm hôi tanh cả một khúc sông dài. Nghĩa quân Lê Lợi được tin quân giặc đã tàn sát dân bản liền trở lại đánh một trận để trả thù. Đám giặc bị giết gọn, xác chúng chất đầy một con suối nhỏ. Để ghi nhớ sự kiện này nhân dân địa phương đặt tên sông ấy là *sông Khao* - tiếng Thái có nghĩa là dòng sông hôi tanh⁽¹⁾.

Ở Yên Nhân, phía Bắc sông Khao, lại có chuyện về dân không ăn thịt chim quốc. Chuyện kể rằng khi Lê Lợi cho quân rút về núi Chí Linh sau trận chiến ở Lạc Thủy, giặc Minh ráo riết tấn công, bao vây hồng tiêu diệt bộ chỉ huy nghĩa quân. Bị giặc bao vây, thiếu lương thực, nước uống, tình cảnh nghĩa quân rất gay go, nhân dân các chòm bản xung quanh phải thường xuyên lên núi tiếp tế. Một ngày mùa khô thiếu nước, dân bản ở gần đó mang lương thực lên núi cho nghĩa quân, biết nghĩa quân thiếu nước, một ông già trong đoàn hiến cách tìm nước cho nghĩa quân: lần theo tiếng quốc kêu mà tìm, ở đó chắc chắn có mỏ nước, Lê Lợi làm theo quả nhiên như thế. Để ghi nhớ công ơn ấy, Lê Lợi đặt cho vùng ấy là Chòm

(1). Có tích khác cho rằng sông Khao gắn với hòn đá Khao và câu thơ "*Hòa nước sông chén rượu ngọt ngào*" trong Cáo bình Ngô (Nguyễn Trãi): Một lần Lê Lợi được biếu rượu, ông đã đổ rượu xuống sông mời quân sĩ cùng uống để thể hiện tấm lòng cùng chia ngọt sẻ bùi với quân sĩ.

Nhân theo nghĩa là những người dân có đức, có nhân. Chòm Nhân chính là xã Yên Nhân ngày nay, nhân dân nơi đây có tục kiêng ăn thịt cóc vì coi chim quốc là vị cứu tinh của nghĩa quân và ngày 5 tháng 5 hàng năm còn có tục cúng cơm lam, gà thui để ghi nhớ Lê Lợi đã đặt tên cho chòm bản của mình⁽¹⁾.

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn trải qua 10 năm "nằm gai nếm mật" dưới sự lãnh đạo của người anh hùng dân tộc Lê Lợi đã giành thắng lợi hoàn toàn, chấm dứt ách đô hộ của nhà Minh, đất nước được giải phóng, dân tộc được độc lập. Trong khí thế hào hùng của ngày chiến thắng, cùng cả nước, nhân dân các dân tộc Thường Xuân tự hào vì vùng đất Thường Xuân, là địa bàn quan trọng - cái nôi, "đất thánh" nuôi dưỡng và chở che nghĩa quân Lam Sơn mà lịch sử dân tộc mãi ghi.

Sang thời Nguyễn, cùng với nhân dân cả nước, Thường Xuân bước vào giai đoạn mới của chế độ phong kiến Việt Nam với những biến động sâu sắc. Nhận thấy Thường Xuân là vùng đất giàu tiềm năng và là cửa ngõ trọng yếu của miền Tây Thanh Hóa, năm Minh Mệnh thứ 18 (1837), Trương Đăng Quế là binh bộ Thượng thư kiêm cơ mật viện đại thần được Minh Mệnh phái đi kinh lược xứ Thanh Hóa, sau khi xem xét địa hình Thường Xuân đã tâu lên vua: "*Các động sách Trịnh Vạn, Quân*

(1). Xem thêm *Văn hóa truyền thống Thường Xuân*, Sở Văn hóa - Thông tin Thanh Hóa - 1995.

Thiên, Lâm Lư (ở bên tả ngạn sông Lương) thuộc châu Lương Chính, dân ở dựa núi, hai ba nhà một, không thành thôn xóm mà chỗ nào cũng rừng rậm, núi khe đi lại rất gian hiểm và cách xa châu lý, thế khó trông coi, hơn nữa, xứ ấy 2 mặt giáp với phủ Quỳnh Châu tỉnh Nghệ An, huyện Sầm Tộ phủ Trấn Biên cùng là nơi quan yếu, nếu không chế ở chỗ ấy thì Lâm Lư, Quân Thiên không chỗ hiểm đứng nhờ. Xin chia Trịnh Vạn ra làm 2 xã, hợp với 2 xã Thọ Thắng, Mậu Lộc gọi là tổng Trịnh Vạn; chia Quân Thiên, Lâm Lư làm 8 xã, thôn gọi là tổng Quân Nhân. Lại tách tổng Như Lăng, Lôi Dương, Luận Khê thuộc huyện Nông Cống gần đây, tất cả 4 tổng đặt riêng làm châu Thường Xuân, làm đồn ở Trịnh Vạn để làm nơi châu lý"⁽¹⁾. Được vua Minh Mệnh chuẩn tấu và châu Thường Xuân chính thức ra đời. Đến thời vua Đồng Khánh, số đinh của Thường Xuân là 337 người. Dân cư chủ yếu là người Thái trắng, sách *Đồng Khánh địa dư chí* chép: người châu Thường Xuân chủ yếu là tộc Thái trắng, ở nhà sàn, cơm ăn hàng ngày chủ yếu là đồ gạo nếp, gạo tẻ rất ít, được nấu chín bằng chõ, có khi bằng nồi đồng, nồi đất và phổ biến là cơm lam. Thuốc chữa bệnh "lấy lá cây, rễ cỏ vài chục thứ tùy theo bệnh mà chữa, thứ thì bôi, thứ thì uống... Làm ruộng thì cuốc núi làm ruộng, lấy dao làm cày, lấy lửa làm bừa, đào đất tria

(1). Quốc sử quán triều: Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Nxb Giáo dục, Hà Nội - 2004, tr. 64.

hạt giống xuống ruộng. Gặp năm đói nhà nào cất trữ được thóc gạo, khoai sắn thì các nhà khác cùng ăn chung, đói thì cùng đói, no thì cùng no, dù là nhà lang đạo cũng không dám giữ riêng cho mình"⁽¹⁾.

Dưới thời Nguyễn, hệ thống giao thông đường bộ của Thường Xuân gồm:

- Một đường nhỏ từ châu hạt đi đến phủ lý (từ Trịnh Vạn đi Thọ Xuân), đường rộng 5 thước.

- Một đường nhỏ đi từ tổng Luận Khê đến đồn Cửa Đạt, đồn Hồn Mông thuộc tổng Trịnh Vạn thông với phủ Quỳnh Châu tỉnh Nghệ An, đường rộng 5 thước.

- Một đường nhỏ đi từ tổng Như Lăng đến đồn Tri Giới thuộc tổng Quân Nhân thông đến giáp giới phủ Quỳnh Châu tỉnh Nghệ An, đường rộng 5 thước.

Đề án ngữ vị trí trọng yếu này, cùng với lực lượng thổ binh khoảng 250 người, nhà Nguyễn cho xây dựng các thành trì đồn lũy:

- Đồn Cửa Đạt: xã Trịnh Vạn, tổng Trịnh Vạn
- Đồn Hồn Mông: xã Thọ Thắng, tổng Trịnh Vạn
- Đồn Mộ Thành: xã Mộ Thành, tổng Trịnh Vạn
- Đồn Quân Nhân: xã Phong Huân, tổng Quân Nhân
- Đồn Phong Huân: xã Phong Huân, tổng Quân Nhân
- Đồn Tri Giới: xã Tri Giới, tổng Quân Nhân

(1). *Đồng Khánh địa dư chí*, NXB Thế giới 2004, tr. 1148.

- Đồn Quỳ Thành: xã Quỳ Thành, tổng Quân Nhân.

Trong suốt thời Nguyễn (1802 - 1945) cho đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nhân dân các dân tộc Thường Xuân bị bóc lột, đè nén vô cùng cực khổ. Thống kê dưới thời Đồng Khánh (1885 - 1888), ruộng đất toàn châu là 625 mẫu 8 sào 3 thước nhưng đã phải nộp mỗi năm tới 125 hộ 1 thùng thóc và thuế nộp bằng tiền là 372 quan 1 mạnh 20 đồng tiền. Ngoài ra, nhân dân Thường Xuân thường xuyên phải cống nạp quế cho triều đình, sách *Châu bản thời Minh Mệnh* chép: "*Vào năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) trấn Thanh Hoa tâu: Năm nay quế hộ tìm được tại động Trịnh Vạn và rừng Thiên Sách 19 cây quế, chúng tôi phái người đến thị chứng cho lột, thu phần nửa vào của công được 500 phiến quế hạng nhất, 919 phiến hạng nhì và 882 phiến hạng ba, xin giao trấn ty đem về kinh phụng nạp*"⁽¹⁾. Chế độ thuế khóa và cống nạp các đặc sản như sừng tê, da báo... mà nhân dân Thường Xuân phải gánh chịu như vậy, thường xuyên được ghi chép trong sử nhà Nguyễn.

Cùng với hệ thống cai trị hà khắc dưới triều Nguyễn, sau khi thực dân Pháp đặt ách đô hộ lên đất nước ta đã chia ra theo các cấp trấn (sau là tỉnh), phủ, huyện, châu, tổng, xã... Thường Xuân có lúc được coi là vùng Ky mi (ràng buộc lỏng lẻo), nhưng thực tế đồng bào các dân tộc

(1). Mục lục châu bản triều Nguyễn. T.2. triều Minh Mệnh, tr. 222.

Thường Xuân ngoài việc thực hiện theo pháp luật của Nhà nước còn chịu thêm những luật tục, lệ tục theo chế độ thổ ty lang đạo. Nhà lang đạo đời đời cha truyền con nối cai trị nhân dân với hàng trăm thứ quy định vô lý như: mọi sản vật, ruộng đồng, sông, núi đều thuộc về nhà lang, dân trong mường phải làm ruộng không công cho nhà lang; nếu xâm phạm hoặc lười biếng sẽ bị phạt vạ, đánh roi, trục xuất khỏi mường...

Thực dân Pháp rất chú ý đến Thường Xuân bởi đây là một vùng đất "béo bở" nên đã đầu tư vào cải tạo xây dựng đường sá để "mị dân". Chúng quan tâm đến đời sống của nhân dân nhưng thực chất là tạo điều kiện thuận lợi tiến hành khai thác các nguồn tài nguyên trên đất Thường Xuân như đồng ở Lương Sơn (khai mỏ năm 1911), các cội gỗ ở Xuân Thắng, Vạn Xuân... Để đẩy nhanh tốc độ khai thác các sản phẩm nông nghiệp ở vùng đồng bằng Thanh - Nghệ, thực dân Pháp đã đầu tư xây dựng hệ thống nông giang sông Chu và đặc biệt là đập Bái Thượng trên đất Thường Xuân. Đây là công trình thủy lợi lớn vào thời đó, được gấp rút khảo sát, xây dựng trong 8 năm (1918 - 1926) với chiều dài 160m, rộng 4m, cao 21m. Đập dâng nước lên cao lúc hạn hán và xả nước theo cống tràn vào mùa mưa bão. Nối với kênh đào chính là 2 kênh đào phụ với tổng chiều dài 110km. Trên kênh chính, Pháp còn dự kiến đặt trạm thủy điện có công suất 1.200KW.

Nhân dân Thường Xuân thời thuộc Pháp bị mê hoặc bởi câu "ma thiêng nước độc" để lang đạo dè đầu cuối cô và chính quyền Pháp tiếp tay dung dưỡng đầu độc nhân dân bằng rượu cồn, thuốc phiện... khiến cho nhân dân quần quanh trong vòng tăm tối, đói nghèo và lạc hậu. Nhưng với truyền thống đoàn kết, kiên cường trong lao động, anh dũng trong đấu tranh, đồng bào các dân tộc Thường Xuân đã vùng lên hưởng ứng phong trào Cần Vương yêu nước chống Pháp dưới sự lãnh đạo của thủ lĩnh Cầm Bá Thước kéo dài trong 10 năm (1885 - 1895). Từ khi thực dân Pháp bình định xong Thanh Hóa đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (03 - 2 - 1930), nhân dân Thường Xuân đã kế tục, phát huy truyền thống "yêu nước, thương nòi" để rồi cùng nhân dân cả nước làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và đưa đất nước vào thời kỳ mới: xây dựng và bảo vệ tổ quốc theo định hướng CNXH. Cùng với cả nước, quê hương Thường Xuân, vùng đất được coi là "địa linh" có cơ hội phát triển, nhân dân ngày càng được ấm no, hạnh phúc. Truyền thống - bề dày văn hóa và lịch sử đến cả vạn năm tiếp tục được nhân dân các dân tộc Thái, Mường, Kinh kế thừa và phát triển, hình thành nên một diện mạo văn hóa Thường Xuân đa sắc màu riêng có.

Hiện nay, người Mường ở Thường Xuân chiếm 3,8% dân số, cư trú tập trung thành làng hoặc các gia đình xen lẫn với người Kinh, người Thái ở các xã Ngọc Phụng, Xuân Cao, Luận Thành, Luận Khê... Chưa có thật nhiều chứng cứ khoa học, nhưng từ *diên cách* - sợi dây nối cư

dân Thường Xuân qua các thời kỳ, đặc biệt là di chỉ khảo cổ núi Thề - vùng cư trú của người Mường thì bước đầu có thể nhận định họ là lớp cư dân lâu đời nhất, có nhiều đóng góp qua từng thời kỳ, cho đến ngày nay vẫn giữ được nét văn hóa truyền thống trong sản xuất, sinh hoạt, đời sống. Người Kinh chiếm 42,3% dân số, nhóm có mặt lâu đời hơn cả cư trú ở các xã Xuân Dương, Thọ Thanh; phần lớn mới đến những năm 60 và 80 của thế kỷ XX theo chủ trương đưa đồng bào miền xuôi các huyện Thiệu Hóa, Thọ Xuân... lên định cư ở Thường Xuân. Người Kinh ở Thường Xuân, sống xen kẽ, hòa đồng với người Thái, Mường nhưng vẫn đậm đà truyền thống vốn có từ quê hương cũ.

Chiếm tỉ lệ cao nhất trong các cộng đồng dân cư ở Thường Xuân là người Thái (53,9%). Đồng bào người Thái có mặt ở Thường Xuân khá sớm, các thư tịch ghi chép về khởi nghĩa Lam Sơn của Lê Lợi đều nhắc đến người Thái với các tên như "Man Lão", "Man", "Lão" hay "Ai Lao" chứng tỏ trước thế kỷ XV đã có người Thái. Nhóm người Thái có mặt ở Thường Xuân sớm nhất có lẽ là *Tày Mường*⁽¹⁾ nay cư trú ở các xã Xuân Lộc,

(1). *Tày Mường* dịch sang tiếng Việt có nghĩa là "*người Thái ở đất Mường*", chỉ lớp người Thái có mặt sớm hơn hết so với các lớp người đến sau, do đó được coi là dân cư gốc trong bản, Mường Thái xưa. Có thể quê hương gốc của họ là một Mường có tên PA KHA (HUỐC PA KHA) ở Bắc Hà - Lào Cai, trong quá trình thiên di, họ có nhiều năm cư trú ở miền Tây tỉnh Hòa Bình mới vào miền Tây hai tỉnh Thanh - Nghệ hình thành nên các nhóm tự nhận là Thái Trắng có tên xưng danh là *Tày Mường*, *Tày Hàng Tổng* (ở Nghệ An)...

Xuân Thắng (2 xã này thuộc *mường Luộc* cũ), Luận Khê (*mường Phụ* cũ)... Lớp người Thái đến muộn hơn cả thuộc các họ Hà, Lương Lữ, Ngân... từ các huyện Quan Hóa, Bá Thước, Lang Chánh... di cư đến từ khoảng nửa cuối thế kỷ XIX hiện nay sinh sống xen kẽ hay từng bản riêng rẽ ở các xã Xuân Cẩm, Tân Thành, Luận Thành, Xuân Thắng, Xuân Lộc... Khác với người Thái ở Tây Bắc, việc phân thành 2 ngành đen - trắng vẫn còn nhưng mờ nhạt hơn nhiều, thường gọi bằng tên xưng danh như *Tày Dọ*, *Tày Mười (Mười)*, *Tay Mưóng (Mường)*... trong văn hóa của họ vẫn bảo lưu được truyền thống của người Thái nói chung và có nhiều nét địa phương hết sức độc đáo, đang cần được các nhà nghiên cứu lưu tâm.

Nhìn chung, các dân tộc anh em Thái, Mường, Kinh ở Thường Xuân, dù là lớp có mặt trước hay lớp đến sau đều giữ gìn được nét truyền thống văn hóa của dân tộc mình và tiếp nối, kế thừa, phát huy được truyền thống văn hóa - lịch sử vùng đất cổ Thường Xuân để tạo nên một sắc thái văn hóa Châu Thường - Thường Xuân. Mỗi tên đất, tên làng, tên người, ngọn núi, con sông đều gắn với quá trình khai khẩn, xây dựng, gìn giữ để rồi đi vào ca dao, tục ngữ, câu hát, truyện kể của đồng bào Thái, Mường, Kinh... với một số lượng đồ sộ. Ngoài những sản phẩm văn hóa truyền khẩu - phi vật thể ở trên, các dân tộc Thường Xuân còn lưu lại được những sản phẩm văn hóa vật chất đáng trân trọng như trang phục của đồng bào Mường, Thái; công cụ lao động, sản phẩm thủ công và

nhà ở truyền thống của cả 3 dân tộc Thái, Mường, Kinh....

Nét đặc sắc trong văn hóa truyền thống Thường Xuân là cả một kho tàng phong phú đồ sộ về truyện thần thoại, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện thơ... hầu như phổ biến ở tất cả các vùng, các dân tộc trong huyện. Truyện kể dân gian chiếm số lượng lớn nhất, rất đa dạng về nội dung, đề tài cũng như cấu trúc nghệ thuật; có những truyện ngắn, truyện dài, diễn biến một cách lôgic đến mức hoàn chỉnh, nhưng cũng có những truyện ngắn được cắt ra từ những truyện dài tùy theo tư duy người kể. Nhìn chung là mộc mạc, dễ nhớ, dễ đi vào lòng người. Những câu truyện về người khổng lồ, có công khai sơn phá thạch, dựng làng lập bản với sức mạnh phi thường như các truyện: *Ái Lạc Cặc*, *La Cùn Pha*... của đồng bào Thái phản ánh một thời xa xưa con người phải chiến thắng thiên nhiên để sinh tồn. Những chuyện về tình yêu và lòng chung thủy như: *Hai chị em*, *Vực nàng hay*, *Sự tích chim poong poong nắc nắc*... Chuyện về các anh hùng dân tộc, anh hùng văn hóa có chuyện *Ông Vi Than*, những chuyện về Lê Lợi và khởi nghĩa Lam Sơn, về Cầm Bá Thước... trong đó hình tượng Lê Lợi vị anh hùng dân tộc từ cốt lõi lịch sử đã được nghệ nhân dân gian xây dựng hết sức hấp dẫn và được hình tượng hóa theo sự thật lịch sử, như các chuyện về *Hòn mài mực*, *Sông Khao*, *Chòm Nhân*, *Cánh đồng*

Chó... thể hiện tấm lòng của đồng bào các dân tộc Thường Xuân, ý thức trách nhiệm của họ trước sự tồn vong của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh.

Trên đất Thường Xuân hiện nay còn tồn tại nhiều trò diễn dân gian với những hình thức diễn xướng phong phú, đa dạng; còn giữ được tính nguyên sơ.

Những trò diễn mang nhiều lớp văn hóa chồng chéo lên nhau như múa khấp, múa trống chiêng... các trò diễn phản ánh nghi lễ sinh hoạt như *Cá sa*, *Kin chá*... có những trò diễn mang tính đơn lẻ, có những trò diễn được sâu chuỗi lại từ nhiều trò diễn khác nhau. Ví như *Kin Chá* của người Thái là một hình thức diễn xướng tổng hợp gồm 26 trò diễn từ soi hoa, hái hoa, phi ngựa mời tạo phen phay đến, người Xá đến, người Lào đến, gấu ăn ngô, cang cói ăn cá... chứng tỏ các trò diễn dân gian Thường Xuân lung linh nhiều sắc màu.

Nói tới văn hóa truyền thống Thường Xuân, trong kho tàng dân ca, khấp⁽¹⁾ được coi là nét riêng độc đáo. Khi đi bè, đi thuyền trên sông mà hát thì gọi là *khấp lóng xăm*, con gái con trai hát tình tứ với nhau gọi là *khấp xon láy*, ông mo hát gọi là *khấp mún*, bà máy hát gọi là *khấp một*; ở bản trên hát gọi là *khấp poọng nua*, bản dưới hát gọi là *khấp poọng tó*; có khi khấp cả câu truyện rất dài

(1). Tiếng Tày Mường, Tày Dọ gọi là Suối.

(*khấp xư*) phản ánh đời sống - xã hội như: *Quám trạng* (*Truyện Trạng nguyên*), *Xi Thuần - Út Thểm*, *Xôn Trưỡng*... Nhiều nhà nghiên cứu văn hóa cho rằng, khấp của đồng bào Thái có phần giống với ca dao, dân ca miền xuôi. Nội dung của khấp phong phú, đề cập đến nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống; Bằng lời ca tiếng hát để bày tỏ nỗi niềm sâu lắng của tâm hồn, phản ánh ước mơ hy vọng về tình yêu cuộc sống. Khấp Thái có thể được thể hiện trong lúc lao động sản xuất, có khi dùng trong các nghi thức văn hóa.

Cùng với khấp, nhạc cụ của đồng bào Thái Thường Xuân cũng không kém phần phong phú, đa dạng. Từ nhu cầu cuộc sống, đã bao đời nay đồng bào Thái gĩa gạo vào luống (nửa thân cây khoét rỗng hình thuyền) tạo nên những bản nhạc tuyệt tác. Nhạc khuá luống đã đi vào đời sống tinh thần của đồng bào như một phần máu thịt không thể thiếu. Chỉ trong một chiếc luống và bộ chày khuá vào với nhau những phụ nữ Thái có thể tấu được 12 bản nhạc mang âm điệu, sắc thái riêng, gắn với các sinh hoạt gia đình, lễ, hội...

Nhắc tới bộ nhạc cụ của đồng bào các dân tộc Thường Xuân, ngoài bộ luống như đã nói còn có cồng chiêng, trống da, khèn, sáo... cũng là những nhạc cụ không thể thiếu trong đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào. Hầu như ở bất cứ một bản nào ở Thường Xuân vẫn còn lưu giữ một bộ cồng chiêng để sử dụng trong

cưới xin, ma chay, lễ hội... cho thấy, nhạc cụ dân gian không những là yếu tố hợp thành văn hóa truyền thống mà còn làm cho đời sống văn hóa Thường Xuân có thêm màu sắc.

Trong dòng chảy của mỹ thuật dân gian truyền thống, mỹ thuật là một trong những loại hình văn hóa được đồng bào các dân tộc Thường Xuân bảo tồn, đồng thời có kế thừa và nâng cao liên tục. Đã từ lâu sản phẩm nghề dệt cổ truyền của đồng bào Thái, Mường như: chăn (phà), đệm bông, cặp váy, túi thổ cẩm, áo gối, trang phục lễ hội... rất được chú ý bởi các họa sĩ trang trí có những sắc thái không lẫn với các vùng khác, được bố cục một cách hài hòa với một tư duy mỹ thuật cao. Họa sĩ trang trí trên cặp váy người Mường, chiếc khăn piêu và chân váy của phụ nữ Thái Thường Xuân được coi là những sản phẩm tài hoa của nghề dệt.

Trong các bản, làng vẫn còn những ngôi nhà truyền thống - di sản văn hóa vật thể độc đáo của đồng bào. Với người Thái, người Mường là nhà sàn, người Kinh là nhà gỗ kê tảng... loại nào cũng độc đáo. Các sản phẩm thủ công đan lát của đồng bào cũng đã đạt tới mức tinh xảo như các loại dón đựng, ghế mây... không còn là những đồ dùng thông thường mà thực sự là những tác phẩm nghệ thuật. Các công cụ lao động, sản xuất gắn liền với truyền thống kinh tế của đồng bào như: dao, cày, bừa, mai...; dụng cụ làm nương có: dao, rìu, cuốc bướm rẫy cỏ, liềm,

néo, nhíp...; các dụng cụ dùng săn bắn như: cung, nỏ, các loại bẫy...; dùng để đánh bắt cá trên sông, suối có loại đăng, lưới, đó... nhìn chung rất đa dạng, phản ánh được sự sáng tạo của đồng bào trong sản xuất.

III. CẨM BÁ THUỐC VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN CHÂU THƯỜNG CUỐI THẾ KỶ XIX

1. Cẩm Bá Thuốc và công cuộc chuẩn bị chống Pháp trên đất Châu Thường

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, mở màn cuộc xâm lăng nước ta. Triều đình nhà Nguyễn uơ hèn không đủ sức đương đầu với quân Pháp đã nhanh chóng đầu hàng và buộc phải thừa nhận quyền thống trị của Pháp bằng các hòa ước 1883, 1884. Nhưng nhân dân ta với truyền thống "yêu nước, thương nòi" đã đứng lên kháng cự mạnh mẽ, gây nhiều khó khăn cho kẻ thù. Ở miền Nam có nghĩa quân của Trương Quyền (con Trương Định), Nguyễn Trung Trực, Võ Duy Dương, hai anh em Phan Tôn và Phan Liên, Nguyễn Hữu Huân. Ngoài miền Bắc, nghĩa quân Cờ Đen đã 2 lần lập chiến công giết tướng gác trong những trận phục kích ở Cầu Giấy (Hà Nội). Ở Bắc Trung Bộ, sau khi phá chủ chiến của Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi cự tuyệt sự mua chuộc dụ dỗ của giặc Pháp, thảo chiếu Cần Vương kêu gọi các sĩ phu, văn thân và toàn dân cùng vua tiếp

tục chiến đấu thì các cuộc khởi nghĩa liên tiếp nổ ra. Thanh Hóa là một trong những địa phương hưởng ứng chiếu Cần Vương mạnh mẽ, nhiều cuộc khởi nghĩa do các sĩ phu, văn thân lãnh đạo như: Nguyễn Đôn Tiết (Hoàng Hóa), Phạm Bành, Hoàng Bật Đạt (Hậu Lộc), Nguyễn Phương (Tĩnh Gia), Đỗ Đức Mậu (Quảng Xương), Nguyễn Viết Toại (Hà Trung), Lê Khắc Tháo (Đông Sơn). Trên quê hương Thường Xuân, nhân dân các dân tộc hưởng ứng chiếu Cần Vương về tụ nghĩa dưới lá cờ khởi nghĩa của thủ lĩnh người dân tộc Thái là Cầm Bá Thước.

Sau khi đưa vua Hàm Nghi ra miền Tây Quảng Trị để xây dựng tuyến sơn phòng, Tôn Thất Thuyết đã dẫn đầu đoàn sứ sang Trung Quốc mưu cầu sự giúp đỡ của nhà Thanh. Qua Thanh Hóa, ông đã gặp các nhà lãnh đạo phong trào trong đó có Cầm Bá Thước⁽¹⁾ để bàn kế hoạch đẩy mạnh cuộc kháng chiến. Tất cả tiền đề đó đã dẫn đến việc năm 1886 các lãnh tụ khởi nghĩa ở Thanh Hóa, gồm: Tả quân đô đốc Trần Xuân Soạn, Chánh sứ sơn phòng Tổng Duy Tân, Tán tương quân vụ Cầm Bá Thước, Tán lý Hà Văn Mao... tụ họp tại làng Bồng Trung (Vĩnh Lộc) để bàn kế sách đưa phong trào Cần Vương chống Pháp ở Thanh Hóa lên một bước mới. Trong hội nghị lịch sử đó,

(1). Sau khi gặp Cầm Bá Thước ở Trịnh Vạn, đến biên giới Lạng Sơn, Tôn Thất Thuyết đã có bài thơ "ký Cầm Bá Thước" được Trần Lê Hân dịch ra quốc ngữ.

Cầm Bá Thước được giao nhiệm vụ tổ chức lực lượng, chuẩn bị điều kiện lâu dài trên địa bàn phía Tây phòng khi ở đồng bằng và trung du gặp khó khăn.

Cầm Bá Thước là người dân tộc Thái (xung danh *Tày Dọ*) sinh năm Mậu Ngọ (1858) tại xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, Thanh Hóa. Tổ tiên ông trước đây ở miền Tây Bắc⁽¹⁾ tổ quốc, thuộc ngành Thái trắng di cư vào Mường Chiềng Ván đã lâu đời. Gia phả dòng họ Cầm Bá "Ló Cầm" thuộc chi tạo cai quản mường Trịnh Vạn do chính Cầm Bá Thước phụng biên ngày 01 tháng 10 năm 1891 (Thành Thái thứ 3) cho biết tổ tiên của Cầm Bá Thước nhiều đời được triều đình phong tước vị vì có công cai quản một vùng của đất nước (10 đời, từ năm 1600 đời vua Lê Kính Tông đến năm 1850 - năm Tự Đức thứ 3). Thân sinh Cầm Bá Thước là Cầm Bá Tiêu được triều đình nhà Nguyễn phong là Quản cơ và giao cho nhiệm vụ cai quản vùng núi miền Tây tỉnh Thanh Hóa.

(1). Theo Phạm Thị Ứng và các tác giả trong cuốn kỷ yếu "*Cầm Bá Thước con người và sự nghiệp*" (Nxb Thanh Hóa 2005) thì tổ tiên Cầm Bá Thước ở Vạn Châu (Châu Yên, Sơn La) nhưng không có dẫn chứng kèm theo. Theo GS. Lê Sĩ Giáo, tên gọi *Tày Dọ* (Do) của nhóm Thái ở Trịnh Vạn là xưng danh theo tên quê hương cũ, có thể ứng với Mường So - Phong Thổ (Lai Châu); cũng có thể là Mường Dọ - Vân Nam (Trung Quốc) bởi người Thái ở Mường So cũng từ Mường Dọ di cư đến. Kết quả khảo sát dân tộc học bước đầu cũng cho thấy nhiều nét tương đồng về đời sống - văn hoá giữa nhóm *Tày Dọ* và nhóm thái Mường So (giới chuyên môn thường gọi là nhóm Thái Trắng phía Bắc hay nhóm địa phương Lay - So).

Sinh trưởng trong một gia đình - dòng họ thế tộc như vậy, từ nhỏ Cầm Bá Thước đã được học hành và nổi tiếng là người học sáng dạ. Tháng 9 năm 1893, Cầm Bá Thước được giữ chức Bang biện quân vụ hai châu Thường Xuân và Lang Chánh. Bằng tài năng và uy tín của mình, lại là người am hiểu về phong tục, tập quán ở đất châu Thường, Cầm Bá Thước đã sớm tranh thủ được sự ủng hộ của đồng bào các dân tộc trong vùng. Mặt khác là người được giữ trọng trách là Bang biện ở một vùng rộng lớn, ông có điều kiện thuận lợi để xem xét địa hình, thu phục nhân dân, chuẩn bị thực hiện chí lớn cho mình.

So với các sĩ phu, văn thân xứ Thanh, Cầm Bá Thước là người nuôi ý chí chống Pháp từ rất sớm. Ngay từ năm 1884, trước lúc gót giày của đội quân xâm lược Pháp đặt lên đất Thanh Hóa, Cầm Bá Thước đã nuôi dưỡng chuẩn bị lực lượng, tập hợp các dân tộc anh em sẵn sàng đối đầu với quân xâm lược. Buổi ban đầu ấy, lực lượng khởi nghĩa chủ yếu là những người thân trong dòng họ, bà con thân thiết với họ Cầm, như: Đốc binh Lê Trọng Nhung (Lý trưởng Chiềng Nà, Luận Khê), các Suất đội Hà Văn Vạn (làng Cộc), Cầm Bá Lát (Bù Đồn), Tấn Tín (Chòm Đìn - Xuân Mỹ cũ). Sau này, cờ nghĩa của ông là trung tâm đoàn kết các lực lượng chống Pháp trên một địa bàn rộng lớn với sự có mặt của người Thái ở Như Xuân, Lang Chánh, Ngọc Lặc, người Mường ở Thọ Xuân, Vĩnh Lộc:

- Ở huyện Bá Thước (châu Quan Hóa cũ), Cầm Bá Thước đã sớm tìm được người đồng chí hết sức thân thiết là Hà Văn Mao.

- Ở Quan Hóa, ông đã nhận được sự giúp đỡ và ủng hộ của Bang biện Cao Văn Lự. Bang Lự theo ông giữ vai trò chỉ huy lực lượng chuyên sản xuất vũ khí cho nghĩa quân.

- Ở Lang Chánh là Đốc Thận - sau này trở thành một vị tướng quả cảm lập được nhiều chiến công.

- Ở Thọ Xuân, Vĩnh Lộc đã có 50 thợ tình nguyện đúc súng cho nghĩa quân.

Là một thủ lĩnh có tầm nhìn chiến lược, Cầm Bá Thước đã liên hệ chặt chẽ với nghĩa quân Phan Đình Phùng trong khởi nghĩa Hương Khê (Hà Tĩnh) và được giao Tán tương quân vụ quân thứ Thanh Hóa là một trong 15 quân thứ của khởi nghĩa Hương Khê. Cầm Bá Thước còn chấp mối với dòng họ Lang Văn Thiệt, Lang Văn Hạnh ở Gia Hội (Quỳ Châu, Nghệ An) và đã nhận được sự giúp đỡ tích cực của nhân dân ở đây. Qua tờ trát của Cầm Bá Thước với danh nghĩa Tán tương quân vụ quân thứ Thanh Hóa cấp cho Đốc binh Lang Văn Thiệt ngày 25 - 8 năm Hàm Nghi thứ 5 (1889) chép lại điều này: "*Hàn lâm viện, sung chức Tán tương quân vụ... là Cầm... cấp trát này cho hào mục xứ Gia Hội, phủ Quỳnh Châu hạt Nghệ An chấp chiếu. Bấy lâu nay quân binh*

khởi nghĩa có đốc binh xã này là Lang Văn Thiết là người vốn có hảo tâm nghĩa hiệp giúp đỡ. Vậy cấp trát giao cho xã này lưu giữ, nếu có quan quân tới đem trát này ra để trình họ được biết".

Bằng quan hệ bạn bè, Cầm Bá Thước đã liên kết với Lang Văn Oa (tức Quản Thụ) cũng ở Gia Hội - Quỳnh Châu. Đặc biệt, ông còn liên hệ với Lương Văn Tạo (tức Tạo Công) - nhân vật có thế lực lớn ở bản Xay, mừng Man Suy (Sầm Tở, Lào).

Dấu chân của Cầm Bá Thước còn in ở nhiều vùng quê trong tỉnh. Chính vì vậy ông đã sớm gặp gỡ các yếu nhân của phong trào Cần Vương chống Pháp ở Thanh Hóa như Tống Duy Tân, Cao Điền, Đinh Công Tráng...

Sau quá trình chuẩn bị lực lượng, Cầm Bá Thước quyết định chọn và xây dựng Trịnh Vạn thành trung tâm của căn cứ kháng chiến.

Trịnh Vạn nằm ở phía Tây - Nam Thanh Hóa, cách tỉnh lỵ chừng 75 km, Bái Thượng 18 km. Thời ấy, từ tỉnh lỵ Thanh Hóa muốn lên Trịnh Vạn chỉ có thể đi theo 3 con đường nhỏ hẹp: Đường thứ nhất: dọc theo sông Chu lên Cửa Đạt và theo sông Đạt vào; Đường thứ hai: từ Nông Cống ngược lên Tân Thành - Xuân Thắng - Xuân Lộc đến Trịnh Vạn; Đường thứ 3: từ phía Bắc qua làng Nhân (Xuân Mỹ cũ) rẽ vào suối Bọng, làng Hang đi vào phía sau Trịnh Vạn.

Trịnh Vạn nằm lọt thỏm trong một thung lũng lòng chảo rộng chừng 3km². Giữa thung lũng có các con đường nhỏ đi vào Bù Đồn, Bù Lẹ rất thuận lợi cho việc xây dựng các đồn lũy chiến đấu. Trong hệ thống đồn lũy mà nghĩa quân Chăm Bá Thước xây dựng, đồn Bù Lẹ giữ vị trí đặc biệt quan trọng. Đồn được xây dựng trên một ngọn đồi cao khoảng 50m, xung quanh được đào hào, cắm chông, tạo khả năng phòng thủ hết sức lợi hại: Phía trước Bù Lẹ là những dãy núi đá vôi tạo thành một bức thành tự nhiên chặn địch, phía sau là cánh đồng, khi địch tấn công từ Cửa Đạt, làng Bọng, làng Hang vào, nghĩa quân có thể phát hiện từ xa và chặn đánh; phía phải có sông Đát từ Cọc Chẽ, chòm Dài chảy về nên khi cần có thể bí mật rút lui theo đường sông đến Cọc Chẽ, Bù Ta leo. Lực lượng ở Bù Đồn do đích thân Chăm Bá Thước nắm giữ.

Để bảo vệ cho căn cứ trung tâm, tại những nơi xung yếu xung quanh, Chăm Bá Thước cho xây dựng các đồn nhỏ khác như Bù Đồn, làng Tột, nối với nhau theo một hệ thống liên hoàn men theo mạch núi chạy dọc bờ sông⁽¹⁾.

Trên đường từ Bái Thượng vào Trịnh Vạn, nghĩa quân lập một đồn tiền tiêu án ngữ vì đây là con đường

(1). Xem thêm Vũ Trường Giang. “Chăm Bá Thước một góc nhìn từ căn cứ Trịnh Vạn”, trong *Chăm Bá Thước con người và sự nghiệp*, Nxb Thanh Hóa, năm 2005.

quan trọng để địch có thể đưa quân từ Bái Thượng lên tấn công Trịnh Vạn. Đồn này nằm phía ngoài Cửa Đạt, cách Bái Thượng 10 km có tên là Hón Đồn (nay thuộc xã Xuân Cẩm), nằm ở độ cao chừng 30m sát cạnh sông Chu. Đồn xây trên một bình đồ hình vuông, mỗi cạnh 40m, quanh đồn được đào hào đắp đất. Đồn Hón Đồn ngoài nhiệm vụ chặn địch tấn công vào Trịnh Vạn theo đường mòn dọc sông Chu lên Bái Thượng, còn có nhiệm vụ quan sát các hoạt động của địch để báo tin cho các đồn Cửa Đạt, Nhân Trầm biết và có thể viện trợ lực lượng lúc cần.

Cách Hón Đồn 7km về phía Tây Bắc, nghĩa quân lập một đồn ở Nhân Trầm (làng Chua - Xuân Mỹ cũ). Đoạn sông Chu ở quãng này rất nông, địch có thể lội sang, men theo suối Bạng tiến vào Trịnh Vạn, do đó đây là một vị trí hết sức quan trọng. Để hỗ trợ cho đồn Nhân Trầm, bên bờ sông Chu, nơi có suối Bạng đổ vào sông Chu nghĩa quân xây dựng thêm một đồn khác và nhiều chốt phục kích ở Vực Bạch để chặn địch từ Ngọc Lặc, Lang Chánh sang⁽¹⁾.

Tại ngã ba sông Đát, Cẩm Bá Thuớc cho xây dựng đồn Cửa Đạt tương đối kiên cố án ngữ nhiều con đường

(1). TS.Vũ Quý Thu, *Phong trào yêu nước chống thực dân Pháp của nhân dân Thanh Hóa từ năm 1885 - 1895*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội - 2007, tr.164.

mà địch có thể vào Trịnh Vạn theo sông Đắt. Đồn này cùng với các chốt phục kích ở Vực Hang, Thác Làng, tạo thành một thể liên hoàn phòng ngự theo chiều sâu khi địch tấn công Trịnh Vạn.

Từ Thọ Thắng đến Mộc Lộc, nghĩa quân xây hai đồn bên sông Mực nhằm chặn địch từ hướng Nông Công - Như Xuân khi chúng tấn công vào Trịnh Vạn.

Ở mặt Tây Nam Trịnh Vạn, giáp với Quỳnh Châu (Nghệ An) và Lào, đây là khu vực cực kỳ hiểm trở, rừng núi rậm rạp nên Cầm Bá Thước không cho xây dựng những đồn lũy kiên cố mà bố trí các điểm tuần tra canh gác với một lực lượng cần thiết để có thể tiếp viện và bảo vệ cho các đồn chính.

Bằng một hệ thống đồn lũy dày đặc, các điểm chốt hiểm yếu như đã trình bày, Cầm Bá Thước đã biết lợi dụng địa thế hiểm trở của vùng rừng núi mà ông hết sức am hiểu tại quê nhà, chứng tỏ ông là một thủ lĩnh tài ba, có tầm nhìn chiến lược sâu sắc. Đó chính là điều kiện quan trọng để cùng với sự ủng hộ nhiệt tình của đồng bào các dân tộc Thường Xuân và nhân dân quanh vùng, đã giúp Cầm Bá Thước kéo dài cuộc khởi nghĩa suốt 10 năm - một cuộc khởi nghĩa bền bỉ trong phong trào Cần Vương yêu nước chống Pháp của nhân dân Thanh Hóa cuối thế kỷ XIX.

2. Những trận chiến đấu của nghĩa quân Cầm Bá Thước.

Sau khi đánh phá được căn cứ Ba Đình (1 - 1887), Mã Cao (2 - 1887), thực dân Pháp tiến hành một đợt khủng bố trắng trên khắp tỉnh Thanh Hóa. Cùng với Tôn Thất Hàm và Cao Diễn, Cầm Bá Thước đã chủ trương mở rộng địa bàn hoạt động và chiêu tập, thu nạp các nghĩa sĩ. Ông cũng tích cực chuẩn bị thêm vũ khí, lương thực vì ông biết rõ đây trước mắt sẽ là cuộc chiến đấu vô cùng cam go, ác liệt. Sự tăng cường lực lượng của nghĩa quân là một trong những cơ sở để Tổng Duy Tân (thủ lĩnh của khởi nghĩa Hùng Lĩnh) sau một thời gian lánh ở Sơn Tây về lại quê nhà (1888) để cùng với các bạn chiến đấu, tiếp tục sự nghiệp của nghĩa quân Ba Đình. Đến lúc nghĩa quân Hùng Lĩnh bị bao vây, o ép, binh lực và lương thực bị cạn kiệt, Tổng Duy Tân và Cao Diễn đã quyết định giao toàn bộ vũ khí và nghĩa binh còn lại cho Cầm Bá Thước (sau đó tháng 10 - 1892, Tổng Duy Tân bị bắt ở Bá Thước rồi bị thực dân Pháp hành hình).

Trịnh Văn trở thành mục tiêu chính trong các cuộc tấn công của thực dân Pháp. Lúc này, Cầm Bá Thước bắt tay vào thực hiện kế hoạch mới. Ông chọn một số nghĩa quân tin cẩn như Vi Văn Thơ, Vi Văn Niêm, Vi Văn Tuôm ở Sảng Khố (2 bản thuộc xã Xuân Thắng) giao nhiệm vụ cất giấu lương thực, vũ khí, rồi ông cho tất cả nghĩa quân về quê làm ăn, nuôi chí phục thù chờ ngày trở

lại hoạt động. Cuối cùng ông viết thư cho công sứ Bu-lu-sơ (Bopullocche) "xin hàng". Sự kiện ấy diễn ra vào tháng 3 năm 1893.

Nhận được thư "xin hàng" của Cầm Bá Thước, Bu-lu-sơ hết sức vui mừng vì y cho rằng: Cầm Bá Thước cũng như dòng họ Cầm Bá có thể lực nhất châu Thường Xuân đã đầu hàng, cũng đồng nghĩa với việc nhân dân châu Thường Xuân đã đầu hàng. Bu-lu-sơ vội phong cho Cầm Bá Thước chức *Bang biện nhị châu* Châu Thường Xuân và Châu Lang Chánh để ông vì hám danh lợi mà quên đi việc chống đối "nhà cầm quyền". Còn với Cầm Bá Thước thì đây là dịp để "ông Bang Thước" có điều kiện đi hết mừng này bản nọ, quan sát địa hình, thu phục nhân tâm, chiêu thêm binh tướng chờ thời quật khởi. Ông đã vào Nghệ An quyên tiền, sang Lào gặp các thổ ty thân quen, gây dựng hậu cần, tiếp viện cho căn cứ chính của ông ở Trịnh Vạn.

Sau một năm chuẩn bị, ngày 6 tháng 2 năm 1894, Cầm Bá Thước chỉ huy 150 nghĩa quân được trang bị khá đầy đủ vũ khí từ súng kíp hạt nẻ đến súng trường kiểu Crô patséch, kiểu 1874, đến súng Carapin gơ rát, súng Rơ Manhtông... cướp được của Pháp, bắt ngờ tấn công đồn Thổ Sơn (Đồn Sơn hoặc Hón Đồn). Trận đánh mở màn này nhanh chóng thu được thắng lợi làm khí thế và tinh thần của nghĩa quân tăng lên rất nhiều. Chính tên chỉ huy địch là Đô-phét (Dau Fês) thú nhận: "*Vào khoảng 1*

giờ sáng (6 - 2 - 1894) thì xảy ra việc đánh đồn Thổ Sơn, trước sức mạnh của 150 phiến quân, các công sự tối tân xung quanh, các trại lính khổ xanh đều bị san bằng. Quân phiến loạn đột nhập vào tận trung tâm đồn bốt"⁽¹⁾.

Ngày 11 tháng 2 năm 1894, sau 5 ngày nghĩa quân đánh đồn Thổ Sơn, thực dân Pháp đã từ đồn Yên Lược (Thọ Xuân) kéo quân lên trong đêm và sáng hôm sau chúng tấn công vào làng Quan Thôn (Xuân Cẩm). Nghĩa quân bí mật phục kích và chặn đánh ngay từ lúc bắt đầu trận càn quét, gây cho địch nhiều tổn thất sau đó nhanh chóng rút về căn cứ.

Ngày 15 tháng 3 năm 1894, hai tên Chánh quản Ma-ri-ôt-ti (Mariotti) và Lơ-cát (Lecat) đem 50 lính khổ xanh từ Cửa Đạt đánh vào Trịnh Vạn. Biết trước âm mưu của địch, Cầm Bá Thước liền đem quân đi mai phục ở một địa điểm hiểm trở cách Trịnh Vạn 5km. Chờ cho địch sa vào ổ mai phục, nghĩa quân bắt đầu nổ súng, lăn đá, bắn tên độc như mưa khiến cho địch trở tay không kịp. Cuộc tấn công của Ma-ri-ôt-ti bị bẻ gãy, 4 tên lính khổ xanh bị tiêu diệt tại chỗ, buộc địch phải rút về Cửa Đạt.

Thừa thắng, hai ngày sau (17 - 3 - 1894), Cầm Bá Thước chủ động đem quân bao vây và nã súng liên tiếp vào đồn Cửa Đạt suốt từ 8 đến 9 giờ sáng. Bị tấn công

(1). DauFès, *Lịch sử đội lính khổ xanh Đông Dương*, Bản dịch lưu tại Phòng tư liệu Khoa sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.

bất ngờ, quân địch không kịp phản ứng, hàng chục tên lính bị thương và co cụm tại đồn. Nghĩa quân tiếp tục bao vây, đồng thời chốt giữ những vị trí trọng yếu, cắt đứt đường giao thông từ Bái Thượng lên Cửa Đạt.

Những thắng lợi liên tiếp đó của nghĩa quân Cẩm Bá Thước khiến cho thực dân Pháp hết sức lo ngại. Để hạn chế ảnh hưởng ngày càng cao của nghĩa quân, thực dân Pháp liên tiếp mở các đợt tấn công vào Trịnh Vạn. Ngày 13 tháng 8 năm 1894, chúng tấn công đồn Hón Đồn. Nghĩa quân với vũ khí thô sơ do đốc Thận chỉ huy đã kiên cường đánh trả suốt cả ngày. Song, do tương quan lực lượng quá chênh lệch, phía địch với vũ khí hiện đại, quân số đông, liều lĩnh xông thẳng vào chiếm đồn nên địch đã đánh lui quân của Đốc Thận chiếm giữ đồn và kéo vào Cửa Đạt, lập kế hoạch quyết tấn công căn cứ chỉ huy Trịnh Vạn.

Giặc Pháp tổ chức 3 cánh quân cùng lúc tiến đánh nghĩa quân theo ba ngã:

- Cánh thứ nhất do Chánh quản Lơ-cát chỉ huy đi càn quét vùng Thỏ Sơn và quanh Cửa Đạt.

- Cánh thứ 2 do Chánh quản Cu-vơ-li-ê (Cuvelier) chỉ huy đi càn quét vùng làng Láu, làng Hang, Nhân Trầm...

Hai cánh quân này cùng hẹn 3 ngày sau hội quân ở Cửa Đạt để tiến đánh Trịnh Vạn

- Cánh quân thứ 3 do Giám binh Mác-li-ê (Marlier) và chánh quản Vô-Chi-ê (Vaurthier) từ Bái Thượng theo đường 15 vào Xuân Thắng, để đánh tập hậu.

Sau 12 ngày đêm vất vả, lao đao, cả 3 cánh quân trên mới tập kết được tại một địa điểm ở Trịnh Vạn.

Đứng trước thử thách mới hết sức quyết liệt, quân địch với số lượng đông và quyết tâm tiêu diệt đại bản doanh của nghĩa quân ở Trịnh Vạn, Cầm Bá Thước biết rõ đây là cuộc chiến đấu ác liệt và khó tránh khỏi những tổn thất. Ông đã cho sơ tán người già, trẻ em vào rừng chỉ giữ lại thanh niên, trai tráng ở lại cùng nghĩa quân chiến đấu.

Ngày 25 tháng 8 năm 1894, cả 3 cánh quân của địch hợp sức tấn công làng Cộc, nơi Cầm Bá Thước và nghĩa quân đang chiếm giữ hòng tiêu diệt căn cứ của ta. Nhưng chưa đến được làng Cộc thì chúng đã bị mai phục, nhiều tên địch bị thương hoặc bỏ mạng. Khi đến được làng Cộc thì nghĩa quân đã kịp rút lui an toàn. Chỉ gặp "vườn không nhà trống", địch điên cuồng phá nát các công sự, thiêu cháy nhà dân và vội vã xây dựng những đồn mới ở Bù Đồn, Đồng Chong để đề phòng những cuộc tấn công mới của nghĩa quân.

Ở Cộc Chẽ, nghĩa quân và nhân dân khẩn trương xây dựng đồn trại, công sự, đào hào và cắm chông nhọn. Nghĩa quân tại các đồn tiền tiêu như ở Chòm Dài, thường

xuyên đánh tập kích quân địch ở Bù Đồn, làng Chong khiến cho giặc Pháp hết sức lo sợ.

Đêm 28 tháng 11, vào lúc 1 giờ sáng, địch hành quân từ Trịnh Vạn vào Cọc Chẽ. Biết trước địch thông thạo địa hình vùng này nên Chăm Bá Thước đã cử một toán quân ra trá hàng và nhận dẫn đường cho chúng. Trước đó, ông đã bày sẵn trận địa ở một thung bốn bề cây cối rậm rạp đợi địch trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. 7 giờ 30 phút sáng ngày 29 tháng 11, Mác-li-ê dẫn quân lọt vào trận địa mai phục của nghĩa quân. Từ các lùm cây, bụi rậm, nghĩa quân đã dùng súng trường, súng kíp, tên nỏ... đồng loạt bắn vào đội hình địch. Bị đánh bất ngờ Mác-li-ê cùng đám lính vội vã tìm các mô đất ẩn nấp để tránh những làn đạn tấn công của ta. Nhằm tránh bị tiêu diệt, y điều quân liều chết chiếm một quả đồi gần đó và tập trung hỏa lực bắn về phía nghĩa quân. Nghĩa quân chiến đấu vô cùng anh dũng, nhưng xét thấy không thể kéo dài trận chiến đấu vì có thể gặp phải khó khăn nên Chăm Bá Thước ra lệnh cho nghĩa quân nhanh chóng rút vào rừng. Ngay sau khi chiếm được Cọc Chẽ, địch đã bắt bớ nhân dân, phá hủy các công sự, xưởng chế tạo vũ khí rồi lại vội vã kéo quân về Cửa Đạt.

Trong cuộc chiến đấu với nghĩa quân ở Cọc Chẽ, Đô-phét đã phải thừa nhận: *"Bọn phiến quân bắn dữ quá, họ có đủ súng, đạn trang và có hầm tốt, không thể nào*

tiến lên được, giám binh Mác liê bèn cho lui quân"⁽¹⁾. Cũng theo Đô-Phét, hậu quả cuộc tiến quân này mà Mác-li-ê phải chịu là: một tên Đội và nhiều tên lính bị chết, một số khác bị thương.

Về phía nghĩa quân, tuy dành thắng lợi, diệt được một số tên địch nhưng cũng không đủ khả năng quay trở lại Cọc Chẽ nơi mà kẻ địch có thể tấn công bất cứ lúc nào. Cầm Bá Thước quyết định chuyển dần lực lượng vào miền núi phía Nam giáp giới Nghệ An. Một đồn trại mới nhanh chóng được xây dựng ở Hón Bồng (Xuân Lệ). Tại đây, tuy gặp nhiều khó khăn về binh lực, vũ khí, thuốc men, đặc biệt một số chỉ huy đã hy sinh, nhưng Cầm Bá Thước vẫn không chịu bó tay, ông triển khai kế hoạch mới cho phân tán lực lượng thành từng nhóm nhỏ vừa phục kích chặn đánh địch vừa lấy các đồn Trịnh Vạn, Cửa Đạt làm mục tiêu tấn công khi điều kiện cho phép.

Ngày mừng 6 tháng 2 năm 1895, Cầm Bá Thước quyết định tấn công đồn Cửa Đạt. Nghĩa quân tiến sát cách đồn 100m thì xông vào đánh giáp lá cà, giết chết và làm bị thương hơn 10 tên địch, sau đó rút về căn cứ⁽²⁾. Bốn ngày sau, vào lúc 4 giờ sáng ngày 10 - 2, nghĩa quân

(1). Dau Fê, tài liệu đã dẫn.

(2). GS. TS. Trịnh Nhu, GS. NGND Đinh Xuân Lâm, *tìm hiểu thêm về truyền thống chống xâm lược Pháp cuối thế kỷ XIX của đồng bào Thái Thanh Hóa*. Kỷ yếu hội thảo đ.d.

lại kéo thẳng đến một cao điểm không chế đồn Trịnh Vạn, xả đạn vào đồn một hồi lâu mới rút khỏi Trịnh Vạn khi trời chưa sáng.

Cùng với những trận công đồn táo bạo là những trận đánh phục kích. Ngày 4 tháng 3, tên Thiếu úy Vô-chi-ê chỉ huy một cánh quân đi càn vùng Mậu Lộc, khi trở về chỉ còn cách đồn Trịnh Vạn 2km thì lọt vào trận địa mai phục của nghĩa quân. Quân địch bị sập chông, chúng liều lĩnh bắn trả về phía nghĩa quân và cố xông lên, nhưng đã bị tên, đạn và chông nhọn của quân ta cản lại, đành phải chờ cho nghĩa quân rút đi mới dám kéo về đồn Trịnh Vạn.

Ngày 15 tháng 3, toán quân của Bác-bay (Banbrey) cũng bị đánh toi bời trên đường hành quân từ Trịnh Vạn đến Cửa Đạt. Trận chiến đấu này, Cầm Bá Thước đã điều một đội quân gồm 80 tay súng, phục sẵn ở triền núi ven đường chặn đánh cuộc hành quân của địch, buộc chúng phải lùi về đồn Trịnh Vạn.

Ngày 17 tháng 3, toán quân của Bác-bay và Vô-chi-ê đi tuần tiễu từ Cửa Đạt tới Trịnh Vạn. Bị phục kích nhiều lần nên chúng rất thận trọng, rụt rè dò xét từng bụi cây, hốc đá ở dọc đường... nhưng khi trở về chỉ cách Cửa Đạt 2km lại bị phục kích bất ngờ. Bác bay vội vã đem theo một toán lính tìm một điểm cao hòng đánh tạt sườn nghĩa quân. Trong khi đó, cánh quân của Vô-chi-ê bị nghĩa quân tấn công xối xả. Vô-chi-ê đã bị đạn xuyên thủng

ngực buộc hai tên lính phải dùng súng trường làm cáng khiêng tháo chạy. Hai ngày sau y chết, lực lượng địch còn lại không đủ sức chống đỡ, buộc phải tháo chạy về đồn Trịnh Vạn.

Bị nghĩa quân liên tục tấn công, lực lượng địch bị tiêu hao đáng kể, đồn trại địch thường xuyên bị đe dọa, các cánh quân tuần tiễu luôn gặp phải ồ phục kích của ta. Trước tình hình ấy, giặc Pháp quyết định tập trung lực lượng, tổ chức một cuộc tấn công lớn vào căn cứ cuối cùng của nghĩa quân Chăm Bá Thước ở Hón Bòng. Ngày 10 tháng 5, do biết chỗ đóng quân của Chăm Bá Thước lại có tay sai dẫn đường, những tên chỉ huy hung hãn như giám binh Mác- li-ê, các thiếu úy Ma-ri-ô-ti, Gôbe, Xa vơ rơ... đem 200 quân từ Trịnh Vạn bao vây Hón Bòng. Đây là trận đánh lớn cuối cùng và rất quyết liệt của nghĩa quân. Tất cả các phòng tuyến từ trạm tiền đồn trung tâm của nghĩa quân đã sẵn sàng chiến đấu. Mặc dù có quân số đông, hỏa lực mạnh nhưng các đợt tấn công từ 4 phía của địch đều bị bật ra. Trận chiến đấu kéo dài liên tục tới 4 ngày, đến ngày 13 tháng 5, địch mới vượt được 3 phòng tuyến vào khu trung tâm căn cứ quyết bắt sống Chăm Bá Thước và nghĩa quân. Nhưng chúng không sao thực hiện được ý đồ ấy, chỉ bắt được mẹ ông và một số dân trong vùng.

Đây là lúc lực lượng nghĩa quân bị hao tổn nặng nề. Các cứ điểm trọng yếu đã bị địch chiếm. Lương thực và

súng đạn bắt đầu cạn kiệt. Cũng ở thời điểm này phong trào đấu tranh của nhân dân Thanh Hóa ở các vùng khác cũng đã bị đàn áp. Mối liên hệ giữa nghĩa quân Cầm Bá Thước với nghĩa quân Phan Đình Phùng đã bị cắt đứt. Trước tình hình khó khăn như vậy, Cầm Bá Thước đã quyết định giải tán nghĩa quân và cùng 12 nghĩa quân ra khỏi căn cứ cho địch bắt, đó là ngày 13 tháng 5 năm 1895.

Bắt được ông, giặc Pháp đưa về Trịnh Vạn, chúng tìm mọi cách dụ dỗ, mua chuộc nhưng Cầm Bá Thước cương quyết từ chối. Không khuất phục được ý chí và lòng can đảm của ông, giặc Pháp đã xử tử ông. Người con ưu tú của đất Châu Thường hy sinh ở tuổi 36, cũng là lúc phong trào Cần Vương chống Pháp trên đất Thường Xuân chấm dứt. Sự hy sinh cao cả của Cầm Bá Thước đã để lại trong lòng người Thái Thanh Hóa cũng như nhân dân cả nước niềm tiếc thương vô hạn. Đúng như đôi câu đối mãi mãi lưu danh ông ở đền thờ ông nơi Cửa Đạt:

Bất tử đại danh thùy vũ trụ

Như sinh chính khí tác sơn hà

Tạm dịch:

Danh thơm chẳng mất trong trời đất

Chính khí mãi còn với núi sông.

Phong trào Cần Vương chống Pháp của nhân dân Thường Xuân dưới sự lãnh đạo của người anh hùng Cầm

Bá Thuốc kéo dài tới 11 năm bèn bi, kiên cường (1884 - 1895). Tuy thất bại do những hạn chế tất yếu của thời đại, nhưng đã để lại cho các thế hệ tiếp nối những bài học lịch sử vô cùng quý giá. Đó là bài học về khối đại đoàn kết dân tộc, bài học về tổ chức lực lượng, bài học về xây dựng hậu phương kháng chiến.v.v... để rồi, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, nhân dân Thường Xuyên tiếp nối truyền thống yêu nước đứng lên làm cách mạng.

Phần thứ hai

DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC THƯỜNG XUÂN CÙNG CẢ NƯỚC TIẾN HÀNH KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ, XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, GIỮ VỮNG AN NINH BIÊN GIỚI (1930 - 1975)

I. TÌNH HÌNH THANH HÓA VÀ HUYỆN THƯỜNG XUÂN, NHỮNG NĂM BA MƯƠI ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Phong trào cần vương chống thực dân Pháp thất bại đặt dấu chấm hết cuối cùng cho các trào lưu chống chủ nghĩa thực dân của các sĩ phu yêu nước trên đất nước ta.

Ngày mùng 03 tháng 2 năm 1930, Đảng cộng sản Việt Nam chính thức được thành lập, tháng 7 năm 1930, ba tổ chức cộng sản đầu tiên của Đảng bộ Thanh Hóa ra đời đó là 3 chi bộ: Hàm Hạ (Đông Sơn), Phúc Lộc (Thiệu Hóa) và Yên Trường (Thọ Xuân). Đây là sự kiện vô cùng trọng đại, khẳng định đường lối chống ngoại xâm mới của những người cộng sản Việt Nam theo chủ nghĩa Mác

- Lênin; lãnh đạo nhân dân ta giành lại độc lập cho dân tộc.

Cuối năm 1939 đầu năm 1940, tình hình thế giới có nhiều biến động lớn. Chiến tranh thế giới lần thứ 2 bùng nổ, Liên Xô - thành trì của hòa bình thế giới bị phát xít Đức tấn công, nước Pháp - "mẫu quốc của Việt Nam" cũng không nằm ngoài hiểm họa phát xít và rơi vào tay Đức. Ở trong nước, thực dân Pháp ngày càng ra sức bóc lột, vây ráp khủng bố các tổ chức cộng sản; chúng ngang nhiên tuyên bố: "giải tán Đảng cộng sản Đông Dương". Phát xít Nhật áp sát biên giới Việt - Trung, âm mưu hất cẳng Pháp. Cách mạng Việt Nam đang đứng trước những mối đe dọa mới.

Ở Thanh Hóa, sau một thời gian bị địch khủng bố khốc liệt, mất liên lạc với Trung ương, tỉnh bộ đã chủ động nắm bắt tình hình, lãnh đạo các phong trào cách mạng trong tỉnh, nhanh chóng rút kinh nghiệm để chỉ đạo kịp thời. Từ các phong trào công - nông rầm rộ ở giai đoạn 1936 - 1939 như: Phong trào thợ cội ở Thường Xuân, phong trào đấu tranh ở mỏ sắt Trà La, Nhà máy Diêm Hàm Rồng... Thanh Hóa đã phát động phong trào đấu tranh mới như: Chợ Đu (Thiệu Hóa), Chợ Neo (Thọ Xuân)... dưới hình thức đấu tranh mới: "Đòi kỷ niệm ngày cách mạng Tư sản Pháp thành công" nhưng thực ra là "đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ".

Năm 1940, Phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, đế quốc Pháp hèn nhát nhanh chóng thỏa hiệp đầu hàng, các dân tộc Đông Dương một cổ chịu hai trông áp bức bóc lột là Pháp và Nhật. Vận mệnh nguy vong của các dân tộc Việt Nam chưa lúc nào bằng. Song, đây cũng là thời cơ mới để cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới. Vận dụng chủ trương của Trung ương vào tình hình cụ thể trong tỉnh, tháng 9 năm 1941, đội du kích chiến khu Ngọc Trạo được thành lập, lấy vùng Tây Bắc Thanh Hóa làm căn cứ địa, nhưng đội chưa hoạt động được một tháng thì ngày 7 tháng 10 năm 1941, đã bị thực dân Pháp ra lệnh thiết quân luật vây ráp khủng bố. Sự quan tâm tới miền núi nói chung Thường Xuân nói riêng của Tỉnh bộ Việt Minh Thanh Hóa càng khó khăn, do vậy giai cấp thống trị Thường Xuân càng được đà lấn tới: Một mặt lợi dụng dân trí thấp, chúng ra sức bung bít tình hình và xu thế cách mạng trong tỉnh, trên cả nước ngày càng sôi động, mặt khác chúng thay đổi phương sách đối phó, từ áp bức bóc lột thẳng tay, chúng chuyển sang mị dân bằng chiêu bài: "cải lương hương tục" để xoa dịu phong trào "chống biểu xén" đang lên cao. Bên trong, chúng ngầm ngầm truy tìm, khủng bố các cơ sở nhân cốt sau cao trào 1936 - 1939, tiếp tục chia rẽ ngược xuôi để li gián các lực lượng cách mạng với quần chúng nhân dân các dân tộc.

Tháng 9 năm 1942, sau khi bắt liên lạc được với một số cơ sở Việt Minh tại Hà Nội, Tỉnh bộ Thanh Hóa đổi

tên từ "Thanh Hóa ái quốc hội" thành "Tỉnh bộ Việt Minh Thanh Hóa". Sau một thời gian mất liên lạc, đầu năm 1943, Đảng bộ Thanh Hóa chính thức bắt liên lạc được với Trung ương, nhiều chủ trương, nhiều phong trào "đuổi giặc nước" được phát động, phản đối chế độ hà khắc của đế quốc Pháp và phát xít Nhật ở các vùng nông thôn rộng lớn.

Ngày 15 tháng 9 năm 1944, thực hiện chủ trương của Đại hội Đảng bộ Tỉnh Thanh Hóa (ngày 24 tháng 6 năm 1944, tại làng Vĩ Liệt, huyện Hà Trung), tỉnh bộ Việt Minh Thanh Hóa ra Chỉ thị "kíp sửa soạn khởi nghĩa". Đúng như nhân định của Đảng ta, đầu năm 1945 cuộc chiến tranh thế giới lần thứ 2 đã đẩy phe phát xít Đức - Ý - Nhật đến nguy cơ bị diệt vong, nhận được Chỉ thị của Trung ương Đảng "thời cơ cách mạng đã đến gần", không khí cách mạng trong tỉnh đang dâng cao thì chúng ta vấp phải nạn đói khủng khiếp do thiên tai và giặc Nhật - Pháp gây nên. Hai nhiệm vụ cấp bách được đặt ra lúc này là "đuổi giặc nước" và "diệt giặc đói".

Tháng 3 năm 1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị *"Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"*, Mặt trận Việt Minh Tỉnh Thanh Hóa phát động phong trào kháng Nhật cứu nước, quần chúng các nơi trong tỉnh rầm rộ đấu tranh: không nộp thuế, không đi phu làm sân bay, không đi lính làm bia đỡ đạn cho giặc Nhật. Mặt khác, vận động các gia đình giàu có ủng hộ cho gia đình nghèo,

tịch thu thóc gạo, tiền bạc của bọn địa chủ, cường hào gian ác, phá kho thóc của Nhật... chia cho dân nghèo và người mất bữa. Động viên toàn dân ủng hộ gạo nấu cơm, cháo phát chẩn cho nhiều người đang đói tại các chợ và địa phương có nhiều người hành khát, tập trung tuyên truyền bằng khẩu hiệu hành động "đánh đuổi phát xít Nhật" không khí cách mạng sục sôi, hừng hực; các đội xung phong tuyên truyền được thành lập khắp nơi; nhiều cuộc đấu tranh, mít tinh, biểu tình... liên tiếp nổ ra.

Trước tình thế đó, ở miền núi Thanh Hóa nói chung, huyện Thường Xuân nói riêng Tri châu Cẩm Bá Bảo cùng với nhiều Tri châu khác ở các châu được quan thầy Pháp gọi về tỉnh lỵ để trấn an tinh thần⁽¹⁾. Nhưng, vì khí thế cách mạng lên cao, Cẩm Bá Bảo đành phải nán lại tỉnh lỵ rồi trở về Thường Xuân bằng con đường bí mật. Về đến Châu lỵ, đích thân Cẩm Bá Bảo lại tổ chức trấn an các tổng, lý và lang đạo có thể lực, bàn phương cách giữ và củng cố địa vị đang có nguy cơ bị lung lay.

Khí thế cách mạng của quần chúng nhân dân Thanh Hóa ngày một dâng cao. Mặc dù phát xít Nhật mở các cuộc khủng bố, đàn áp, nhưng chúng vẫn không xoay chuyển được tình thế; bộ máy chính quyền bù nhìn nhiều nơi rệu rã, một số Tri phủ, Tri huyện viết thư xin gặp Việt Minh để "thương lượng", nhiều ngụy quân quay

(1). Theo lời thú nhận của Cẩm Bá Bảo - Tri châu Thường Xuân (Tài liệu lưu trữ tại Công an huyện).

súng trở về với cách mạng. Ngày 15 tháng 8 năm 1945, báo *Đông Pháp* đăng tin: "Nhật chính thức đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện". Vận dụng Chỉ thị của Trung ương, căn cứ vào tình hình cụ thể, Tỉnh bộ Việt Minh Thanh Hóa đã nhanh chóng thay đổi kế sách phát động quần chúng nhân dân toàn tỉnh nổi dậy giành chính quyền, Tỉnh bộ viết thư yêu cầu giặc Nhật đóng tại Thanh Hóa hạ vũ khí đầu hàng, tập trung quân đội về vị trí do Việt Minh quy định để tổ chức hồi hương. Trong lúc đang hoang mang dao động, nhận được thư kêu gọi của Tỉnh bộ, ngày 17 và 18 tháng 8 năm 1945, giặc Nhật buộc phải ngoan ngoãn rút quân về đóng tại nhà Dòng thị xã Thanh Hóa. Theo kế hoạch được vạch sẵn, nửa đêm ngày 18 tháng 8 năm 1945, lệnh khởi nghĩa được truyền đi khắp nơi các cơ sở Đảng trong tỉnh, toàn dân Thanh Hóa nhất tề đứng lên hành động.

Rạng sáng ngày 19 tháng 8 năm 1945, chín huyện miền xuôi trong tỉnh đã nhanh chóng nổi dậy giành chính quyền, trong đó có huyện Thọ Xuân. Sự kiện này đã có ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào cách mạng ở Thường Xuân. 12 giờ ngày 20 tháng 8 năm 1945, sau khi giành chính quyền ở Tổng Bái - Thọ Xuân, theo Chỉ thị của Tỉnh bộ, quân khởi nghĩa ở Tổng Bái cùng quần chúng cách mạng ở các xã Xuân Dương, Thọ Thanh... nhanh chóng tiến về Cửa Đạt - châu Thường Xuân hỗ trợ quần chúng nhân dân Thường Xuân bao vây châu lỵ Cửa Đạt

giành chính quyền về tay nhân dân. Tri châu Cẩm Bá Bảo và tay chân buộc phải nhanh chóng hạ vũ khí đầu hàng vô điều kiện, bàn giao ấn tín cho quân cách mạng. Lần đầu tiên cờ đỏ sao vàng tung bay trên cột cờ châu lỵ trong sự tung hô, hò reo của hàng nghìn quần chúng đón mừng quân cách mạng Việt Minh.

II. ĐẦU TRANH THÀNH LẬP CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN, CHIẾN THẮNG THÙ TRONG, GIẶC NGOÀI; GÓP PHẦN ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP ĐẾN THẮNG LỢI

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công rực rỡ, ngày mừng 2 tháng 9 năm 1945, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc "Tuyên ngôn độc lập" khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á ra đời. Song, tình hình đất nước gặp muôn vàn khó khăn: nạn đói đang hoành hành, diễn ra gay gắt; các ngành sản xuất bị đình đốn, nạn đốt trảm trọng, nạn ngoại xâm lăm le... Chưa lúc nào trên đất nước ta lại có mặt nhiều kẻ thù như lúc này: giặc Nhật tuy bị đánh bại, nhưng, hàng vạn tên và tay sai vẫn phục sẵn chờ thời. Hàng vạn quân Tưởng Giới Thạch và bè lũ tay sai phản động kéo vào miền Bắc với danh nghĩa "giải giáp quân đội Nhật" nhưng thực ra là âm mưu xâm lược nước ta. Ở miền

Nam, quân đội Anh sau 21 ngày chiếm giữ (23 - 9 - 1945) để cho quân Pháp núp bóng nổ súng gây chiến tại Sài Gòn.

Trước bối cảnh lịch sử ấy, Đảng ta chủ trương đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, đoàn kết các đảng phái, không phân biệt giàu nghèo, nam, nữ, trẻ, già... nhằm tập trung hết tài năng trí tuệ cho kháng chiến kiến quốc. Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 thành công, các huyện miền xuôi và thị xã Thanh Hóa đã thiết lập Chính quyền cách mạng, nhưng ở 6 huyện miền núi Thanh Hóa, trong đó có Thường Xuân có những đặc điểm riêng, việc thiết lập chính quyền mới là vấn đề cần phải tính toán. Sau ngày 23 tháng 8 năm 1945, Ủy ban cách mạng lâm thời tỉnh Thanh Hóa quyết định thành lập Ủy ban lâm thời Thượng du có trụ sở đóng tại Bái Thượng. Trên địa bàn Châu Thường, Tri châu Cẩm Bá Bảo đã đầu hàng cách mạng, nhưng các thế lực thống trị từ châu cho đến các tổng, xã, chòm, bản... đang còn mạnh, đồng bào các dân tộc bị bùng bít, giam hãm, kìm kẹp... lâu ngày nên chưa có được nhận thức đầy đủ, cơ sở cách mạng còn rất mỏng manh và non yếu, ý thức hệ phong kiến đã ăn sâu vào tiềm thức của mọi người, phong tục mê tín dị đoan còn nặng nề, đời sống vật chất văn hóa còn thấp... mọi vấn đề cách mạng đặt ra trên vùng đất này cần phải có thời gian không thể nóng vội trong một sớm một chiều. Đảng ta chủ trương thực hiện chính sách đoàn kết rộng

rãi, vận động các lang đạo có thể lực và tư tưởng tiến bộ tham gia các thành viên của chính quyền mới. Ở Thường Xuân, Đảng ta chủ trương giữ Cầm Bá Bảo là Tri châu trước đây tiếp tục giữ chức Chủ tịch lâm thời Châu và tham gia Ủy viên Ủy ban lâm thời thượng du Thanh Hóa.

Cầm Bá Bảo là cháu của nhà ái quốc Cầm Bá Thước. Năm 1885, khi giặc Pháp kéo quân vào đánh chiếm Thanh Hóa, người sĩ phu yêu nước dân tộc Thái ở Mường Trịnh Vạn này đã cùng các sĩ phu yêu nước khác trong tỉnh như: Hà Văn Mao, Trần Xuân Soạn, Tống Duy Tân, Đinh Công Tráng, Hoàng Bật Đạt... và sự hỗ trợ của đồng bào Nghệ An đứng lên chống Pháp. Với tài trí thông minh, biết dựa vào núi rừng hiểm trở tổ chức những trận đánh táo bạo, bất ngờ bằng các vũ khí tự tạo như cung nỏ, súng săn, súng kíp... Cầm Bá Thước và nghĩa quân đã làm cho giặc Pháp phải 10 năm hao binh tổn tướng; thủ đô Paris kinh hoàng, Chính phủ Pháp phải dùng biện pháp bạo lực tối đa cùng với mọi thủ đoạn mua chuộc, mị dân... mới dập tắt được cuộc chiến đấu chống quân xâm lược Pháp của đồng bào Châu Thường. Cầm Bá Vinh, bố Cầm Bá Bảo bị thực dân Pháp mua chuộc cam tâm theo Pháp, được chính quyền thực dân và vua quan Nam Triều cho làm Tri châu của Châu Thường, từ đó họ Cầm dòng lang này trở thành thế lực thống trị hà khắc nhất Châu Thường và một số địa bàn khác của miền núi Thanh Hóa.

Năm 1931, Cầm Bá Bảo đang theo học ở Hà Nội được cha cho về tập sự tại Tòa đại lý Bái Thượng do Rô-be đỡ đầu; để tăng thêm thể lực, họ Cầm dòng lang này còn gả con gái cho tên quan thực dân tập sự hạng 2 ở Tòa đại lý Bái Thượng tên là Hăng-ri-xa-côn. Năm 1936, Cầm Bá Bảo chính thức thay thế cha làm Tri châu Châu Thường, được anh rể ngày đêm kèm cặp dạy dỗ cách cai trị kiểu thực dân, kế thừa thủ đoạn bóc lột của cha; cơ ngơi và thể lực của Châu Bảo ngày một lớn, chế độ cai trị ngày càng phát xít, độc tài; nổi tiếng là hung ác đối với đồng bào các dân tộc miền núi Thanh Hóa. Được cách mạng và nhân dân các dân tộc Châu Thường giao cho nắm giữ chức Chủ tịch lâm thời sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 nhằm giúp Cầm Bá Bảo tỉnh ngộ ý thức dân tộc, phát huy lòng yêu nước vốn có từ cội nguồn mà sĩ phu yêu nước Cầm Bá Thước đã từng làm; chuyển biến tư tưởng, tác phong từ "Quan Tri châu" sang "người đầy tớ" của nhân dân phục vụ đồng bào, tổ quốc.

Chủ tịch lâm thời Châu Thường - Cầm Bá Bảo đã đưa em ruột là Cầm Bá Thắng vào làm Ủy viên quân sự của Ủy ban thượng du, hệ thống chính quyền tổng, xã, chòm vẫn giữ nguyên người cũ để thực thi chủ trương của Ủy ban thượng du và Chủ tịch Châu. Tháng 9 năm 1946, cùng với việc chia xã mới, giải thể tổng, lập Ủy ban nhân dân lâm thời xã, lang đạo, thổ ty lớn có thể lực vẫn được Chủ tịch Châu giao cho nắm giữ chức Chủ tịch

lâm thời xã, trưởng chòm, trưởng bản vẫn là con cháu thổ ty, lang đạo đảm trách; hình thành một mạng lưới "người nhà nắm quyền"⁽¹⁾". Những cuộc vận động lớn của Chính phủ trong 3 năm 1946, 1947, 1948 như: "Tuần lễ vàng", "Tuần lễ đồng", "Mua lúa khao quân cấp dưỡng cho bộ đội địa phương"... thu thuế đường bộ, đường sông... Cầm Bá Bảo đòi lập kho chứa riêng thu nhiều báo ít, chân chừ không chịu nộp lên trên, dự trữ chờ thời. Năm 1946, lợi dụng chủ trương tổ chức lực lượng võ trang và bán võ trang trong huyện, hai anh em Bảo, Thắng tuyển mộ binh lính lập chủ lực huyện, biên chế thành đại đội, trung đội, tiểu đội; lập một đội cảnh vệ riêng để bảo vệ gia cơ riêng. Nhưng bị nhân dân Tổng Quân do bà Hách chỉ huy chống lại không nộp người và của cho Bảo. Thấy âm mưu của Bảo trái với chủ trương của trên, thanh niên Thanh Cao cũng lần lượt bỏ ra về, "chiến khu" làng Tột của anh em Bảo bị phá sản.

Năm 1947, không chịu từ bỏ âm mưu chống phá cách mạng, cậy quyền thế là Chủ tịch huyện, Cầm Bá Bảo đơn phương Quyết định thành lập một chiến khu mới, đó là "chiến khu" Tổng Kén. Nơi đây là một thung lũng rộng, có thể núi hiểm trở bao quanh, trong thung lũng rộng này là cánh đồng lúa nước thuộc tổng Trịnh Vạn làm hậu phương cung cấp lương thực. Nhân dân các dân tộc vùng này nhẹ dạ theo lệnh hoặc bị anh em Bảo,

(1). Như Cầm Bá Bình, Cầm Bá Đệ.

Thắng bắt ép góp của, góp tiền, góp công xây dựng "chiến khu" có quy mô, 150 thanh niên xã Thanh Cao làm lễ ăn thề kiến thiết doanh trại, bắt lính làm nhà cho chỉ huy; xây dựng trại giam để giam giữ những người lạ mặt bị tình nghi. Lê Xuân Tín, cha đẻ của Lê Thị Kim Phụng (vợ thứ 2 của Bảo) gửi tên Hương và tên Tài⁽¹⁾ đến "chiến khu" để luyện tập quân sự cho binh lính. Cầm Bá Bảo ra lệnh cho Cầm Bá Thắng tích cực chuẩn bị vũ khí, bố phòng, canh gác "chiến khu" cẩn mật, ngầm ngầm bí mật bắt giam, khủng bố, thậm chí thủ tiêu cán bộ được tình cử đến Thường Xuân để vận động xây dựng phong trào.

Cuối năm 1947, giặc Pháp từ Lào đánh chiếm Bát Mọt, Yên Nhân... Cầm Bá Bảo được Pháp khuyến khích cùng với Lê Xuân Tín, Lê Xuân Kỳ (Lang Chánh), Phan Thúc Tiêu, Phan Thúc Tình (Ngọc Lặc) âm mưu lập "xứ Thái tự trị". Quá trình được giao chức Chủ tịch lâm thời Châu Thường, càng ngày càng lộ rõ bộ mặt "khoác áo che mưa"⁽²⁾, Cầm Bá Bảo còn trực tiếp chỉ đạo bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, trắng trợn hơn hẳn còn bắt ép ban kiểm phiếu và những người trúng cử phải nhường phiếu cho tay chân thân tín của y. Năm 1949, xã Thanh Quân nơi có phong trào cách mạng khá sớm, đấu tranh với vị Chủ tịch quan châu đội lốt, không nộp người đi

(1). Hai tên phản động bị cách mạng truy nã ở dưới xuôi trốn lên miền núi Thanh Hóa cư trú.

(2). Theo lời thú nhận của Cầm Bá Bảo.

lính, không nộp tiền kiến thiết doanh trại... Cẩm Bá Bảo ra lệnh cho Cẩm Bá Thắng đem quân đến trấn áp. Để thoát khỏi nanh vuốt của Bảo, nhân dân Thanh Quân đề nghị tỉnh tách khỏi Thường Xuân, sang sinh hoạt tại Như Xuân.

Đứng trước tình hình phức tạp của miền núi sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 trong đó có Thường Xuân, tháng 2 năm 1948, Đại hội Đảng bộ Tỉnh Thanh Hóa đưa ra định hướng chỉ đạo "Thượng du thắng là Thanh Hóa thắng", huyện Thường Xuân được tăng cường hai đợt là 9 người. Đoàn công tác được Tỉnh tăng cường về để giúp Thường Xuân, lập trụ sở làm việc bên cạnh trụ sở Chính quyền cách mạng lâm thời huyện. Đoàn công tác do ông Trần Văn Tập quê ở xã Trường Trung huyện Nông Cống làm trưởng đoàn có nhiệm vụ: Giám sát, tư vấn cho Chính quyền non trẻ huyện Thường Xuân hoạt động theo đúng chủ trương chính sách của Đảng; vận động xây dựng Chính quyền cơ sở và vận động thành lập tổ chức cơ sở Đảng cho huyện miền núi Thường Xuân. Trong quá trình hoạt động, đoàn công tác đã bí mật vận động thành lập được cơ sở đảng đầu tiên cho Thường Xuân vào ngày 6 tháng 4 năm 1949 tại nhà bà Nguyễn Thị Tư, phố Cửa Đạt. Chi bộ tiền thân của Đảng bộ Thường Xuân ra đời là một bước ngoặt lịch sử. Mặc dù phải hoạt động trong điều kiện bí mật, tránh sự dòm ngó của vị Chủ tịch quan châu "khóac áo che mưa",

nhưng Chi bộ tiền thân của Đảng bộ Thường Xuân là bộ tham mưu tối cao vô cùng quan trọng để xây dựng hệ thống chính quyền nhân dân ở cơ sở; lãnh đạo nhân dân các dân tộc Thường Xuân đấu tranh với hệ thống chính quyền do Chủ tịch Quan châu thao túng phải thực hiện đúng đường lối chủ trương chính sách của Đảng, từng bước cảm hóa đội ngũ lang đạo trên địa bàn thực hiện hòa hợp dân tộc tiến tới giải tán "chiến khu" Tổng Kén bằng phương pháp hòa bình; đây là cuộc đấu tranh gian khổ và phức tạp nhất đối với nhân dân các dân tộc Thường Xuân.

Cuối năm 1949, hầu hết các chòm, bản của Thường Xuân đã có đảng viên và cốt cán của tổ chức HKC (Hội kháng chiến) hoạt động, đây là lực lượng nòng cốt cho cuộc đấu tranh chính trị lần thứ nhất. Cuộc đấu tranh chính trị đã thu hút toàn bộ đội công tác Thượng du ở Thường Xuân, tất cả các thành viên trong tổ công tác đã đến địa bàn để trực tiếp chỉ đạo phong trào. Nhân dân các dân tộc Thường Xuân sau khi được tuyên truyền, giác ngộ đã đứng về phía cách mạng vạch trần bộ mặt thật của quan châu, chúa đất... các hủ tục "cống nạp", "biểu xén" được đưa ra luận tội lang đạo chúa đất. Nhân dân Thanh Cao đòi đem Cầm Bá Bảo ra để hành quyết, trả món nợ máu trong quá trình làm Tri châu. Vì chính sách nhân đạo, hơn nữa, giai đoạn này Đảng và Nhà nước ta đang tập trung tranh thủ khối đại đoàn kết toàn dân để "đuổi

giặc nước" nên Cầm Bá Bảo bị loại ra khỏi Chính quyền kháng chiến và được điều động đi làm đường. Chức vụ Chủ tịch UBHC kháng chiến được giao cho ông Cầm Bá Chính, trước đó là Phó Chủ tịch. Nhưng do tư tưởng bóc lột không chịu cải tạo để làm người đầy tớ của nhân dân, Cầm Bá Chính tiếp tục bị tha hóa trong phong trào quần góp ủng hộ kháng chiến của nhân dân các dân tộc Thường Xuân. Ban chấp hành Đảng bộ huyện quyết định giao chức Chủ tịch cho ông Cầm Bá Cuộc đảm nhiệm. Huyện Thường Xuân bước vào đấu tranh chính trị lần thứ 2 giành thắng lợi, đem lại ruộng đất cho dân cày. Tổng kết rút kinh nghiệm qua hai đợt đấu tranh chính trị xây dựng chính quyền thực sự là công bộc của dân để tiếp tục điều hành nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc, xã Thanh Cao được công nhận là đơn vị điển hình có nhiều kinh nghiệm quý vận động nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước.

Tháng 03 năm 1950, Đảng bộ huyện Thường Xuân ra đời trên cơ sở chi bộ tiền thân, Đại hội toàn đảng viên đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa I gồm 5 đồng chí thay mặt toàn Đảng bộ huyện làm công tác Đảng vụ, lãnh đạo nhân dân các dân tộc Thường Xuân tiếp tục kháng chiến kiến quốc.

Tháng 4 năm 1951, Ty Công an Thanh Hóa chuẩn y cho Thường Xuân thành lập Công an huyện trực thuộc Ủy ban Hành chính kháng chiến. Công An huyện đã

tham mưu cho Cấp ủy, chính quyền huyện chỉ đạo các ngành, các cấp, các tổ chức đoàn thể... tuyên truyền giác ngộ, vận động đồng bào các dân tộc tiến hành cuộc đấu tranh chính trị lần thứ nhất loại bỏ Chủ tịch quan châu Cẩm Bá Bảo ra khỏi Ủy ban kháng chiến.

Xuất phát từ tình hình, đặc điểm của các huyện miền núi Thanh Hóa không những có ý nghĩa chiến lược cách mạng cho cả nước mà còn đóng vai trò quan trọng liên quan đến sự nghiệp cách mạng của ba nước Đông Dương. Do đó, từ ngày mới giành được chính quyền và đặc biệt từ khi thực dân Pháp gây hấn ở Nam Bộ, âm mưu muốn cướp nước ta một lần nữa; vấn đề thượng du đã được Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm sâu sắc, các lực lượng vũ trang không ngừng được củng cố, tạo thành thế trận liên hoàn của đường lối chiến tranh nhân dân.

Trung đoàn Tây Tiến của liên khu III do đồng chí Tuấn Sơn chỉ huy, Khuất Duy Kính là chính ủy, chiếm lĩnh địa bàn huyện Cẩm Thủy, Bá Thước, Quan Hóa. Trung đoàn 77 của Thanh Hóa do trung đoàn trưởng Hùng Sơn và chính ủy Lê Tự Đồng chỉ huy cùng đại đội 137 của bạn Lào do đại đội trưởng Nhất Lang chỉ huy đóng quân dọc tuyến Yên Nhân - Thường Xuân. Các đơn vị độc lập khác của Thanh Hóa như: Tống Duy Tân, Hà Văn Mao, Cẩm Bá Thước...được thành lập là lực lượng cơ động trên địa bàn 6 huyện miền núi trong tỉnh, ở

Thường Xuân còn có một đơn vị bộ đội giải phóng Ít-xa-ra Lào do Si-mu-vắt chỉ huy đứng chân cơ động trên phạm vi xã biên giới Bát Mọt.

Thực hiện mưu đồ chiến lược đánh thẳng vào vùng tự do của Thanh Hóa được thiết lập sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là căn cứ của cả nước, hòng chia cắt, tiêu diệt và bắt sống cơ quan đầu não của Việt Minh ở chiến khu Việt Bắc. Tháng 5 năm 1947, giặc Pháp từ Lào mở trận càn thăm dò sang xã Bát Mọt - Thường Xuân. Tại đây quân Pháp đã đóng quân đồn trú tại nhà thờ xã Bát Mọt một đêm để thu phục hàng ngũ lang đạo phản động. Một số lang đạo có ý đồ phục thù chống phá cách mạng ở đây đã góp tiền - thực phẩm... tập trung tại nhà thờ để ăn mừng và bợ đỡ chủ Pháp. Sau cuộc càn quét thăm dò này, thực dân Pháp liên tiếp mở các cuộc càn quét xuống dọc tuyến Bát Mọt, Yên Nhân - Thường Xuân. Vào tháng 9 năm 1947, tháng 12 năm 1947, tháng 11 năm 1949 và tháng 11 năm 1951... đi đến đâu giặc Pháp cũng gây tội ác như: bắn giết, đốt nhà thờ Bát Mọt và hàng trăm nóc nhà ở Yên Nhân, cướp đi nhiều trâu bò và tài sản khác của nhân dân.

Mặc dù phải đối phó với muôn vàn khó khăn phức tạp. Từ rất sớm, tháng 11 năm 1948, chính quyền huyện Thường Xuân đã chỉ đạo việc mua sắm vũ khí tiến tới đại hội tập dân quân thượng du tại Chòm Chiềng xã Thanh Cao để chiến thắng thù trong bằng "phương pháp hòa

binh", bẻ gãy các cuộc càn quét của thực dân Pháp bằng những đòn đánh quyết định. Nhân dân các dân tộc huyện Thường Xuân dưới sự điều hành của chính quyền non trẻ các cấp đã tổ chức lực lượng dân quân du kích, bộ đội địa phương phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực và bộ đội giải phóng Ít-xa-ra Lào đóng quân trên địa bàn huyện ngoan cường chiến đấu tiêu diệt 17 tên Pháp, 34 ngụỵ Lào, bắn bị thương và bắt sống nhiều tên; thu 18 súng trường, 5 súng máy, 1 moóc-chê và nhiều trang thiết bị khác. Nhiều người con của nhân dân các dân tộc Thường Xuân đã anh dũng hy sinh để giữ vững một vùng biên cương của tổ quốc, góp phần bảo vệ vùng tự do Thanh Hóa. Trong nhiều trận càn của thực dân Pháp từ Lào sang Thường Xuân, có lẽ trận càn tháng 12 năm 1947, trận càn lớn, quy mô, số lượng lên đến 350 tên, được chuẩn bị chu đáo, xuất phát từ Bản Hang bên đất bạn Lào. Quân và dân các dân tộc Thường Xuân tổ chức phối hợp hiệp đồng tác chiến với nhiều thứ quân: dân quân du kích, bộ đội địa phương, bộ đội chủ lực và một đơn vị bộ đội giải phóng Ít-xa-ra Lào; cùng các loại vũ khí từ bẫy đá, cung nỏ, súng kíp đến các loại vũ khí hiện đại chủ lực; bày sẵn thế trận phục kích đón lõng dồn địch vào Băng Cánh Cú tại Bát Mọt để tiêu diệt. Đây là trận chống càn được lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp của Thường Xuân ghi nhận, đây là trận chống càn được tất cả các thứ quân phối hợp, hiệp đồng với bộ đội Ít xa ra Lào chiến đấu ngoan cường và chiến thắng giòn giã.

III. Củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, phát triển sản xuất, chống đói, diệt dốt và chi viện cho chiến trường Điện Biên Phủ

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đối với các huyện, xã vùng xuôi, việc xây dựng, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân từ huyện đến các địa phương cơ sở đã khó thì đối với các huyện miền núi đặc biệt là địa bàn Thường Xuân vấn đề này còn khó khăn, gian khổ hơn nhiều. Do vậy, chính quyền từ huyện đến xã, chòm thực hiện chính sách hòa hợp dân tộc, thêm bạn bớt thù để tập trung kháng chiến chống thực dân Pháp với chủ trương: Vận động lang đạo có thể lực ở các địa phương tham gia vào các thành viên của chính quyền. Chủ trương này bị Chủ tịch quan châu Cẩm Bá Bảo tương kế, tựu kế thao túng theo kiểu "khoác áo che mưa" để chuẩn bị chờ thời cơ chống phá cách mạng, âm mưu khôi phục lại chế độ phong kiến thực dân đã bị cách mạng lật đổ. Đảng ta chủ trương phát động đấu tranh chính trị để hạ uy thế của lang đạo, chúa đất; từng bước thay thế nhân cốt cách mạng vào chính quyền các cấp theo phương châm: "*xây dựng cơ sở nhân dân, bồi dưỡng và tích trữ lực lượng nhân dân*"⁽¹⁾. Nhưng, đưa nhân cốt của Đảng vào năm

(1). Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa tháng 9 năm 1956, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng, xuất bản năm 1985.

giữ cương vị chủ chốt của chính quyền các cấp, đủ sức thuyết phục hàng ngũ tổng, lý, lang đạo có thể lực và được sự tín nhiệm của quần chúng nhân dân là vấn đề nhân sự vô cùng khó khăn, đòi hỏi phải có thời gian, vật chất nhất định. Trong khi đó, nhiệm vụ cần kíp đặt ra để kháng chiến kiến quốc lại vô cùng cấp bách. Thường Xuân là một trong những huyện miền núi Thanh Hóa đã mạnh dạn, táo bạo tổ chức đấu tranh chính trị thông qua các phong trào thi đua yêu nước để lựa chọn cán bộ cốt cán cơ sở. Phong trào được bắt đầu bằng cuộc phát động của nhân dân *"chống âm mưu của lang đạo, địa chủ thu lại ruộng đất với có điều chỉnh diện tích canh tác và bắt nông dân phục dịch, biếu xén"*. Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện tháng 3 năm 1950 ở làng Lẹ Ngù, xã Xuân Lẹ, dưới sự lãnh đạo của tổ Đảng, nông dân đã tổ chức cuộc mít tinh phản đối bọn chủ đất bóc lột hà khắc, đồng thời chia ra từng tổ: tổ cày, tổ bừa, tổ nhổ mạ, tổ cấy... Trong một thời gian ngắn đã cấy được 30 nghìn bó mạ, tương đương với một mẫu Trung bộ trong khu ruộng của nhiều tá điền.

Ở xã Hiệp Tháp, nông dân bất chấp sự đe dọa của chủ đất và tá điền kiên quyết đấu tranh không cho chúng lấy lại ruộng đất.

Ở xã Thắng Lợi, xã Yên Nhân và Chòm Chiềng, xã biên giới Bát Mọt, nông dân cũng vùng lên đấu tranh với chúa đất.

Các cuộc đấu tranh với lang đạo, chúa đất trên địa bàn Thường Xuân không những tìm ra được những nhân cốt xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân mà còn đem lại kết quả đáng phấn khởi: Toàn bộ lang đạo, chúa đất phản động ngoan cố bị phát giác và cô lập, hàng ngũ lang đạo trước đây có cảm tình với cách mạng đã tự nguyện sát cánh với nhân dân cùng nhau kháng chiến kiến quốc. Từ năm 1953 đến năm 1959, Thường Xuân đã cơ bản xây dựng củng cố được mạng lưới chính quyền các cấp.

Giành được chính quyền đã khó, giữ chính quyền còn khó hơn. Nhận thức sâu sắc động lực để giữ chính quyền phải là nhân dân các dân tộc trong huyện. Công cuộc "diệt giặc đói", nâng cao dân trí để nhận thức được lẽ đúng sai trong cuộc sống mới đầy khó khăn, thấy được vai trò quan trọng của chính quyền của dân, do dân, vì dân khác hẳn với chính quyền phong kiến tay sai trước đây là một cuộc cách mạng văn hóa - khâu đột phá khâu trong tiến trình xây dựng xã hội mới trên vùng đất Châu Thường.

Thực hiện chủ trương của Đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp huyện Thường Xuân, triển khai chiến dịch "diệt giặc đói", một trong ba thứ giặc: giặc ngoại xâm và giặc đói làm cho nhân dân các dân tộc Thường Xuân từ ngàn xưa bị các thế lực phong kiến giam hãm trong vòng ngu tối để dễ bề cai trị, áp bức, bóc lột... Thấy được sự cần thiết phải đi học để có con chữ mới tự giải

phóng được chính mình. 50 chiến sĩ diệt giặc dốt trong đó có 20 người là con em các dân tộc Thường Xuân được huy động đi dự lớp đào tạo ngắn ngày. Khi trở về địa phương, họ trở thành lực lượng xung kích để phát động phong trào "nhà nhà đi học, người người đến lớp", nhiều phương pháp hay được truyền bá: học trên đường cày, học trên nương rẫy, học cả lúc chuẩn bị bước vào cổng chợ, cổng làng... Phong trào bình dân học vụ đã đem lại kết quả: Nhiều đồng bào đủ các lứa tuổi, thành phần nhân dân các dân tộc trong huyện đã đọc thông viết thạo chữ Quốc ngữ. Đây là bước khai thông dân trí đầu tiên để mọi người có khả năng theo học ở các lớp cao hơn. Thường Xuân còn mở các lớp bình dân sơ cấp dành cho những người chậm tiếp thu, mở rộng các cấp học phổ thông để đáp ứng nhu cầu hiếu học của nhân dân vùng sâu, vùng xa. Hàng ngàn năm qua, người nông dân lam lũ, chân lấm, tay bùn đâu có dám ước mơ được đi học, đồng bào các dân tộc Thường Xuân khao khát con chữ cũng như khao khát mảnh đất để tự làm chủ cây cày, Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Châu Thường cho dù còn phải tiếp tục đấu tranh gian khổ mới có được chính quyền thực sự của dân, do dân, vì dân nhưng phần nào đã giúp cho đồng bào các dân tộc thực hiện được ước mơ tưởng chừng như không thể có. Phong trào chống nạn mù chữ ở Thường Xuân đem lại ý nghĩa chính trị - văn hóa to lớn, tạo nên sức mạnh thúc đẩy công cuộc kháng chiến

kiến quốc trên một vùng núi rừng biên giới hẻo lánh ở miền Tây xứ Thanh.

Cuộc vận động xóa nạn mù chữ là nền tảng ban đầu để chính quyền nhân dân các cấp bước vào cuộc chiến chống đói nghèo: thực hành sản xuất, tiết kiệm, xây dựng nếp sống mới. Phong trào thi đua "sạch bản, đẹp chòm", "ăn chín, uống sôi", phòng, chống dịch bệnh để tăng gia sản xuất được phát động đến từng người dân.

Diện tích lúa nước, diện tích nương rẫy, diện tích cây màu, ngô, khoai, sắn... đều được mở rộng. Nông sản, lâm sản do người lao động làm ra nay đã thực sự thuộc về họ. Thường Xuân đã bắt đầu có thêm lương thực, góp phần cùng cả tỉnh tăng cường tiềm lực cho hậu phương Thanh Hóa phục vụ kháng chiến và thi đua kiến quốc.

Đầu năm 1952, biết không thể đánh chiếm được hậu phương Thanh Hóa, giặc Pháp cho máy bay đánh phá đập Bái Thượng, đây là công trình thủy lợi - đầu mối quan trọng phục vụ tưới tiêu cho hơn 50 nghìn ha lúa cấy 2 vụ của đồng bằng Thanh Hóa; đồng thời là đường giao thông thủy giao lưu kinh tế giữa miền ngược và miền xuôi, giặc Pháp coi đây là trọng điểm đánh phá bằng không quân. Bộ đội chủ lực và nhân dân 2 huyện Thường Xuân và Thọ Xuân phối hợp chiến đấu ngoan cường bảo vệ con đập chiến lược này. Song, giặc Pháp tập trung lực lượng đánh phá ác liệt nhiều lần, cuối cùng chúng thả thủy lôi từ thượng nguồn, nhiều quả nổ tiếp nhau để phá

lưới chắn bảo vệ, rồi những quả cuối cùng đã phá hỏng đập. Đập Bái Thượng bị giặc Pháp oanh tạc hỏng, không còn nước tưới cho đồng bằng Thanh Hóa, đời sống nhân dân cả tỉnh gặp khó khăn lớn, đường giao thông thủy giữa Thường Xuân với nhiều huyện miền xuôi và thị xã Thanh Hóa bị cắt đứt. Trước hoàn cảnh khó khăn đó, chính quyền các cấp huyện Thường Xuân đã phát động nhân dân vượt khó bằng cách tăng năng suất cả lúa, màu để tự cấp, tự túc và đóng góp cho Nhà nước, chia sẻ khó khăn với các huyện miền xuôi.

Trong suốt thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng tinh thần yêu nước nồng nàn, khát khao độc lập tự do; đồng bào các dân tộc Thường Xuân vẫn tiết kiệm, hăng hái đóng góp: gùi, gánh đưa vào kho Nhà nước những cân thóc thuế nông nghiệp phơi khô quạt sạch và đầy đủ. Để có thóc dự trữ chi viện cho bộ đội "ăn no đánh thắng", đồng bào cùng nhau đóng góp nguyên vật liệu, xây dựng kho tàng hoặc tìm những nhà dân vững chắc, để đặt địa điểm làm kho. Trong những năm 1952, 1953, 1954, Thường Xuân đã lập 27 kho chứa lương thực, mỗi kho thường xuyên có từ 1 đến 3 tấn thóc sẵn sàng khi có lệnh là người và hàng Thường Xuân với "đôi chân đồng, vai sắt" đưa gạo đến tận chiến hào nóng bỏng, mặt giáp mặt với quân thù, kịp thời chi viện cho bộ đội chiến đấu và chiến thắng. Cuối năm 1953, đầu năm 1954, theo chỉ lệnh của

trên, nhân dân các dân tộc huyện Thường Xuân đã động viên hàng vạn nhân công, huy động hàng vạn cây luồng, cây nứa cùng sức người, sức của mở đường 15A nối liền tuyến vận tải Thanh - Nghệ với các chiến trường Bắc Bộ, thượng Lào và Nam Trung Bộ. Chiến dịch thượng Lào, chiến dịch Điện Biên Phủ, từng đoàn dân công tiếp vận là lực lượng thanh niên trai, gái của Thường Xuân hòa với dòng người, sức của ở hậu phương Thanh Hóa nườm nượp, liên tiếp nối đuôi nhau chi viện cho các chiến trường.

"Chín năm làm một Điện Biên⁽¹⁾", chín năm Thường Xuân đóng góp cùng tỉnh Thanh Hóa xây dựng vùng tự do, căn cứ địa kháng chiến, cũng là chín năm đồng bào các dân tộc Thường Xuân phải vượt lên chính bản thân mình, chung lưng đấu cật, đoàn kết một lòng để chiến thắng thù trong, xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, chống đói, diệt dốt, xây dựng đời sống mới... đánh thắng giặc ngoài, giữ vững một dải biên cương quan trọng không cho giặc Pháp từ đất Lào đánh chiếm vùng tự do Thanh Hóa, chi viện sức người, sức của cho các chiến trường. Chín năm trường kỳ gian khổ là bước mở đường để nhân dân các dân tộc trong huyện bước tiếp những chặng đường tiếp theo, phát huy truyền thống của quê hương quê ngọc Châu Thường.

(1). Thơ Tố Hữu.

IV. HÀN GẮN VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH, XÂY DỰNG CNXH, ĐÁNH THẮNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, CHI VIỆN TỐI ĐA SỨC NGƯỜI, SỨC CỦA CHO CÁC CHIẾN TRƯỜNG

Cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ oanh liệt lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu. Tuy vậy, trong tương quan lực lượng, về phía ta: mới chỉ giải phóng được một nửa đất nước, Miền Bắc bắt tay vào hàn gắn vết thương chiến tranh, cải tạo XHCN trên đồng cỏ nát, tài chính khánh kiệt... đế quốc Mỹ thế chân Pháp xâm lược Miền Nam, nhân dân Nam bộ tiếp tục đấu tranh chống giặc Mỹ và bè lũ tay sai nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Hội nghị Bộ Chính trị tháng 9 năm 1954 đề ra đường lối và nhiệm vụ cụ thể trong giai đoạn cách mạng mới, Nghị quyết có đoạn viết *"Ra sức hoàn thành cải cách ruộng đất, phục hồi và nâng cao sản xuất; tăng cường xây dựng quân đội nhân dân để bảo vệ Miền Bắc, giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân Miền Nam"*. Bộ Chính trị xác định quá trình thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra là quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, phức tạp nhưng nhất định thắng lợi. Trước khi rút khỏi Miền Bắc, thực dân Pháp đã gây cho chúng ta nhiều khó khăn, nhằm cản trở công cuộc xây dựng lại đất nước sau gần một thập kỷ chiến tranh giải phóng. Lợi

dụng những khó khăn này, bọn phản động cấu kết với địa chủ, lang đạo gian ác và những phần tử bất mãn xuyên tạc đường lối của Đảng, phá hoại sản xuất, trộm cắp tài sản của nhân dân, chúng phao tin "Chúa vào Nam" để kích động, cưỡng ép đồng bào theo đạo thiên chúa rồi bỏ quê hương vào Nam, gây mất ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Thường Xuân là huyện có nhà thờ họ đạo tại xã Bát Mọt, mặc dù số lượng đảng viên còn rất ít, song khi được tỉnh điều động một đảng viên⁽¹⁾ ở vùng giáo biên giới đi làm nhiệm vụ "Chống di cư theo chúa vào Nam", Đảng bộ và chính quyền huyện đã động viên kịp thời để cán bộ yên tâm đi làm nhiệm vụ ở vùng giáo xứ ba làng Tĩnh Gia.

Ở Thanh Hóa nạn lụt tháng 9 năm 1954 đã làm nhiều đoạn đê sông Mã, sông Chu bị vỡ gây tổn thất nặng nề cho sản xuất và để lại hậu quả nghiêm trọng đó là nạn đói năm 1955 xảy ra trên diện rộng. Cũng trong thời kỳ này, tỉnh Thanh còn phải chuẩn bị khăn trương các điều kiện cần thiết để đón tiếp đồng bào chiến sĩ Miền Nam tập kết ra Bắc, giúp tỉnh Hòa Bình khắc phục hậu quả chiến tranh. Thường Xuân là huyện có chung đường biên giới với bạn Lào nên được giao nhiệm vụ tập kết trung chuyển hàng cứu trợ cho bạn, nhân dân các dân tộc trong huyện đã làm tròn nghĩa vụ cao cả mà cấp trên giao phó. Chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tuy Thanh

(1). Ông Vi Văn Dậu đảng viên dự bị xã Yên Nhân.

Hóa là vùng tự do, nhưng bị địch đánh phá khốc liệt, hơn nữa còn phải huy động hết mọi nguồn lực vốn có để chi viện cho các chiến trường do vậy hòa bình lập lại, Thanh Hóa phải bắt tay ngay vào khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa. Sau thời kỳ cải cách ruộng đất ở miền xuôi, đấu tranh chính trị cải cách dân chủ ở miền núi, việc đầu tiên của tỉnh Thanh Hóa là nhanh chóng tu sửa đập Bái Thượng để kịp thời có nước tưới tiêu cho vùng đồng bằng châu thổ rộng lớn trong tỉnh. Thường Xuân đã đóng góp công sức, nguyên vật liệu để khôi phục lại đập Bái Thượng, ngoài việc cung cấp nước cho đồng bằng còn khai thông con đường giao thông thủy ngược xuôi giữa các vùng trong tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ Thường Xuân, Chính quyền các cấp đã hướng dẫn nhân dân trong huyện:

- Thi đua sản xuất tương trợ cứu đói.
- Chống mù chữ và tái mù, mở rộng phong trào bình dân học vụ, bổ túc văn hóa, phát triển giáo dục phổ thông nhất là cấp I.
- Đẩy mạnh khai thác luồng, tre, nứa làm giấy.
- Phát động phong trào: "Sạch làng, tốt ruộng", "không để một tấc đất bỏ hoang" ...
- Hướng dẫn nông dân lập các tổ chức đổi công đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để cải cách dân chủ bước 2.

Hai năm phát động phong trào thi đua khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa với những bước đi phù hợp và vững chắc, bộ mặt huyện Thường Xuân bắt đầu đã có sự khởi sắc đáng kể, kinh tế tiếp tục hồi phục, y tế, giáo dục có nhiều chuyển biến tiến bộ. Một số xã đã thành lập trường cấp I, con em các dân tộc được động viên đến trường. Ánh sáng văn hóa, văn minh mới đến với các bản, làng, thôn xóm, nạn mê tín, dị đoan được đẩy lùi một bước trên địa bàn huyện; cuộc vận động sản xuất chống đói nghèo được nhân dân trong huyện hăng hái tham gia với phong trào thi đua khai hoang, phục hóa, trồng rau màu ngắn ngày chống giáp hạt kịp thời, nhân dân giữa các thôn xóm, chòm bản phát huy truyền thống vốn có "lá lành đùm lá rách", "nhường cơm sẻ áo" giúp đỡ nhau về lao động; góp vốn cùng nhau tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm theo lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi người vào thăm Thanh Hóa ngày 13 tháng 6 năm 1957: *"Đồng bào đang còn lãng phí, lãng phí nhiều, đồng bào cố gắng sản xuất nhiều nếu không tiết kiệm thì như nước chảy từ chỗ này ra chỗ kia, nên kết quả ít..."*, *"Sản xuất mà không tiết kiệm thì như gió vào nhà trống⁽¹⁾"*. Những lời chỉ bảo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đem lại niềm cổ vũ cho nhân dân huyện Thường

(1). Thanh Hóa khắc sâu lời Bác - Ban NCLS Đảng Thanh Hóa, Nxb 1975, trang 40.

Xuân, giúp cấp ủy chính quyền các cấp huyện Thường Xuân có thêm sức mạnh mới để động viên, huy động tiềm lực tiến quân vào mặt trận mới - mặt trận cải tạo XHCN, xây dựng Thường Xuân cùng Miền Bắc làm hậu thuẫn vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Cuộc đấu tranh để thực hiện hiệp định Gơnevơ của nhân dân ta do Đảng Lao động và Chính phủ Việt Nam lãnh đạo đã bị đế quốc Mỹ can thiệp hắt cẳng Pháp xé bỏ dựng lên chính quyền bù nhìn Ngô Đình Diệm. Khả năng đấu tranh hòa bình tổng tuyển cử không còn, Đảng ta chủ trương: Xây dựng CNXH ở Miền Bắc, Miền Nam tiếp tục vũ trang cách mạng tiến hành trường kỳ chiến tranh giải phóng. Đồng bào các dân tộc Thường Xuân dưới sự lãnh đạo của Đảng bắt tay vào tiến hành cải tạo nông nghiệp, lâm nghiệp, thương nghiệp... theo con đường XHCN. Nhiệm vụ đặt ra cho mỗi người dân Thường Xuân lúc này là: Phải nhanh chóng thích ứng với cung cách làm ăn mới, trên đồng ruộng, núi rừng... mà chính họ đã trở thành chủ nhân. Tham gia tích cực vào cuộc vận động to lớn: Xây dựng con người mới, nông thôn mới để trả lời câu hỏi "Ai thắng ai" do lịch sử đặt ra; nghĩa là: đi theo tư bản hay đốt cháy giai đoạn tiến thẳng lên CNXH? Hàng loạt khó khăn mới nảy sinh đặt ra cho các cấp chính quyền và nhân dân Thường Xuân đó là: kinh tế Thường Xuân quá nghèo nàn, lạc hậu. Những năm qua, đồng bào Thường Xuân đi theo Đảng mới chỉ

từng bước đẩy lùi uy thế chính trị, kinh tế của lang đạo, phong kiến; trình độ giác ngộ hạn chế, tính bảo thủ tư hữu còn khá nặng nề. Tư tưởng cầu an, hưởng lạc của một số cán bộ đảng viên đang là cản trở lớn. Năm 1958, Thường Xuân chính thức mở cuộc vận động xây dựng tổ đổi công, 89% số hộ đã đăng kí gia nhập, riêng ở Xuân Dương, Thọ Thanh thời gian này đã xuất hiện HTX nông nghiệp bậc thấp. Phong trào tổ đổi công là hình thức làm ăn mới, tập trung hướng dẫn nông dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. Thông qua việc kê khai ruộng đất, tài sản... để gia nhập tổ đổi công đã giúp nông dân bản cổ nông tỉnh ngộ. Nông dân có sức lao động nhưng thiếu ruộng cày; lang đạo, chúa đất có ruộng rất nhiều nhưng lại thiếu lao động. Đây chính là mâu thuẫn chủ yếu giữa nông dân với lang đạo chúa đất phong kiến hàng ngàn đời chưa thể giải quyết được. Từ thực tế phong trào đấu tranh chính trị lần 2, đánh đổ uy thế lang đạo, chúa đất phong kiến... đem lại ruộng, vườn, rừng, núi, trâu bò cho bản cổ nông. Xây dựng chính quyền thực sự của dân, do dân, vì dân. Đây là cuộc cách mạng triệt để, thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng" và cũng là đòn tấn công cuối cùng vào kinh tế - chính trị của giai cấp phong kiến ngoan cố, phản động ở Thường Xuân; giành thắng lợi hoàn toàn cho nông dân ở rừng núi biên giới miền Tây tỉnh Thanh rộng lớn.

Nông dân có ruộng, có trâu bò cày kéo nếu chỉ dừng lại việc đổi công, vắn công... thì cái nghèo, cái đói, cung

cách làm ăn lạc hậu vẫn chưa được tháo gỡ; câu hỏi lịch sử đặt ra "Ai thắng ai?", tư bản hay xã hội chủ nghĩa vẫn chưa có câu trả lời. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền các cấp Thường Xuân tiến hành vận động, hướng dẫn đồng bào tiến lên xây dựng HTX nông nghiệp để xóa bỏ tận gốc chế độ người bóc lột người, cuộc vận động to lớn này đã được đông đảo đồng bào trên toàn huyện tích cực hưởng ứng tham gia. Chính phong trào hợp tác hóa nông nghiệp đã thôi thúc mọi người, mọi nhà tham gia các chiến dịch thủy lợi, giao thông... để tăng năng suất cây trồng, mở mang giao lưu kinh tế - văn hóa. Nhiều tuyến đường ở các xã Vạn Xuân, Xuân Lẹ, Xuân Chinh, Xuân Mỹ... trước đây chỉ đi theo đường men các khe suối đã nhanh chóng được mở mang, khai thông nối liền các địa phương. Năm 1960, phong trào hợp tác hóa ở Thường Xuân đã lên đến đỉnh cao trào mạnh mẽ, cuối năm 1960 đã có 91,5% số hộ nông dân tình nguyện đóng góp trâu bò, ruộng, đất để gia nhập HTX bậc thấp. Kinh tế quốc doanh trên địa bàn huyện ngày càng được tăng cường, lớn mạnh; mậu dịch quốc doanh đã chiếm lĩnh thị trường bán buôn hàng lâm - nông sản trên địa bàn. HTX mua bán, HTX tín dụng... được thành lập từng bước thúc đẩy nền kinh tế trong huyện phát triển. Đồng bào các dân tộc Thường Xuân thực sự đổi đời, Chính quyền cách mạng thực sự do dân, vì dân mà phấn đấu được thiết lập thông qua các cuộc bầu cử dân chủ, công khai. Các tổ

chức chính trị như: Thanh niên, Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc (MTTQ)... không ngừng được củng cố ngày càng lớn mạnh. Huyện miền núi Thường Xuân thực sự hoàn thành cách mạng dân tộc - dân chủ, xác lập quan hệ sản xuất mới XHCN, bước vào thời kỳ mới - thời kỳ thực hiện kế hoạch hóa các ngành kinh tế, văn hóa - xã hội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân... để cùng Thanh Hóa và cả nước bước vào xây dựng CNXH làm hậu thuẫn vững chắc cho đồng bào Miền Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai bán nước.

Để hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), Đảng bộ huyện Thường Xuân xác định: Củng cố kiện toàn các HTX nông nghiệp, tiếp tục vận động nông dân vào con đường làm ăn tập thể, tiến quân vào mặt trận kinh tế - xã hội- xây dựng vững chắc quốc phong - an ninh, đối với nghề rừng cần quán triệt phương châm: trồng, tu bổ kết hợp với khai thác giao nộp sản phẩm nghĩa vụ với Nhà nước. Để xây dựng con người mới ở các địa phương vùng cao, thời gian này, chính quyền các cấp đã sớm tham mưu cho Cấp ủy huyện tiến hành chiến dịch cai nghiện thuốc phiện và chống buôn lậu qua biên giới làm trong sạch địa bàn xã Bát Mọt và vùng biên. Thực thi Quyết định số 121- QĐ/NV ngày 25 tháng 6 năm 1963 của Trung ương tách xã Thanh Cao và Hiệp Tháp cũ thành các xã Xuân Chinh, Xuân Lẹ, Xuân Khao, Xuân Liên, Xuân Mỹ, Vạn Xuân. Nhận bàn giao

các xã Xuân Dương, Thọ Thanh, Xuân Cao, Xuân Cẩm của huyện Thọ Xuân, xã Lương Ngọc của huyện Ngọc Lặc về Thường Xuân; Sau khi có chủ trương phân vạch lại địa giới tuyến huyện của Trung ương trên địa bàn Thanh Hóa, theo Quyết định 232/NV ngày 14 tháng 9 năm 1964, (xã Lương Ngọc được chia tách thành các xã Lương Sơn, Ngọc Phụng). Giai đoạn này, Thường Xuân là một trong những điểm của các huyện miền núi cần phải tổ chức sắp xếp lại cơ cấu dân cư theo chủ trương của UBHC tỉnh. Cuộc vận động đi xây dựng kinh tế mới ở các huyện miền núi Thanh Hóa trong đó có Thường Xuân là một trong những cuộc vận động lớn. Nhiều hộ công thương buôn bán ở phố Bái Thượng - Thọ Xuân tình nguyện đưa cả gia đình sang Thường Xuân để xây dựng quê hương mới. Thường Xuân được tiếp nhận đồng bào định cư thuộc các huyện: Thọ Xuân, Thiệu Hóa, Đông Sơn, Triệu Sơn; tất cả công tác khảo sát, công tác đảm bảo đã được chuẩn bị kỹ lưỡng chu đáo. Đồng bào các huyện trước khi đi đã được đoàn tiền trạm, khảo sát cho biết rõ nơi sẽ đến và định cư theo hình thức định cư tập trung hay cấy cư xen ghép. Khi về quê hương mới Thường Xuân, đồng bào các huyện bạn được nhân dân các dân tộc trong huyện đón tiếp trọng thị, sẵn sàng chia ruộng, nhường cơm, sẻ áo... để bà con sớm ổn định bước vào tăng gia sản xuất. Theo chỉ lệnh của tỉnh về việc mở đường 217 phục vụ cho chiến dịch Thượng Lào, UBHC

Thường Xuân đã huy động 180 dân công, cử một đồng chí Phó Chủ tịch trực tiếp lãnh đạo đợt dân công này.

Công tác trọng điểm của phát triển kinh tế trong kế hoạch 5 năm (1961 - 1965) của Thường Xuân là: nhanh chóng ổn định sản xuất, đầu tư cho phát triển nông nghiệp; trong đó, nhiệm vụ bố trí lại lực lượng sản xuất theo hướng đảm bảo cả số lượng và chất lượng để đưa năng suất trong nông nghiệp ngày càng đi vào ổn định. Lực lượng lao động được tổ chức tập huấn trình diễn bằng phương pháp "hội thảo đầu bờ", tranh thủ sự ủng hộ đầu tư về kỹ thuật, giống... của các huyện Thọ Xuân, Triệu Sơn - những đơn vị lá cờ đầu trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh Thanh Hóa. Vụ mùa năm 1964, Thường Xuân đạt năng suất bội thu, nhiều phong trào thi đua yêu nước tiếp tục được phát động sâu rộng trên địa bàn huyện.

Cuối năm 1964, đầu năm 1965, các đề án kinh tế - xã hội của huyện Thường Xuân tuy chưa hết kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) nhưng đã từng bước đi vào cuộc sống, khơi dậy tiềm năng mới của vùng sơn cước nghèo nàn thì cũng chính là lúc tình hình chiến sự trong nước có những dấu hiệu phức tạp, đe dọa cuộc sống bình yên của nhân dân Miền Bắc đang bắt tay vào xây dựng CNXH. Giặc Mỹ gây hấn leo thang đánh phá Miền Bắc, cả nước bước vào giai đoạn mới - xây dựng nền kinh tế thời chiến. Quân dân Thanh Hóa hạ quyết

tâm: "...trong bất kỳ hoàn cảnh nào, giặc Mỹ đánh phá ác liệt đến đâu cũng phải hoàn thành nhiệm vụ Trung ương giao, đem hết nhân tài, vật lực phục vụ cho tiền tuyến đánh thắng giặc Mỹ, bảo đảm huyết mạch giao thông...". Sau sự kiện ngày 5 tháng 8 năm 1964, đế quốc Mỹ chính thức tuyên bố gây chiến ở Miền Bắc Việt Nam. Thường Xuân là địa phương có rừng núi rộng lớn, đầu mỗi đường dây 559 chi viện cho chiến trường phía nam từ xưa đã được các đảng quân vương chọn làm hậu cứ để đánh đuổi giặc ngoại xâm, nhưng, Thường Xuân còn là vị trí có nhiều trọng điểm địch sẽ đánh phá như: đập Bái Thượng, cầu Bến Nhạ, đường 15A, kho E tại hang Lãm xã Tân Thành...

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, UBHC tỉnh giao nhiệm vụ cho Thường Xuân vừa là hậu phương nhưng cũng là tiền tuyến, Thường Xuân cần phải nhanh chóng chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng kịp thời đáp ứng với tình hình nhiệm vụ mới. Theo đánh giá nhận định của tỉnh: Thường Xuân là địa bàn có đập Bái Thượng, có đường chiến lược 15A, một trong những đầu mối tập kết hàng hóa tiếp tế cho chiến trường Miền Nam từ kho E trung chuyển theo đường 559; có đường Bái Thượng đi biên giới nối liền với tỉnh lỵ Thanh Hóa. Cho nên Thường Xuân sẽ là tâm điểm, mục tiêu để địch đánh phá bằng không quân. Song, Thường Xuân còn là vùng rừng núi hiểm trở đã từng là

hậu cứ của các cuộc chiến tranh vệ quốc trước đây, có hệ thống sông ngòi nối liền với các miền, thuận tiện cho giao thông đường thủy; "rừng vàng" Thường Xuân là nơi cung cấp lâm thổ sản phục vụ cho cuộc chiến tranh vệ quốc, góp phần quan trọng đánh thắng chiến tranh leo thang của giặc Mỹ.

Để chuyển hướng chiến lược trong tình hình mới, UBHC huyện Thường Xuân đã chỉ đạo cho UBHC các xã, vùng phụ cận, nơi có trọng điểm địch sẽ đánh phá như Xuân Dương, Thọ Thanh, Xuân Cao, Tân Thành, Luận Khê... nhanh chóng triển khai các phương án bố phòng, tác chiến; bố trí lại cơ cấu và lực lượng sản xuất, sẵn sàng "*vừa sản xuất, vừa chiến đấu*", thực hiện tốt công tác bảo mật phòng gian. Nhân dân các dân tộc trên địa bàn đều được quán triệt 4 nhiệm vụ:

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch 5 năm (1961 - 1965) thắng lợi trong điều kiện thời chiến.

- củng cố lại lực lượng dân quân tự vệ, chủ động phối hợp với bộ đội chủ lực đánh thắng địch trong bất kỳ tình huống nào.

- Bảo vệ an toàn các trọng điểm trên địa bàn, tổ chức đưa dân nhanh chóng sơ tán khỏi vùng địch đánh phá.

- Sẵn sàng chi viện cho tiền tuyến lớn Miền Nam.

Mặc dù kinh tế 5 năm (1961 - 1965) phải chuyển hướng sản xuất trong điều kiện thời chiến, nhưng phong

trào "thi đua sản xuất, tiết kiệm, tiếp tục khai hoang phục hóa, định canh định cư..." trên địa bàn Thường Xuân vẫn được đồng bào các dân tộc hưởng ứng nhiệt thành. Năm 1965, số ruộng khai hoang được là: 1.049,9 mẫu tăng 30 mẫu so với năm 1964; giao nộp cho Nhà nước 100 tấn lạc nhân, 50 tấn đậu tương. Đàn trâu bò từ 6.699 con năm 1964 tăng lên 11.871 con năm 1965, nộp nghĩa vụ cho Nhà nước 12.370kg thịt lợn, vượt chỉ tiêu giao 3.000kg. Toàn huyện thành lập xong tổ đổi công và HTX bậc thấp, 50% số HTX ở vùng thấp đã chuyển thành HTX bậc cao.

Bước sang năm 1966, chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ ngày càng ác liệt. Chấp hành chủ trương của các Cấp ủy Đảng, UBHC các cấp, đặc biệt là UBHC huyện đã phân công các đồng chí Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban luân phiên thường trực chiến đấu. Sau nhiều lần, nhiều ngày tập trung đánh phá sân bay Sao Vàng và đập Bái Thượng, ngày 17 tháng 5 năm 1966, giặc Mỹ đã huy động tổng lực để đánh phá đập Bái Thượng, dân quân du kích các xã Xuân Dương, Thọ Thanh và Xuân Bái (Thọ Xuân) đã phối hợp với bộ đội cao xạ chủ lực đánh trả quyết liệt, quyết tâm giữ vững con đập chiến lược của Thanh Hóa. Con đập được giữ vững nhưng đồng bào xã Xuân Dương đã bị tổn thất nặng nề: ngày 17 tháng 5 năm 1966, trở thành ngày tang chung của nhiều gia đình trên vùng đất đau thương mà anh dũng này. Tháng 10 năm 1966, giặc Mỹ lại điên cuồng đánh phá đập Bái Thượng,

quân dân các xã vùng phụ cận đã anh dũng chiến đấu. Mặc dù các phương án bố phòng đã được chuẩn bị chu đáo; song, cuộc chiến đấu kéo dài và ngày càng ác liệt, vì vậy quân số thương vong lên đến vài chục người; thiệt hại nhiều nhà cửa và tài sản khác. Quân dân 2 xã Thọ Thanh, Xuân Dương đã bám sát trận địa chiến đấu ngoan cường. Để giúp thanh niên trai tráng tập trung cho chiến đấu, phục vụ chiến đấu trực tiếp trên các trận địa pháo cao xạ, lực lượng phụ nữ, phụ lão của 2 xã anh hùng đã đứng ra phục vụ, tụt tay các chị, các mẹ, các cụ... băng bó vết thương cho những người bị thương, chôn cất những người bị bom Mỹ giết hại... Khu vực cầu Bến Nhạ, binh trạm 10 do dân quân du kích trực chiến xã Tân Thành cũng luôn chủ động phối hợp với bộ đội chủ lực chiến đấu đánh trả máy bay địch, bảo vệ an toàn các mục tiêu chiến lược, đảm bảo thông xe trên tuyến đường 15A. Vượt lên ác liệt, gian khổ, quân dân xã Tân Thành của huyện Thường Xuân đã ngày đêm bốc dỡ hàng hóa cho những chuyến xe ra Bắc vào Nam, công tác phòng gian bảo mật luôn được đặt lên hàng đầu, do đó kho hàng chiến lược tại hang Lãm chỉ cách cầu Bến Nhạ 1 km mà biệt kích, thám báo của địch vẫn không phát hiện được.

Trong suốt thời gian giặc Mỹ đánh phá, kể cả lúc ác liệt nhất, nhân dân các dân tộc Thường Xuân luôn kề vai sát cánh, đoàn kết một lòng vừa sản xuất, vừa chiến đấu,

giữ vững huyết mạch giao thông, bảo vệ an toàn vũ khí, đạn dược... và các yêu cầu khác của chiến trường. Quân và dân xã Tân Thành anh hùng được đánh giá là đơn vị có nhiều thành tích trong chiến đấu và sản xuất. Cuộc chiến tranh leo thang phá hoại Miền Bắc của giặc Mỹ càng kéo dài, việc cung cấp lâm thổ sản của núi rừng Thường Xuân cho các đơn vị quốc phòng đòi hỏi càng lớn. Sau khi được Tổng cục Lâm nghiệp khảo sát trữ lượng lâm thổ sản, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBHC tỉnh giao nhiệm vụ cho Thường Xuân bằng mọi cách phải cung cấp đủ khối lượng gỗ, luồng, nứa và các hàng hóa lâm sản khác theo pháp lệnh, có báo cáo hàng tháng, quý, năm để cấp trên nắm, kịp thời chỉ đạo. Thường Xuân nhanh chóng thay đổi định hướng từ tu bổ - tái sinh - khai thác sang khai thác - trồng - tu bổ. UBHC tham mưu cho Cấp ủy huyện giao cho Lâm trường Thường Xuân làm nòng cốt để giao nghĩa vụ pháp lệnh cho từng xã theo kế hoạch đã được phê duyệt.

Các đơn vị xã thành lập các HTX bao gồm các đội sơn tràng khai thác lâm sản tập kết về các bến bãi theo quy định, cốn bè xuôi theo đường sông giao nộp cho Nhà nước. Hàng vạn nhân công được huy động, hàng ngàn xe thô sơ, xe trâu bò kéo được sử dụng để phục vụ cho 3 công trường lớn khai thác lâm sản của núi rừng Thường Xuân, phục vụ cho cuộc chiến tranh vệ quốc.

Tổng kết công tác định canh, định cư, kinh tế mới của tỉnh, tổng kết kế hoạch 5 năm lần thứ 2 (1966 - 1970) trong điều kiện vừa sản xuất, vừa chiến đấu, báo cáo của Đảng bộ huyện đã chỉ ra:

Nhiệm vụ trọng tâm của thời kỳ này vẫn là tập trung khai thác lâm thổ sản giao nộp cho Nhà nước phục vụ chiến tranh vệ quốc, hàng năm Thường Xuân đã giao nộp bình quân 22.000m³ gỗ tròn, năm cao nhất là 25.000m³; hàng chục triệu cây luồng, hàng chục vạn tấn nứa. Lực lượng lao động huy động lúc cao nhất là 10.000 người, đơn vị xã Xuân Cao, Luận Khê... được đánh giá có nhiều thành tích trong khai thác và giao nộp sản phẩm.

Cùng với việc khai thác, tái sinh - tu bổ rừng, thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ, Thường Xuân còn phát triển hạ tầng cơ sở kinh tế trong điều kiện thời chiến theo định hướng "mở mang giao thông, thủy lợi để phục vụ cho chiến đấu, phát triển kinh tế, tăng năng suất lúa màu" hàng loạt hệ thống giao thông nông thôn, đường liên thôn, liên xã được cải tạo cùng với hệ thống hào giao thông nối liền với hầm trú ẩn được chỉ đạo gấp rút hoàn thành. Nhiều công trình thủy lợi phục vụ cho công tác khai hoang, phục hóa ra đời, đáp ứng nước tưới cho nông nghiệp. Huyện chủ trương trực tiếp đầu tư và chỉ đạo xây dựng các công trình lớn như hồ Sậy xã Ngọc Phụng có sức chứa 6.000m³ nước, rộng 18 mẫu, có khả năng tưới

cho 150ha đất thâm canh 2 vụ, hồ Hón Te tưới cho khu vực định canh, định cư rộng lớn thuộc xã Tân Thành. Những công trình nhỏ như hồ Ná Nhà xã Vạn Xuân và các hồ đập mương bai nhỏ khác, huyện chỉ đạo đầu tư 1 phần và giao cho các đơn vị cơ sở chủ động huy động nguồn lực để thi công.

Đề tập trung cho các công trình thủy lợi lớn, huyện đã huy động lực lượng thanh niên và dân công toàn huyện lao động dài ngày do vậy một số công trình đã sớm đưa vào sử dụng, đem lại hiệu quả kinh tế. Vụ mùa năm 1970, lúa và hoa màu toàn huyện đạt năng suất cao chưa từng có. Từ thiếu đói lương thực, hàng năm tỉnh phải chi viện, giai đoạn này Thường Xuân đã tự cân đối được lương thực trên địa bàn. Trong 3 năm liên 1967, 1968, 1969 huyện miền núi Thường Xuân đều vượt chỉ tiêu pháp lệnh Nhà nước giao về đóng góp nghĩa vụ lương thực: ngô đạt 103,67%, sắn đạt 143,67%, khoai đạt 130%...; riêng lúa chỉ đạt 96% kế hoạch trên tổng diện tích gieo trồng, 4 xã được công nhận là điển hình năng suất: Vạn Xuân, Xuân Chinh, Thắng Lộc, Xuân Mỹ.

Về văn hóa - xã hội: Phong trào ca hát với khẩu hiệu "tiếng hát át tiếng bom" đã hình thành trên địa bàn huyện 40 đội văn nghệ xung kích không chuyên phục vụ cho sản xuất, chiến đấu ở mọi lúc, mọi nơi. Các đội văn nghệ còn tham gia hội diễn tuyển huyện đem lại bầu không khí

phấn khởi, hăng say trong lao động sản xuất và chiến đấu cho quần chúng nhân dân.

Ngành giáo dục Thường Xuân giai đoạn này đã có 293 giáo viên cùng với hệ thống giáo dục quốc dân hoàn chỉnh. Trường cấp III Thường Xuân (nay là trường THPT Cẩm Bá Thước) ra đời trong điều kiện thời chiến đã đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập của con em đồng bào các dân tộc, hệ thống Bồ túc văn hóa, trường Thanh niên dân tộc vẫn tiếp tục được duy trì để bồi dưỡng nâng cao học vấn cho cán bộ và nhân dân trong huyện.

Từ một bệnh xá của huyện, lúc đầu chỉ có 24 cán bộ, bệnh viện huyện Thường Xuân được thành lập với quy mô 30 giường bệnh, 35 cán bộ y tế được đào tạo trong đó có 3 bác sĩ là trung tâm tham mưu cho chính quyền huyện tổ chức phòng, chống dịch, thăm khám chữa bệnh cho đồng bào, tất cả các xã đều có Trạm y tế, 3/4 số xã trong huyện được biên chế y sĩ làm Trưởng trạm phục vụ kịp thời việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân...

Tổng kết công tác văn hóa - xã hội giai đoạn 1966 - 1970, Thường Xuân được thưởng Huân chương Lao động hạng Ba về công tác bồ túc văn hóa, Phó Thủ tướng tặng bằng khen, đồng chí Võ Thuần Nho - Thứ trưởng Bộ Giáo dục về thăm.

Thời kỳ 1971 - 1975 là giai đoạn huyện Thường Xuân tập trung cao độ cho việc khai thác lâm thổ sản

giao nộp cho Nhà nước, gỗ tròn vẫn giữ mức bình quân trên 22.000m³/năm, cùng với luồng, nứa, song, mây... quế Chiềng Ván - Châu Thường, giống quế đã từng tiến vua nổi tiếng thế giới, được khai thác giao nộp cho ngành Ngoại thương, bình quân trên 17.000kg/năm. Đây là sản phẩm đưa lại giá trị kinh tế cao. Rừng Thường Xuân suốt thời gian dài chiến tranh tập trung cho khai thác có nguy cơ bị cạn kiệt, đồng bào các dân tộc dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đã nhanh chóng triển khai phương án mở đường giao thông đến các vùng sâu, vùng xa, kết hợp với việc tu bổ, tái sinh rừng, một chiến dịch trồng quế để khôi phục ngôi vị "vua quế" được chính quyền các cấp Thường Xuân thống nhất cao. Chỉ tính 6 tháng đầu năm 1971 toàn huyện đã trồng được 21.781ha rừng, trong đó quế: 11.472ha, luồng 10.312ha... Phong trào mở đường giao thông đến các vùng khó, kết hợp với việc tu bổ, tái sinh rừng đã mở thông đường giao thông đến các bản vùng sâu của xã Xuân Lẹ, các bản vùng xa, vùng biên giới như: Chiềng đi Đục - Vịn (xã Bát Mọt), đường vào Khoong - Mị xã Yên Nhân.

Chi viện cho các chiến trường về sức người là một trong những cố gắng nỗ lực của đồng bào các dân tộc Thường Xuân. Chỉ tính riêng năm 1971, toàn huyện đã có 580 thanh niên lên đường nhập ngũ. Cuộc chiến đấu gian khổ lâu dài giành độc lập tự do cho tổ quốc đã được 1.279 gia đình, chiếm 89% trên địa bàn huyện động viên

chồng con lên đường chiến đấu, trong đó có nhiều gia đình đóng góp từ 2 - 3 người. Để làm tốt công tác hậu phương quân đội, cấp ủy và chính quyền huyện đã chỉ đạo hệ thống đoàn thể các cấp thường xuyên quan tâm động viên, chăm sóc các gia đình chính sách, các gia đình có chồng con công tác ở các chiến trường. Các phong trào "thanh niên xung kích", "thanh niên 3 sẵn sàng", "phụ nữ 3 đảm đang"... đặc biệt là phong trào "mỗi người làm việc bằng hai" được phát động sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, tạo ra một bầu không khí thi đua yêu nước sôi nổi rộng khắp. Phong trào "phụ nữ 3 đảm đang" đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ nữ chủ chốt, có năng lực, nhiệt tình công tác, thay thế những công việc trước đây nam giới thường đảm nhiệm.

HTX nông nghiệp trở thành hậu phương vững chắc để các chiến sĩ tham gia chiến đấu trên các chiến trường an tâm làm nhiệm vụ. Việc điều hòa, ăn chia, phân phối sau mỗi vụ thu hoạch cho các gia đình chính sách, giúp những gia đình này khắc phục thiếu thốn về kinh tế đã trở thành thông lệ đối với Ban quản trị, Ban chủ nhiệm và các đội sản xuất. Từ sức mạnh vật chất nhỏ bé về kinh tế đã nhân lên sức mạnh tinh thần to lớn để Thường Xuyên cùng cả tỉnh, cả nước dốc sức cho cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại hướng tới mục tiêu: Bảo vệ vững chắc Miền Bắc xã hội chủ nghĩa, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Miền Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Chính quyền các cấp huyện Thường Xuân đã cùng nhân dân các dân tộc vượt qua mọi khó khăn, thử thách, giặc giã, thiên tai... mở rộng diện tích lúa chiêm - xuân và diện tích thâm canh giống mới, năm sau cao hơn năm trước đưa năng suất nông nghiệp lên cao: năm 1972 có 15 HTX đạt 5 tấn/ha, năm 1973 có 20 HTX đạt năng suất này, 15 HTX đạt 4,5 tấn/ha. Để có nước tưới kịp thời cho các diện tích mở rộng thâm canh, đồng bào trong huyện đã hoàn thành 29 công trình thủy lợi vừa và nhỏ; đào đắp 222.400m³ đất đá, tu sửa lại các tuyến đường đi vào vùng khó như: Cửa Đạt đi Vạn Xuân, Vạn Xuân đi Xuân Chinh, Xuân Lẻ; Chiềng đi Yên Mỹ (Luận Khê), Thượng đi Lâm (Tân Thành), Lửa đi Khoong (Yên Nhân), Khẹo đi Vịn (Bát Mọt)... trước mùa mưa lũ.

Thời kỳ này, phong trào chăn nuôi được chú trọng cả ở tập thể và hộ gia đình, số lượng gia súc và gia cầm đều tăng, năm 1973 đàn trâu tăng 13%, đàn bò tăng 8%, đàn lợn tăng 24%. Nhiều trại chăn nuôi của các HTX nông nghiệp trên địa bàn các xã được hình thành, điển hình là trại chăn nuôi tập thể của HTX Đông Xuân, Thanh Trung xã Thọ Thanh; đặc biệt là HTX Thanh Xuân của xã Ngọc Phụng đã hoàn thành việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào chăn nuôi con giống, đưa trại lợn giống từ 100 con lên 150 con để kịp thời đáp ứng chăn nuôi lợn giống, lợn thịt trong khu vực. Trại chăn nuôi lợn giống

HTX Thanh Xuân (Ngọc Phụng) đã trở thành địa chỉ tin cậy để bà con địa phương và các vùng phụ cận đến tiếp nhận, tư vấn chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi mới. Nghề nuôi cá nước ngọt trên các diện tích mặt nước, ao, hồ, sông suối... bắt đầu đem lại hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập cho tập thể và hộ gia đình.

Trong 2 năm (1972 - 1974), Thường Xuân làm nghĩa vụ cho Nhà nước 1.566.733 kg lương thực, 1.199.989 kg thịt các loại, 195.800 kg lạc vỏ, 92.717 kg thuốc lá, 5.455 kg đậu tương, 16 tấn rau xanh, 14.330kg trâu.

Trên địa bàn huyện đã có 40/130 HTX thực hiện 3 quản, 3 khoán. Xã Ngọc Phụng là đơn vị có 100% các HTX thực hiện có hiệu quả các khâu này. Việc triển khai Chỉ thị 209 của Trung ương về thảo luận điều lệ HTX bậc cao để từng bước tiến lên làm ăn lớn theo con đường XHCN được nhân dân các dân tộc trong huyện hăng hái đón nhận. Công tác chỉ đạo quản lý các loại hình kinh tế như HTX tín dụng, HTX mua bán... theo tinh thần Nghị quyết 228 của Trung ương bước đầu được chấn chỉnh kịp thời trong quản lý lao động, tiền vốn, vật tư... Xí nghiệp rèn của huyện đã có nhiều cố gắng trong sản xuất, cung ứng kịp thời nông cụ, dụng cụ... phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân.

Nghề rừng đã bắt đầu có xu hướng phát triển theo kinh tế tập thể, việc trồng mới, chăm sóc và bảo vệ rừng được các HTX quan tâm bằng kế hoạch, quy hoạch cụ

thể. Cấp ủy và chính quyền huyện đã có kế hoạch chấn chỉnh việc phá rừng làm nương rẫy của các hộ gia đình, tiến tới bảo vệ rừng để khai thác theo kế hoạch; do đó năm 1974 chỉ khai thác 10.053m³ gỗ tròn và 14.000ste củi để làm nghĩa vụ.

Sự nghiệp văn hóa - xã hội vẫn được giữ vững và tiếp tục phát triển, các cháu học sinh đến trường năm học 1974 - 1975 so với năm học 1968 - 1969 tăng 22%, khối vỡ lòng đạt 4.325 cháu; cơ sở vật chất tiếp tục được củng cố, tăng cường. Phong trào văn hóa, thể thao tiếp tục được mở rộng, nhiều điển hình nhân tố mới xuất hiện như xã Bát Mọt, Yên Nhân, Thọ Thanh, Ngọc Phụng, Tân Thành, Xuân Cao... thi đua thực hiện nếp sống mới trong ma chay, cưới hỏi... Các hủ tục người chết làm ma để lâu ngày trong nhà hoặc cưới hỏi tổ chức thách cưới và ăn uống linh đình được đa số nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện bài trừ, tẩy chay. Thực tiễn cuộc sống đặt ra, Cấp ủy huyện đã Quyết định thành lập Ban Khoa giáo để tham mưu cho huyện nắm bắt, chỉ đạo công tác chuyển giao khoa học nói chung, công tác giáo dục nói riêng.

Công tác vận động quần chúng và củng cố Chính quyền các cấp theo tinh thần Nghị quyết 23 của BCH Trung ương Đảng (khóa III, tháng 12/1974) được tiến hành thường xuyên, liên tục, đồng bộ với công tác xây dựng Đảng. Toàn huyện có 348 đồng chí Cấp ủy, cán bộ chủ chốt xã, HTX được bồi dưỡng đủ chương trình 38

bài; 85% được học chương trình 5 bài theo quy định của Ban Tuyên huấn Trung ương. Nhân dân các dân tộc Thường Xuân hăng hái thi đua thực hiện 3 mục tiêu của đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII:

"1. Quyết tâm phấn đấu và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ chi viện cho tiền tuyến, tăng cường, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ, giữ gìn trật tự, trị an xã hội, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ địa phương.

2. Phát triển kinh tế 3 mặt đều phải mạnh và cân đối, tập trung phấn đấu đạt cho được 4,6 tấn, 2,5 con lợn/1 ha gieo trồng, làm nghĩa vụ với Nhà nước.

3. Từng bước sản xuất có tích lũy và nâng cao đời sống nhân dân về mọi mặt"⁽¹⁾.

Cán bộ đảng viên phải thực hiện cuộc vận động 6 nâng, 6 chống:

"-Nâng cao ý chí cách mạng tự lực tự cường, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật.

- Nâng cao tinh thần tập thể XHCN, quý trọng và bảo vệ của công.

- Nâng cao ý thức tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, luôn gần gũi quần chúng.

- Nâng cao lòng trung thực, ý thức bảo vệ chân lý, ủng hộ những thái độ và hành động tích cực.

(1). Trích Nghị quyết Đại hội lần thứ VII Đảng bộ Thường Xuân.

- Nâng cao ý thức bảo vệ sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, tình thương yêu đồng chí, tinh thần tự phê bình và phê bình.

- Nâng cao tinh thần ham học, ra sức trau dồi những kiến thức mới.

- Chống thái độ thụ động, ỷ lại, sợ khó, sợ trách nhiệm, chấp hành không nghiêm chỉnh Nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Chống mọi hành động xâm phạm tài sản Nhà nước và của tập thể.

- Chống quan liêu, độc đoán, chuyên quyền.

- Chống dối trá, báo cáo sai sự thực, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh, luôn cúi, nịnh hót; chống thái độ trả thù những người đấu tranh thẳng thắn.

- Chống chia rẽ bè phái, đầu óc cục bộ địa phương, kèn cựa địa vị, nể nang xuề xòa hoặc đấu tranh vô nguyên tắc.

- Chống thói lười học tập, lười suy nghĩ⁽¹⁾.

Phong trào thi đua thực hiện 3 mục tiêu và cuộc vận động 6 nâng, 6 chống trên đại bàn Thường Xuân đã đem lại không khí dân chủ mới, gắn kết được ý Đảng lòng dân, huy động sức mạnh đại đoàn kết để xây dựng quê hương đất nước.

(1). Trích Nghị quyết Đại hội lần thứ VII Đảng bộ Thường Xuân.

Tổng kết 10 năm (1965 - 1975). Về nghề rừng, Thường Xuân đã trồng được 44.000ha rừng trong đó so với kế hoạch, luồng đạt 95%, quế đạt 108%, cây mỡ đạt 144%, tu bổ tái sinh 15.012ha, khai thác đóng góp cho Nhà nước đạt bình quân 20.000m³ gỗ tròn/năm, năm cao nhất là 1970 bằng 22.813m³, năm thấp nhất năm 1965 bằng 13.250m³, hàng chục vạn cây luồng, hàng chục ngàn tấn nứa cây, nhập cho ngành Ngoại thương tỉnh xuất khẩu 10.000kg dầu sả, 185.000kg quế vỏ, hàng trăm tấn lạc vỏ. Tiến đưa 3.400 thanh niên lên đường nhập ngũ, chiếm 7% dân số toàn huyện, riêng giai đoạn cao điểm từ 1972 - 1975 là 1.478 người. Toàn huyện có 515 gia đình có từ 2 - 6 người tham gia chiến đấu trên các chiến trường.

Phần thứ ba

THƯỜNG XUÂN CÙNG CẢ NƯỚC ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI, CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC (1975 - 2007)

I. NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC THƯỜNG XUÂN PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG ĐOÀN KẾT, KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN TIẾP CẬN VỚI TƯ DUY LÝ LUẬN MỚI, THAY ĐỔI PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT LẠC HẬU

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã hoàn toàn thắng lợi, dân tộc ta được độc lập, non sông thu về một mối, mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập - tự do cho dân tộc Việt Nam. Cả nước bắt tay vào hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng CNXH. Nghị quyết Đại hội lần thứ VII Đảng bộ huyện Thường Xuân chỉ ra:

- Chống lạc quan hưởng lạc.
- Nhanh chóng ổn định tình hình để tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục củng cố an ninh - quốc phòng, chống chủ quan khinh địch, bảo vệ an ninh biên giới.

- Khắc phục hậu quả chiến tranh, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

Niềm vui cả nước bước vào kỷ nguyên độc lập - tự do sau chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975 kết thúc thắng lợi bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, thực hiện trọn vẹn lời chúc tết cuối cùng với đồng bào cả nước của vị lãnh tụ tối cao: *"...Đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào..."*. Tất cả các địa phương trên địa bàn huyện Thường Xuân đều tổ chức long trọng mít tinh mừng chiến thắng, đến dự mít tinh, đồng bào các dân tộc huyện Thường Xuân ai cũng cảm thấy tự hào vì Thường Xuân đã đóng góp xứng đáng để góp phần đưa đến chiến thắng lịch sử của cả dân tộc. Nhiều người con của quê hương Thường Xuân chiến đấu ở các chiến trường lần lượt trở về quê hương trong niềm vui khôn tả, trong đó, nhiều người trở về không trọn vẹn, trên mình mang thương tích của chiến tranh và một số người vĩnh viễn ra đi không trở về, họ trở thành những liệt sĩ hy sinh vì nên độc lập, tự do của Tổ quốc. Kết thúc cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, Thường Xuân đã cung cấp cho bộ đội chủ lực 11.468 lượt người, đăng ký vào ngạch dự bị quân sự 3.384 người, đóng góp 115.000 tấn lương thực, 250.000 tấn thực phẩm. Toàn huyện có 2.461 đối tượng chính sách,

969 gia đình liệt sĩ, 441 thương binh. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thường Xuân vinh dự được tặng:

- Huân chương Quân Công hạng II.
- Huân chương Độc Lập hạng III.
- Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng III.
- Huân chương Lao Động hạng III.
- 5 cá nhân được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang.
- 3 tập thể được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang.
- 14 Bà mẹ được phong tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".
- 2.108 Huân chương kháng chiến các loại.
- Bằng khen của Chính phủ.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
- Bằng khen của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Một lần nữa truyền thống đoàn kết yêu nước, thương nòi của đồng bào các dân tộc Thường Xuân lại được thử thách trong cuộc chiến đấu mới, cuộc chiến đấu chống lại lạc hậu và đói nghèo sau chiến tranh vệ quốc, nhưng không được phép lơ là để giữ vững độc lập, tự do.

Sau khi đất nước thống nhất, công việc đầu tiên đặt ra trước mắt cho nhân dân ở Thường Xuân là phải

nhường cơm, xẻ áo để 2.461 hộ chính sách trong huyện cùng đồng bào vượt qua khó khăn thiếu đói. Chính trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn này và để thực hiện tốt định hướng của Đảng, các địa phương và các HTX nông nghiệp đã có nhiều sáng kiến mới như: điều chỉnh lại lao động, tạo điều kiện tốt nhất để các gia đình chính sách có thu nhập tiến tới tự lực cánh sinh, đây là điểm mấu chốt nhất để nhanh chóng ổn định tình hình, tạo ra động lực mới phát triển sản xuất; nhanh chóng ổn định nơi làm việc mới của huyện ủy, UBND huyện và các ngành, các cấp tại ngã ba Đồng Mới.

Hòa bình lập lại, non sông thu về một mối, là cơ hội để từng địa phương đi vào ổn định, cùng cả nước phát triển. Việt Nam dám đánh Mỹ và thắng Mỹ đã được nhân loại tôn vinh, nhưng các thế lực thù địch đứng đầu là đế quốc Mỹ, tìm mọi cách để bao vây cấm vận Việt Nam. Do vậy, nền kinh tế xã hội của nước ta sau chiến tranh gặp rất nhiều khó khăn. Thường Xuân là một huyện miền núi của tỉnh Thanh Hóa cũng không nằm ngoài xu thế chung đó. Đứng trước những thách thức lớn, một bộ phận cán bộ, đảng viên đã tự mãn dừng lại để xả hơi. Họ không nhận thức được rằng cuộc chiến đấu trên mặt trận mới chống lại cái cũ kỹ, lạc hậu, chống lại thói tự mãn để hưởng thụ; vượt lên chính mình để bước ra khỏi khó khăn thiếu thốn xây dựng kinh tế, xã hội, củng cố quốc

phòng - an ninh là một việc làm khó khăn, phức tạp hơn rất nhiều. Để hiểu hơn về quá trình xây dựng và phát triển của huyện Thường Xuân trong giai đoạn này, chúng ta hãy nhìn lại quá trình đấu tranh và thành lập Chính quyền cách mạng trong cả nước và các huyện miền xuôi Thanh Hóa, tổ chức Đảng được hình thành từ rất sớm, sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã xây dựng xong Chính quyền dân chủ nhân dân, năm 1956 đã tiến hành xong cải cách ruộng đất và sửa sai hoàn chỉnh, chính thức bắt tay vào xây dựng CNXH. Miền núi Thanh Hóa nói chung, đặc biệt là Thường Xuân nói riêng tháng 8 năm 1945 giành được chính quyền, tháng 4 năm 1949 mới thành lập được cơ sở Đảng đầu tiên, đến năm 1958, chính quyền các cấp, Thường Xuân chưa hoàn toàn là chính quyền dân chủ nhân dân, thậm chí có lúc còn bị thao túng phục vụ lợi ích riêng của lang đạo, chúa đất... Năm 1959, Thường Xuân mới chính thức có Chính quyền dân chủ nhân dân; từ 1959 đến 1975 đồng bào Thường Xuân chính thức chỉ có ba năm khôi phục và phát triển kinh tế trong điều kiện hòa bình. Chính vì lẽ đó, vốn đã nghèo, xuất phát điểm kinh tế của Thường Xuân càng thiếu thốn. Chỉ có ba năm, đồng bào các dân tộc Thường Xuân không thể theo kịp các huyện miền xuôi và một số huyện miền núi khác có quỹ thời gian gần mười năm sau hòa bình lập lại để củng cố cơ sở vật chất. Do đó, đồng bào các dân tộc Thường Xuân không có

cách nào khác là phải tự vượt lên chính bản thân mình, phấn đấu gấp ba đến năm lần thì mới có thể theo kịp các huyện miền xuôi trong tỉnh. Đây là bước chuyển quan trọng từ chính quyền UBHC chuyển thành UBND thống nhất trong cả nước, một chính quyền không phải chỉ mang tính hành chính, mệnh lệnh như trước đây. Nhiệm vụ của chính quyền mới - Ủy ban nhân dân (UBND) mang tính dân chủ sâu sắc hơn, là chính quyền của dân, do dân và vì dân triệt để hơn, rộng lớn hơn...

Nếu lần đầu tiên các thế hệ đi trước được cầm lá phiếu để bầu cử Quốc hội cả nước vào năm 1946, thì đến năm 1976 đây là lần thứ 2 đồng bào các dân tộc Thường Xuân được cầm lá phiếu chính tự tay mình bỏ lá phiếu thiêng liêng bầu Quốc hội, bầu HĐND các cấp của nước Việt Nam thống nhất. Cuộc tuyển chọn lịch sử này đã tìm ra cho Thường Xuân một hệ thống chính quyền các cấp đủ mạnh để ổn định tình hình, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh. Nhưng, xuất phát điểm kinh tế - xã hội của huyện nhà so với nhiều huyện miền núi khác trên địa bàn tỉnh quá thấp kém. Nhìn lại cơ sở hạ tầng Thường Xuân hầu như tụt xuống con số không, tài chính khánh kiệt, rừng vốn đã khai thác với tàn suất lớn phục vụ cho chiến tranh lại tiếp tục bị khai thác đến mức cạn kiệt vì sự sinh tồn cần thiết tối thiểu của đồng bào các dân tộc, ruộng đồng manh mún trải qua chiến tranh không được cải tạo nên năng suất ngày càng thụt

giảm. Mô hình HTX nông nghiệp đã hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang trong chiến tranh đáng lẽ phải được chuyển đổi, nhưng nhiều địa phương lúng túng "tiên thoái lưỡng nan". Các cơ sở kinh tế quốc doanh của huyện như: Thương nghiệp, ngoại thương, mua bán, vật liệu kiến thiết, vật tư nông nghiệp... bắt đầu có dấu hiệu không thể đáp ứng với nhịp sống trong xã hội thời hòa bình. Trong khó khăn, thiếu thốn đồng bào các dân tộc Thường Xuân đã một lòng đoàn kết, vượt lên chính mình thực hiện bằng được các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, làm cho bộ mặt Thường Xuân từng bước thay đổi thực hiện đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước vượt chỉ tiêu trên tất cả các lĩnh vực, bảo đảm tốt an ninh biên giới hữu nghị Việt - Lào. Song, do phải hoạt động trong cơ chế quan liêu bao cấp, nền kinh tế Thường Xuân phát triển rất chậm, số hộ nghèo đói tăng đột biến, nhiều gia đình chính sách tiếp tục lâm vào hoàn cảnh khó khăn, các cơ sở quốc doanh trên địa bàn huyện có nguy cơ bị phá sản. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, nhiều chủ trương giải pháp của UBND tỉnh được triển khai để tháo gỡ tình hình khó khăn cho các huyện miền núi trong đó có Thường Xuân, giúp miền Tây Thanh Hóa thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế; trước hết là trong đời sống. Nhiều địa phương trên địa bàn huyện muốn "xé rào" để "tự cứu mình" nhưng cơ chế quan liêu bao cấp trói chặt không thể tự thoát ra được; việc khoán nhóm, khoán sản

phẩm trong nông nghiệp ra đời; quá trình vận dụng trên địa bàn Thường Xuân đã mở ra cung cách làm ăn mới.

Ngày 29 tháng 9 năm 1983, Hội đồng Bộ Trưởng (nay là Chính phủ nước CHXHCNVN) ra Quyết định số 113/HĐBT tách các xóm: Thành Thắng (xã Tân Thành), Khê Hạ (xã Luận Khê) và xóm Cao Thắng (xã Xuân Cao) thành lập xã mới lấy tên là xã Luận Thành, Thường Xuân có thêm xã mới. Trước đó, xuất phát từ thực tiễn cuộc sống đặt ra, để tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, tháng 3 năm 1982, Đài truyền thanh huyện chính thức được thành lập theo Quyết định số 604/QĐ-UB ngày 20 tháng 3 năm 1982 về việc bàn giao các cơ sở truyền thanh huyện, thị về địa phương quản lý. Lúc tiếp nhận, cơ sở vật chất của Đài còn rất nghèo nàn, chỉ có 3 gian nhà tranh tre tạm bợ, hệ thống đường dây truyền thanh 200m, 1 máy thu PEONY, tăng âm bán dẫn 50W, 2 loa 20W và một số bình ắc-quy. Sau một thời gian xây dựng, cơ sở vật chất của Đài được cải thiện đáng kể, có nhà làm việc và đặt máy 2 tầng khang trang, được đánh giá là công trình có quy mô nhất ngành truyền thanh - truyền hình trong tỉnh, cũng là cơ quan có nhà cao tầng đầu tiên của huyện.

Tháng 9 năm 1986, tỉnh Thanh Hóa phát động đợt sinh hoạt chính trị dài ngày *"nâng cao đạo đức cách*

mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân" trong toàn Đảng bộ và quần chúng nhân dân. Đợt sinh hoạt chính trị này đã thu hút 2.000 đảng viên và đồng bào các dân tộc Thường Xuyên xây dựng quyết tâm mới - quyết tâm tuyên chiến với lạc hậu, đói nghèo, tiến tới Đại hội lần thứ XII Đảng bộ huyện - một bước ngoặt lịch sử: chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ nông - lâm - thủ công nghiệp sang lâm - nông - tiểu thủ công nghiệp, xuất khẩu, dịch vụ. Đây là bước chuyển bản lề vô cùng quan trọng để Thường Xuyên đón nhận và vận dụng Nghị quyết Đại hội VI của Đảng (tháng 12-1986) vào tình hình thực tiễn ở địa phương.

Đợt sinh hoạt chính trị *"nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân"* do Đảng bộ Thanh Hóa phát động, trên địa bàn Thường Xuyên được triển khai trong không khí dân chủ, kỷ cương, một bộ phận cán bộ, đảng viên đã cống hiến trong chiến tranh sau hòa bình bị ma lực đồng tiền cám dỗ, thoái hóa, biến chất trong sinh hoạt được kiểm điểm, phê bình nghiêm túc, một số thoái hóa, biến chất dẫn đến vi phạm pháp luật được loại bỏ ra khỏi đội ngũ lãnh đạo, quản lý... Đợt sinh hoạt chính trị đã giúp cho cán bộ, đảng viên, chính quyền các cấp và đồng bào các dân tộc trong huyện tuyên chiến với chủ nghĩa cá nhân, tiếp cận với tư duy lý luận mới, trước hết là tư duy kinh tế để tiếp cận với sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng Sản Việt Nam khởi xướng và lãnh

đạo trên cơ sở thực tiễn cách mạng Việt Nam sau hòa bình lập lại.

II. NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC THƯỜNG XUÂN VƯỢT QUA THÁCH THỨC KHÓ KHĂN, TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT, XÂY DỰNG CNXH TẠO TIỀN ĐỀ BƯỚC VÀO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

Tháng 12 năm 1986, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI chính thức đề ra đường lối đổi mới toàn diện, sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực, văn kiện Đại hội chỉ rõ: *"nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những điều kiện tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa - XHCN trong chặng đường tiếp theo..."*⁽¹⁾. Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XII, có ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI soi đường, đồng bào các dân tộc Thường Xuân chính thức bước vào thực hiện ba chương trình kinh tế lớn: lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu trên cả ba vùng đã được các kỳ Đại hội Đảng bộ huyện xác định:

Vùng cao gồm các xã: Bát Mọt, Xuân Liên, Xuân Lẹ, Xuân Chinh phần đầu tư túc được lương thực, một phần làm nghĩa vụ, dự trữ. Cây màu chủ yếu là cây sắn,

(1). Báo cáo chính trị BCH TW Đảng khóa VI trang 42.

cây kê đòi và các loại cây lấy bột khác. Chăn nuôi chủ yếu là trâu, bò tập thể và hộ gia đình xã viên, đồng thời phát triển mạnh chăn nuôi gia cầm, chú ý việc chăn nuôi dê; giành 20% lao động cho nghề rừng. Đẩy mạnh việc trồng quế, trâu, cánh kiến, luồng, các loại cây làm thuốc, xuất khẩu các mặt hàng như tinh dầu quế, cánh kiến và sa nhân.

Vùng giữa gồm các xã: Xuân Khao, Lương Sơn, Xuân Cẩm, Xuân Mỹ, Vạn Xuân, Xuân Lộc, Xuân Thắng, Tân Thành, Luận Khê, Luận Thành, Xuân Cao; Phần đầu tự túc đủ lương thực, làm nghĩa vụ pháp lệnh được giao. Cây màu chủ yếu là sắn, ngô, khoai, đậu đỗ và cây lấy bột khác. Tổ chức đội sơn tràng chuyên nghiệp để khai thác gỗ, nứa, củi, song mây. Chú ý trồng các loại cây ăn quả, cây Ớt xuất khẩu, cây làm thuốc. Chăn nuôi chủ yếu trâu, bò, lợn, dê; nuôi cá ao hồ tập thể và hộ gia đình xã viên; làm tốt nghĩa vụ thực phẩm thịt trâu, bò đối với Nhà nước. Xuất khẩu những mặt hàng gỗ, luồng, nứa, tinh dầu quế, đậu tương.

Vùng thấp bao gồm các xã: Xuân Dương, Thọ Thanh, Ngọc Phụng phần đầu đủ lương thực và đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước. Tích cực thâm canh sản xuất cây lương thực như: Ngô, sắn, khoai, đậu, đỗ các loại, đẩy mạnh trồng lạc, mía tập thể và hộ gia đình, trồng các cây làm thuốc: ích mẫu, ngải cứu... Chăn nuôi chủ yếu là

trâu, bò, gia cầm, cá ao hồ tập thể và gia đình; Đóng góp nghĩa vụ Nhà nước thịt lợn, thịt trâu, bò.

Ba chương trình kinh tế lớn được các cấp chính quyền trên địa bàn cụ thể hóa để thực hiện gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quản lý chặt việc phát rừng mới của các hộ gia đình... đã từng bước ổn định đời sống nhân dân. Đây mới chỉ là kết quả bước đầu nhưng vô cùng quan trọng để Thường Xuân có thể bắt tay vào xây dựng hạ tầng kinh tế - kỹ thuật.

Ngày 3 tháng 6 năm 1988, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) ký Quyết định số 99/HĐBT thành lập Thị trấn huyện Thường Xuân có tổng diện tích tự nhiên là 272,99ha. Việc xây dựng trung tâm huyện lỵ Thường Xuân trở thành vấn đề cấp bách. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, từ việc lập quy hoạch đô thị thị trấn huyện đến hoàn chỉnh hệ thống điện lưới quốc gia, nâng cấp tuyến đường nội thị... đã gấp rút được hoàn thành, lần đầu tiên Thị trấn Thường Xuân có hệ thống nước sạch lấy từ giếng khoan trong lòng đất phục vụ cuộc sống dân sinh. Một số địa phương tuyến xã có hệ thống nước sạch tự chảy đến tận bản làng. Thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ huyện, HĐND, UBND còn bàn bạc lên kế hoạch tiếp tục đưa điện về các vùng phụ cận trung tâm huyện phục vụ cho dân sinh, kinh tế như đường điện 35, phục vụ cho trạm bơm Đồng Rông xã Ngọc Phụng; mở các chiến dịch giao

thông nâng cấp các tuyến đường Bái Thượng đi Biên giới, tuyến đường thị trấn đi Cửa Đạt, tiếp tục mở rộng các tuyến đường liên thôn, xã. Trong 10 năm, ngân sách đầu tư cho giao thông đã lên đến 10.438.000.000 đồng, nhân dân đóng góp là 4.838.000.000 đồng. Tổng kết các chiến dịch mở đường giao thông nông thôn, xã Thọ Thanh được đánh giá là đơn vị dẫn đầu trong toàn huyện.

Bước đột phá chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ nông - lâm - tiểu thủ công nghiệp xuất khẩu sang lâm - nông - tiểu thủ công nghiệp xuất khẩu và dịch vụ được mạnh nha từ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, mang tính Quyết định ở Đại hội giữa nhiệm kỳ XII và Đại hội lần thứ XIII được xác định là hướng đi đúng vì thế mạnh của Thường Xuân là tài nguyên rừng. Nghị quyết Đại hội XIII chỉ rõ: *"Thường Xuân có 90% diện tích là đất rừng, từ trước đến nay khai thác phục vụ cho chiến tranh một cách ồ ạt, thiếu quy hoạch, vốn rừng đã cạn kiệt đang có nguy cơ bị triệt phá, cần phải thay đổi cung cách làm ăn mới, đưa nghề rừng thành nghề chủ yếu. Nhưng mục tiêu trước mắt vẫn phải phát triển nông nghiệp trên cơ sở quỹ đất hiện có để tự cung, tự cấp lương thực ổn định cho làm nghề rừng trong những năm tiếp theo".*

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII ra đời kịp thời định hướng cho chính quyền các cấp huyện Thường Xuân thực hiện Quyết định 184/HĐBT về việc giao đất, giao rừng cho HTX và hộ gia đình xã viên: năm

1986 đạt 20.000ha, năm 1987 đạt 27.240ha tăng 24%; năm 1988 trồng mới được 1.720ha và đến năm 1989 thì việc giao đất, giao rừng trên địa bàn Thường Xuân cơ bản hoàn thành; phương thức sản xuất nông lâm kết hợp bước đầu đem lại một số kết quả ở lâm trường quốc doanh và các HTX. Tuy nhiên, những năm 1986 - 1988 Thường Xuân vẫn là đơn vị phát triển rừng trong hoàn cảnh thiếu vốn trầm trọng; việc giao đất, giao rừng thực hiện cơ bản xong, nhưng phần lớn không mang lại hiệu quả hoặc có hiệu quả thì rất thấp, người làm nghề rừng không thể đủ sống với mức tối thiểu. Sau khi có Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 21 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về phát triển kinh tế trung du và miền núi, Ban Thường vụ huyện ủy Thường Xuân đã bàn bạc thống nhất chỉ đạo phát triển nghề rừng bằng phương châm "lấy ngắn nuôi dài". Trồng rừng kết hợp với thâm canh, luân canh cây họ đậu và cây lấy bột, nhưng năng suất của các loại cây trồng luân canh ngắn ngày vẫn không thể đáp ứng nhu cầu sống tối thiểu của người trồng rừng, do đó, năm 1991 việc trồng rừng chỉ đạt 82% kế hoạch đề ra. Nghề rừng không mang lại hiệu quả là quy luật tất yếu sẽ đưa đến hậu quả vốn rừng bị xâm hại: trong các năm 1986 - 1987 - 1988 tình trạng phá rừng làm nương rẫy lại bùng lên, nghiêm trọng hơn hàng mấy trăm héc-ta quế, trong đó có nhiều diện tích rừng quế giống như: Hón Cán thuộc xã Vạn Xuân, vùng quế thuộc

xã Xuân Lẹ, Xuân Lộc, Xuân Mỹ, Xuân Chinh; đặc biệt là cả vùng quê rộng lớn từ Luận Thành, Tân Thành đến Vạn Xuân thuộc lâm trường quốc doanh Sông Đăn... quản lý bị chặt phá để khai thác trái phép không thương tiếc. Đây là một mất mát vô cùng to lớn trong lịch sử trồng quế của huyện Thường Xuân. Đánh giá sự cố đau buồn này Nghị quyết Đại hội XIV Đảng bộ huyện chỉ rõ: *"...Cán bộ và nhân dân chưa nhận thức sâu sắc vai trò, vị trí của rừng và hậu quả sâu xa của việc phá rừng, đặc biệt là rừng cây đặc sản quế"...*

Giai đoạn 1986 - 1990, nghề rừng Thường Xuân bắt đầu làm quen với cơ chế thị trường, nhưng còn nhiều lúng túng vì nạn phá rừng trong đó có cả những cánh rừng đại ngàn quế giống. Đến giai đoạn 1991 - 1995 bằng sự nỗ lực của các Cấp ủy Đảng, chính quyền cộng với luồng sinh khí mới từ các dự án do Nhà nước Việt Nam và các tổ chức Quốc tế đầu tư; nhận thức về rừng đầu nguồn, rừng sinh thủy và việc được hưởng lợi từ nghề rừng giai đoạn 1986 - 1990 mang lại, nên đồng bào các dân tộc Thường Xuân đã nhận ra tác dụng to lớn về kinh tế - xã hội của nghề rừng, từ đây có ý thức chấp hành chủ trương phát triển rừng vì mục đích sinh thái và làm kinh tế rừng. Ban Thường vụ huyện ủy, Thường trực UBND huyện, ngoài việc đôn đốc thực hiện Quyết định 184 của Hội đồng Bộ trưởng còn kiên trì triển khai có hiệu quả Nghị định 02 của Chính phủ, Nghị quyết 24 của

Tỉnh ủy Thanh Hóa và Chỉ thị 90/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về ngăn chặn nạn phá rừng; nghề rừng Thường Xuân chính thức bước vào giai đoạn phát triển mới, nạn phá rừng làm nương rẫy cơ bản được chấm dứt. Từ 1991 -1995, Thường Xuân trồng được 3.500ha rừng tập trung, 274.875 cây phân tán, khoảng 245,9ha quế, 1.080 ha tre, luồng, 200 ha cây ăn quả các loại. Nhiều mô hình đồi rừng, vườn rừng, trang trại rừng... bắt đầu xuất hiện bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực.

Việc thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn: Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và xuất khẩu do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra (mô hình đã được thử nghiệm thành công tại Thanh Hóa), từ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII tháng 9 năm 1986, Thường Xuân đã đưa vào Nghị quyết để vận dụng cụ thể vào cả ba vùng kinh tế. Từ đổi mới tư duy lý luận đến đổi mới cơ chế quản lý kinh tế để củng cố kiện toàn các HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện là cả một quá trình phải đấu tranh vô cùng gian khổ giữa tư tưởng bảo thủ, lạc hậu với trào lưu tiến bộ theo quan điểm mới của Đảng. Trước khi bước vào khoán 10⁽¹⁾, Thường Xuân đã chỉ đạo các địa phương chia tách xong các HTX toàn xã không còn phù hợp sang mô hình quản lý theo thôn, bản phù hợp với

(1). Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị khóa VI, 5-4-1988 về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp.

thực tiễn sản xuất nông nghiệp của từng địa phương, chỉ đạo thành lập tổ chức Khuyến nông - Khuyến lâm để phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội hướng dẫn, vận động nhân dân ứng dụng các tiến bộ KHKT vào sản xuất, giúp nông dân từng bước thay đổi cơ cấu giống cây trồng, thâm canh, chuyển đổi mùa vụ thích ứng với thời tiết, thổ nhưỡng của từng địa phương, đem lại hiệu quả tối ưu nhất trong sản xuất nông lâm nghiệp. Thời kỳ này, toàn huyện có 142 HTX nông nghiệp đến năm 1991 đã có 45 HTX hoàn chỉnh khoán 10. Thời kỳ 1991 - 1995, việc giao đất sản xuất cho hộ gia đình nông dân sử dụng lâu dài để có điều kiện đầu tư cho sản xuất kinh doanh theo Nghị định 64/CP của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị 07 của Tỉnh ủy Thanh Hóa trên địa bàn Thường Xuân do được chuẩn bị chu đáo nên tiến hành khá suôn sẻ: 13.048 hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bằng tổng diện tích 3.586,41 ha; quỹ đất công ích giao lại cho xã là 130,2 ha (chiếm 3,5% đất nông nghiệp trong toàn huyện).

Giao đất lâu dài để nông dân tự tư duy kinh tế, là việc làm cần thiết nhưng chưa đủ nếu thiếu nguồn nước tưới; do đó, cần phải tiến hành đồng bộ với đầu tư cho thủy lợi. Đầu tư cho thủy lợi trong cơ chế thị trường phải là hướng đầu tư "Nhà nước và nhân dân cùng làm", chính giải pháp hữu hiệu này đã gắn chặt trách nhiệm giữa Chính quyền các cấp với người lao động trong nông

nghiệp, tạo ra động lực mới trong thi công, tu sửa, bảo trì và vận hành các công trình thủy lợi bằng trách nhiệm của tất cả các thành viên được hưởng lợi, không còn tình trạng "cha chung không ai khóc" như thời bao cấp trước đây. Qua 10 năm đổi mới, ngoài các hệ thống hồ chứa nước, mương bai đang có, nhân dân các dân tộc Thường Xuân đã đầu tư hơn 600 ngàn ngày công lao động đào đắp 600 ngàn mét khối đất đá, làm mới một số công trình nhỏ phục vụ tưới tiêu, thâm canh tăng năng suất cây trồng. Có thủy lợi, nhiều diện tích bỏ hoang hóa trước đây được phục hồi. Tổng diện tích gieo trồng năm 1986 là 8.498ha, đến năm 1995 là 10.100ha. Sản lượng lương thực năm 1986 là 15.330 tấn, đến năm 1995 là 17.194 tấn, năng suất lúa bình quân năm 1986 là 14,3 tạ/ha, năm 1995 đạt 20,5 tạ/ha. Lương thực bình quân đầu người năm 1991 đạt 145 kg/người, năm 1995 đạt 165 kg/người. Các loại cây màu, cây ngắn ngày đặc biệt là vụ đông đã được một số địa phương như: Ngọc Phụng, Thọ Thanh, Xuân Dương áp dụng đem lại hiệu quả kinh tế, giúp đồng bào nâng cao mức sống.

Chăn nuôi từng bước được chấn chỉnh phục hồi để tăng trưởng, năm 1987 đàn trâu có 15.090 con, năm 1995 là 20.415 con; đàn bò tăng 12%, năm 1995. Thường Xuân đã đưa thử nghiệm thành công 52 con bò lai sin vào lai tạo giống cho đàn bò thuần chủng. Lợn lai kinh tế được khuyến khích đưa vào chăn nuôi đại trà ở các trang

trại và hộ gia đình. Diện tích nuôi cá được mở rộng trên tất cả các diện tích ao hồ; nghề nuôi cá lồng trên các triền sông đã đem lại giá trị kinh tế - xã hội to lớn, tận dụng được lao động nông nhàn giúp nhiều hộ nông dân thoát nghèo, từng bước có tích lũy.

Xây dựng cơ bản được đầu tư theo phương châm có trọng điểm, chỉ đạo hoàn thành dứt điểm vững chắc, thiết thực. Triệt để tranh thủ sự tư vấn và nguồn vốn đầu tư của các ban, ngành cấp tỉnh để xây dựng trụ sở làm việc của các ban, ngành thuộc huyện theo quy hoạch đã được phê duyệt ở trung tâm thị trấn. Chỉ trong một thời gian ngắn từ năm 1991 - 1995, các công trình điện - đường - trường - trạm trên địa bàn Thường Xuân cơ bản đã được định hình; nhiều công trình trọng yếu nhanh chóng được đưa vào sử dụng như: Bệnh viện đa khoa huyện, trường THPT Cẩm Bá Thước và các phân viện Bù Đôn, Bát Mọt, Luận Thành... phục vụ kịp thời việc nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe cho đồng bào các dân tộc trên địa bàn, tham gia chữa bệnh giúp nước bạn Lào ở tuyến biên giới, góp phần củng cố mối quan hệ truyền thống Việt - Lào, giữa hai huyện Thường Xuân - Sầm Tó; Thanh Hóa - Hòa Phấn. Đồng thời đẩy mạnh tu sửa nâng cấp các phòng học, nhà ở cho giáo viên nội trú, trang bị thêm hàng ngàn bộ bàn ghế phục vụ cho dạy và học, giải quyết kịp thời những khó khăn trước mắt cho ngành giáo dục. Bằng cố gắng nỗ lực cao nhất, Thường Xuân đã hoàn

thành đường điện 35KW đưa điện lưới quốc gia về các xã lân cận vùng thị trấn; các xã vùng sâu, vùng xa Chính quyền chỉ đạo thôn bản hướng dẫn cho bà con tận dụng nguồn nước sông, suối để lắp đặt thủy điện nhỏ phục vụ đời sống dân sinh.

Đầu tư cho giao thông được cấp ủy và chính quyền huyện xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để tháo gỡ những vướng mắc khó khăn trong phát triển kinh tế, ổn định xã hội. Nếu như giai đoạn 1986 - 1990, đầu tư cho giao thông chủ yếu bằng huy động nhân lực tại chỗ để tu sửa, san lấp các tuyến đường trọng yếu theo thời vụ để giải quyết tình thế trước mắt, thì đến giai đoạn 1991 - 1995, giao thông Thường Xuân đã tiến thêm một bước mới: 5,5km đường trong thị trấn trước đây rải cấp phối nay được đầu tư rải nhựa. Thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", chính quyền các cấp đã huy động sức dân tu sửa và làm mới hàng trăm km đường liên xã, liên thôn, bản, tu bổ hàng chục cầu cống để thông đường vào mùa mưa lũ. Đặc biệt, giai đoạn này bằng nguồn vốn ngân sách, huyện đã đầu tư nâng cấp bến phà Bái Thượng vào mùa lũ, thiết kế xây dựng cầu phao vào mùa khô, khai thông tuyến giao thông huyết mạch Thường Xuân với các huyện miền xuôi và tỉnh lỵ Thanh Hóa.

Tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ là một trong những ngành nghề khá mới mẻ đối với đồng bào các dân tộc

Thường Xuân. Cấp ủy, chính quyền các cấp căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị đã có những bước đi thích hợp. Nhiều ngành nghề mới được chuyển giao theo các mô hình làm ăn mới như: tổ hợp, HTX dịch vụ hoặc hộ gia đình xã viên... tiểu thủ công nghiệp Thường Xuân bắt đầu có những chuyển dịch đúng hướng theo cơ chế thị trường để khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương. Các ngành nghề vận tải hàng hóa, vận tải hành khách; gạch, ngói, vôi, rèn, đan cót, mộc... được phát triển từ thủ công tiến tới cơ giới hóa. Nhiều hộ gia đình đã trở nên giàu có, thu hút được nhiều lao động trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh. Năm 1988, tổng sản phẩm tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ đạt 2,5 tỷ đồng, từ 1991 đến 1995 tăng bình quân 5,2%/năm.

Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ VI đã từ bỏ quan liêu, bao cấp. Nhưng thực tiễn đặt ra trên lộ trình xóa bỏ bao cấp, vấn đề bao cấp cho vùng khó khăn của miền núi cao nói chung, đồng bào vùng cao biên giới Thường Xuân nói riêng phải tiếp tục được thực hiện. Cho nên các mặt hàng thiết yếu, hàng trợ cấp, trợ giá... cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao trên địa bàn huyện vẫn được tiến hành đều đặn và nghiêm túc. Cơ chế thị trường giai đoạn 1991 - 1995 đã bắt đầu len lỏi đi vào đến tận vùng sâu, vùng xa, các đại lý mua bán được thiết lập ở các trung tâm thị tứ của xã, thuận tiện cho việc giao thương buôn bán các loại hàng hóa, nông sản của từng địa phương.

Ngành tài chính đã có nhiều cố gắng, tham mưu đắc lực cho Cấp ủy chính quyền các cấp, điều hành thu chi ngân sách, thực thu năm sau cao hơn năm trước. Sử dụng ngân sách đúng luật phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tổng thu ngân sách giai đoạn 1991 - 1995 là 26.609 triệu đồng, đáp ứng 9,6% nhu cầu chi. Ngân hàng đã góp phần quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, góp phần tích cực giải quyết việc làm cho người lao động, xóa đói giảm nghèo; làm tốt chức năng "đi vay để cho vay" đầu tư vốn cho các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh tạo ra sản phẩm, lưu thông hàng hóa, bình ổn giá cả thị trường. Năm 1995 - 1996 ngân hàng đã cho vay đạt con số 6.380.923.500 đồng. Ngành Kho bạc Nhà nước huyện Thường Xuân cũng đã phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn huyện theo đúng nguyên tắc và các phương án, dự án đã được phê duyệt.

Những năm cuối của thập kỷ 80, nước ta vẫn chưa ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, lạm phát tăng nhanh khiến lao động khu vực hưởng lương từ ngân sách Nhà nước gặp nhiều khó khăn, tình trạng bỏ việc không phải là hiếm. Trong tình trạng chung đó, lại là huyện miền núi nghèo nên tình hình ở Thường Xuân càng nghiêm trọng, nhiều xí nghiệp, cửa hàng quốc doanh, HTX mua bán, tiểu thủ công nghiệp làm ăn thua lỗ, sản xuất cầm chừng, thậm chí một số đơn vị phải

đóng cửa, giải thể như: Cửa hàng mua bán, cửa hàng ăn uống, lương thực, ngoại thương, lâm sản, rèn... Ở khu vực nông thôn, các HTX nông nghiệp hoạt động kém hiệu quả, người nông dân không còn mặn mà, tuy đã bắt đầu hé mở những cung cách làm ăn mới như khoán nhóm, khoán sản phẩm, nhưng nhìn chung vẫn chưa kích thích được lao động sản xuất, đời sống của nông dân vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nhất là mỗi khi hạn hán, bão lụt mất mùa xảy ra liên tiếp. Các hiện tượng tiêu cực, một số tệ nạn xã hội bắt đầu nảy sinh và gia tăng, trên lĩnh vực tư tưởng - chính trị một bộ phận nhân dân, thậm chí là cán bộ - đảng viên hoang mang dao động về tư tưởng, sa vào các luận điểm phủ nhận con đường đi lên XHCN ở nước ta, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin.

Để khắc phục những khó khăn trên, các Cấp ủy Đảng và chính quyền từ huyện đến cơ sở không ngừng nỗ lực đưa ra những chương trình hành động và có giải pháp tối ưu nhất thực hiện đẩy lùi khó khăn, từng bước khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, tạo ra nhiều việc làm. Lao động khu vực Nhà nước được sắp xếp lại theo tinh thần Quyết định 176/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ). Một mặt tháo gỡ được "gánh nặng" cho các đơn vị, từng bước khôi phục, phát triển, nâng cao hiệu quả sản xuất. Mặt khác giúp sắp xếp lại lao động; nhiều lao động chuyển đổi công việc được tạo cơ hội làm công việc mới theo nhu cầu, nguyện vọng, giúp họ phát

huy khả năng lao động, sáng tạo... Lao động trong khu vực nông nghiệp - nông thôn, bằng việc tranh thủ các dự án như: dự án 327, dự án PAM, trồng rừng đầu nguồn sông Chu, chính sách vay vốn từ nhiều nguồn khác đã khuyến khích và tạo đà cho việc mở rộng các ngành nghề hiện có, phát triển nghề mới như trồng rừng, sản xuất theo mô hình V.A.C.. Đến những năm 90 của thế kỷ XX, đời sống của đồng bào các dân tộc huyện nhà đã được cải thiện đáng kể, số hộ nghèo năm 1991 là 34,4%, đến năm 1995 giảm xuống còn 31,94%; nhiều gia đình bắt đầu có tích lũy, đến năm 1995, toàn huyện đã có 19% hộ khá, giàu. Các đơn vị điển hình về giải quyết lao động việc làm trong giai đoạn này là Xuân Mỹ, năm 1994 đã tạo việc làm cho hơn 100 lao động từ việc thực hiện dự án 327, mô hình V.A.C ở Ngọc Phụng, Xuân Dương, Thọ Thanh đã giải quyết được việc làm cho người lao động địa phương...

Trong kháng chiến chống Pháp, Thường Xuân là vùng tự do chiến lược, nhiều lần giặc Pháp từ Lào vượt biên đánh chiếm, đến giai đoạn kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Thường Xuân là vị trí có nhiều trọng điểm địch đánh phá như đập Bái Thượng, cầu Bến Nhạ trên đường 15A chiến lược, kho E tại hang Lãm xã Tân Thành... không quân Mỹ liên tục bắn phá... Tổng kết chiến tranh, Thường Xuân bị thiệt hại nặng nề. Có những xã như Xuân Dương trong hai cuộc kháng chiến chống

Pháp và chống Mỹ, nơi đây đã trở thành trọng điểm đánh phá, dữ dội chúng đã thả xuống mảnh đất này trên 6.000 quả bom, 2.000 tên lửa và rốc-két, hàng ngàn đầu đạn 20 li... phá hủy 70 ngôi nhà, làm sập 1 trường học, làm chết 18 dân thường, 60 con trâu, bò và nhiều tài sản khác của nhân dân, đó là chưa kể đến thiệt hại tại các chiến trường: 79 liệt sĩ, 78 thương - bệnh binh, 1 dân công mất tích. Khắc phục hậu quả chiến tranh, thực hiện tốt các chính sách đối với các đối tượng người có công với nước của các Cấp ủy Đảng, chính quyền đối với nhân dân các dân tộc huyện Thường Xuân vừa là trách nhiệm vừa là đạo lý. Việc giải quyết các chế độ, chính sách đối với người có công được thực hiện theo đúng quy định, thực hiện trợ cấp khó khăn, đi thăm hỏi tặng quà trong các dịp lễ, tết, ngày kỷ niệm, cũng như lúc các đối tượng này gặp khó khăn hoạn nạn trở thành công việc thường xuyên của các ngành, các cấp. Mặc dù kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, song chính quyền huyện đã có cố gắng tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho các đối tượng chính sách: vận dụng thực hiện khoán 10 ưu tiên ruộng gần - ruộng tốt, thực hiện miễn giảm một phần thuế, các quỹ đóng góp của HTX, trích một phần quỹ xã hội cấp cho các đối tượng từ 5 - 10kg thóc/tháng; cho con em người có công đi học các ngành nghề, đi lao động xuất khẩu nước ngoài... Đặc biệt, truyền thống - đạo lý "*Ăn quả nhớ người trồng cây*" trong các tầng lớp nhân dân được khơi

dây, tạo ra nhiều phong trào, việc làm tốt như: cuu mang, đùm bọc thân nhân liệt sĩ; lập các tổ, nhóm lao động giúp các gia đình chính sách; quyên góp bằng tiền xây dựng quỹ để lập sổ tiết kiệm trao tặng cho các hộ chính sách, có những năm như năm 1992 đã lập và trao tặng cho các đối tượng được 52 sổ tiết kiệm tình nghĩa... Có đơn vị vùng cao nhiều khó khăn như Vạn Xuân đã cố gắng giải quyết tốt chế độ, cấp phát trợ cấp và tiền lương cho các đối tượng đúng định kỳ, vận động nhân dân đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa như năm 1991 được 3 tấn thóc, hỗ trợ 150 công và 600 kg thóc để làm nhà tình nghĩa; Xã vùng thấp như Ngọc Phụng, đã trích một phần từ ngân sách địa phương và huy động đóng góp từ nhân dân sửa chữa 10 nhà cho thương binh và 1 mẹ có con độc nhất là liệt sĩ. Các cấp hội Phụ nữ trong huyện đẩy lên phong trào giúp đỡ các gia đình chính sách gắn với nội dung cuộc vận động lớn *phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình và nuôi dạy con tốt* của Trung ương Hội đã hỗ trợ hàng nghìn ngày công, lương thực - thực phẩm, cuu mang, đùm bọc những gia đình chính sách gặp nhiều khó khăn trong lúc giáp hạt, gặp thiên tai, hỏa hoạn...

Cùng với cả nước, cả tỉnh vượt qua những khó khăn thử thách, các cấp chính quyền và nhân dân trên địa bàn huyện Thường Xuân dưới sự lãnh đạo của Đảng sau những năm 80 của thế kỷ 20 đã kiên trì thực hiện chiến lược đầu tư cho con người bằng sự nghiệp giáo dục.

Nhưng, xuất phát điểm của huyện nhà quá thấp, nội lực của huyện miền núi nghèo Thường Xuân chưa đủ sức đầu tư cho cơ sở trường lớp học... Thực hiện theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", các Cấp ủy Đảng và chính quyền đã vận động nhân dân đóng góp cùng Nhà nước xây dựng 855 phòng học, trong đó có 36 phòng kiên cố, 195 phòng cấp 4. Tổng kết các dự án phát triển giáo dục của huyện được Nhà nước đầu tư trong chặng đường 13 năm thời kỳ này (từ 1986 - 1998) để xây dựng mới, tu bổ hệ thống trường lớp học là 22.291.000.000 đồng. Mặc dù chưa đủ số lượng giáo viên để đáp ứng yêu cầu dạy và học của con em đồng bào các dân tộc, nhưng ngành giáo dục Thường Xuân đã cố gắng với nỗ lực cao nhất để nâng cao chất lượng. Tuy là huyện nghèo, song Chính quyền các cấp và đồng bào Thường Xuân luôn phấn đấu "chiêu hiền đãi sĩ" để mời gọi các nhà quản lý, các giáo viên tài năng... ở lại lập nghiệp trên vùng đất có truyền thống "thương người, vì nghĩa". Nhiều nhà quản lý, nhiều giáo viên từ các vùng miền khác nhau trong cả nước đã tình nguyện ở lại lập nghiệp, đóng góp nhiều thành tích cho sự nghiệp giáo dục của huyện nhà.

Thời kỳ này toàn ngành giáo dục huyện Thường Xuân có 1.333 cán bộ giáo chức, trong đó: 690 khối cấp 1, 300 khối cấp 2, 41 khối cấp 3 và bổ túc văn hóa. Toàn ngành có 241 đảng viên, đây là lực lượng phần lớn nắm

cương vị chủ chốt của ngành. Các năm học từ 1986 - 1990, nhiều học sinh các cấp phải bỏ học do hoàn cảnh khó khăn, năm học 1990 - 1991 số học sinh cả ba cấp trên địa bàn huyện mới đạt quân số: 11.294 em, năm học 1994 - 1995 là: 21.762 em, tăng gấp đôi năm học 1990 - 1991. Từ khi có Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) của Đảng ra đời, chất lượng dạy và học của ngành giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực ở tất cả các cấp học, ngành học. Đến năm 1995 đã có 8/20 xã được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, 16/20 xã đạt tiêu chuẩn xóa mù chữ. Đối với bậc học Mầm non, theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm": năm 1991 có 14/20 xã, thị trấn xây dựng được trường mầm non; đến năm 1995, 100% các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều xây dựng được trường mầm non; 80% thôn bản vùng sâu, vùng xa có giáo viên mầm non, các địa phương đã chủ động tạo điều kiện tốt nhất để nuôi dạy các cháu, 100% trẻ trong độ tuổi được đến trường.

Xuất phát từ tình hình kinh tế xã hội của nhân dân các dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa; đồng thời tạo nguồn cán bộ kế cận, đội ngũ lao động có trình độ cho vùng đồng bào miền núi; Dưới sự chỉ đạo của BCH Đảng bộ, sự quan tâm của chính quyền huyện, tháng 9 năm 1990, Trường Dân tộc nội trú của huyện được thành lập theo Quyết định 158/QĐ-UBTH ngày 23 tháng 11 năm 1989 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Từ quy mô ban

đầu chỉ có 4 lớp với 120 học sinh, trường không ngừng phát triển, mở rộng về quy mô và chất lượng đào tạo, là một trong những trường dẫn đầu bậc học THCS của huyện, tạo điều kiện thuận lợi cho con em dân tộc thiểu số được học tập, vui chơi và phát triển. Công tác đào tạo và dạy nghề có nhiều tiến bộ, bám sát sự phát triển kinh tế - xã hội và tình hình đặc điểm địa phương đưa khoa học - kỹ thuật áp dụng vào sản xuất, kinh doanh. Trung tâm Dạy nghề đã mở các lớp kế toán, nông nghiệp, cắt may, đan lát, y tá cho cơ sở; riêng trong năm 1990 - 1991, Trung tâm đã mở lớp đào tạo được hơn 100 y tế thôn bản...

Ngành y tế huyện nhà trong những năm đầu đổi mới có nhiều cố gắng để vượt qua khó khăn. Bằng việc huy động các nguồn lực từ tranh thủ vốn đầu tư của tỉnh, vốn đối ứng ngân sách huyện và đóng góp của nhân dân đến nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế như UNICEF, UNPA... đã cải thiện được đáng kể hạ tầng cơ sở vật chất - kỹ thuật. Từ năm 1986 đến năm 1995, tổng số vốn đầu tư cho y tế trong toàn huyện trên 2 tỷ đồng; trong đó có những công trình quan trọng như nâng cấp bệnh viện huyện gần 1,5 tỷ đồng, xây dựng 9 trạm xá xã giá trị 400 triệu đồng, trang bị dụng cụ và tủ thuốc cho các trạm xá xã giá trị 134 triệu đồng... Đi đôi với đầu tư cho cơ sở vật chất là việc nâng cao chất lượng, tay nghề và ý thức cho đội ngũ cán bộ y tế. Bệnh viện huyện dần chuẩn hóa cán

bộ bằng việc cho đi học các lớp tại chức từ tỉnh đến Trung ương, đón nhận thêm những cán bộ trẻ có trình độ và tâm huyết với sự nghiệp y tế. Số lượng cán bộ y tế là bác sĩ, y sĩ, đại học quản lý ngày càng nhiều, đến năm 1995 toàn huyện có 20 y bác sĩ trong đó có 3 chuyên khoa I, trên 70 cán bộ có trình độ trung học.

Năm 1994, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) của Đảng, Ban Thường vụ huyện ủy Thường Xuân đã bàn và đi đến Quyết định đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa cho Thường Xuân thành lập Trung tâm y tế huyện để tinh giản những phòng, ban chồng chéo; bố trí lại mạng lưới y tế huyện cho phù hợp với địa bàn miền núi, gồm các phòng khám khu vực ở Bù Đồn, Luận Thành, Bát Mọt; củng cố lại hệ thống trạm y tế xã, thị trấn và y tế thôn bản. Mạng lưới y tế chuyển đổi đưa xuống gần dân với phương châm "*tất cả phục vụ cho sức khỏe nhân dân*" nên phục vụ nhân dân được chu đáo hơn. Công tác phòng và chống các dịch bệnh được tổ chức tốt và kịp thời phát hiện, khoanh vùng, bao vây dập tắt dịch bệnh, hạn chế được tử vong. Công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ em được coi trọng. Công tác kế hoạch hóa gia đình thường xuyên được chỉ đạo tuyên truyền bằng các biện pháp tránh thai cho cả nam và nữ như: đình sản, đặt vòng, dùng bao cao su... Thông qua nhiều tổ chức chính trị - xã hội đã vận động nhân dân sử dụng có hiệu quả các biện pháp tránh thai; riêng trong năm 1992 đã có

18 ca đình sản, 1.650 ca đặt vòng. Do đó, đã giảm đáng kể tỷ lệ tăng dân số hàng năm từ 3,34% năm 1987 xuống 2,14% năm 1995...

Vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào tình hình thực tế đời sống văn hóa, thông tin - tuyên truyền trên địa bàn huyện nên sự nghiệp văn hóa - thông tin tuyên truyền huyện Thường Xuân trong thời kỳ này đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, đặc biệt là việc củng cố, xây dựng lòng tin trong đội ngũ cán bộ công chức cũng như toàn thể nhân dân vào công cuộc đổi mới và con đường đi lên xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Để có được thành tích đó là kết quả của nhiều năm củng cố và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động văn hóa, thông tin - tuyên truyền. Nhiều địa phương đã đầu tư cải tạo lại hệ thống đài truyền thanh như Thị trấn Thường Xuân, Xuân Dương, Thọ Thanh, Ngọc Phụng, Tân Thành... Năm 1990, khi truyền hình phát triển, huyện Thường Xuân được tỉnh ưu tiên xây dựng trạm truyền hình đầu tiên trong các huyện miền núi với công suất 100W. Đến năm 1995, được đầu tư xây dựng thêm trạm thu phát mới gồm 1 máy tiếp sóng phát thanh (FW) công suất 150W, máy thu phát lại truyền hình 100W để mở rộng vùng phủ sóng radiô và truyền hình, nâng tổng công suất truyền thanh trong toàn huyện lên 250W, truyền hình lên 200W... kịp thời đưa tiếng nói của các Cấp ủy Đảng, chính quyền đến với

nhân dân. Từ nhiều nguồn khác nhau đã tài trợ, trợ cấp cho các xã hàng trăm chiếc ti-vi và radiô. Đội chiếu bóng huyện vẫn thường xuyên các chuyến "hành trình" đưa thông tin, phim ảnh đến tận các bản làng vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần cho bà con nhân dân. Báo chí, thông tin thư viện cũng được quan tâm hơn, nhân dân đã có các đầu báo, đầu sách để đọc theo dõi những tin tức, sức khỏe, khoa học kỹ thuật, nâng cao dân trí. Các loại hình văn hóa dân tộc được khơi dậy, phát huy có hiệu quả trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc. Các hội thi, hội diễn thường xuyên được tổ chức theo định kỳ từ cấp huyện đến cơ sở.

Sau nhiều năm sưu tầm tư liệu, nghiên cứu, biên soạn công phu đến năm 1991 cuốn *Lịch sử Đảng bộ tập I (tóm tắt)* được ấn hành, khẳng định truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng của nhân dân các dân tộc huyện Thường Xuân - Châu Thường, góp phần giáo dục tinh thần yêu nước và rút ra nhiều bài học kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo của các Cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể qua các thời kỳ từ 1930 đến 1960. Đến năm 1993, Trung tâm văn hóa - thể thao huyện được thành lập theo tinh thần Quyết định số 1692/UBTH ngày 10 tháng 12 năm 1993 của UBND tỉnh Thanh Hóa đã góp phần đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền. Hoạt động văn hóa - thể dục thể thao từ huyện

đến cơ sở đã đi vào nền nếp; 19/20 đơn vị bố trí được cán bộ phụ trách văn hóa - thể thao nên hoạt động thể dục thể thao đã kế thừa, phát huy được những thành quả các năm trước và ngày càng phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu. Mặc dù điều kiện còn khó khăn song Cấp ủy, chính quyền các địa phương đã giành ưu tiên những phần đất cho các công trình thể dục - thể thao như sân bóng đá, bóng chuyền, sân cầu lông, bãi tập. Đến năm 1995, xây dựng được 1 sân vận động cấp huyện, 11 sân vận động cấp xã, trên 30 sân bóng chuyền, 24 điểm bãi tập; quỹ đất dùng cho các công trình thể thao là 20,65ha, trong đó sân bóng đá chiếm: 12,87ha, sân bóng chuyền chiếm: 7,750ha. Riêng giai đoạn 5 năm từ 1991 đến 1995 tổng số vốn đầu tư cho sự nghiệp thể dục - thể thao là 752 triệu đồng. Thể thao phong trào được duy trì và củng cố. Số người tham gia tập luyện thể thao thường xuyên lên đến 25.000 người, trong đó khối học sinh trường học là 19.292 người, khối nông thôn và cơ quan là 5.708 người; số gia đình được công nhận gia đình thể thao đến năm 1994 là 90 gia đình, số đơn vị duy trì hoạt động thường xuyên là 62 đơn vị. Nhiều xã duy trì và phát triển được các môn thể thao truyền thống như phong trào cả xã biết bơi ở Xuân Liên được Sở Thể dục - Thể thao tỉnh Thanh Hóa công nhận; phong trào chạy các cự li ở xã Vạn Xuân, Xuân Chinh; phong trào bóng chuyền ở xã Bát Mọt, Yên Nhân, Luận Khê; phong trào bóng đá ở Thọ

Thanh, Xuân Dương... Từ năm 1991 đến năm 1995, ba lần tham gia Đại hội Thể dục - Thể thao cấp tỉnh đều xếp thứ hạng từ 5 đến hạng 9 trên 23 đoàn của cả tỉnh. Một số môn đạt giải cao như chạy các cự li 100m, 200m, 400m nam, giải 2 và 3 môn bóng đá, giải 3 môn bóng chuyền, bóng bàn, bơi lội, ném lựu đạn.

Tình hình an ninh - chính trị thế giới trong những năm cuối của thập kỷ 80 có nhiều biến động, diễn biến nhanh, khó lường và phức tạp. Các nước đế quốc và thế lực thù địch không ngừng thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình đối với nước ta. Ở trong nước, lợi dụng tình hình khó khăn về kinh tế - xã hội, lại được sự hà hơi, tiếp sức từ bên ngoài, các tổ chức phản động ngóc đầu dậy chống phá hòng gây mất ổn định chính trị, trật tự - an ninh xã hội. Nằm trong bối cảnh, tình hình chung đó, với những đặc điểm riêng là huyện miền núi, có biên giới tiếp giáp với nước bạn Lào, nhiệm vụ quốc phòng - an ninh ở Thường Xuân đòi hỏi phải được xiết chặt, gắn với sự bình yên của địa phương và biên giới hữu nghị, triển khai đồng bộ với công tác bảo vệ rừng, chống bọn lâm tặc phá rừng và vận chuyển gỗ trái phép.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, được sự chăm lo của chính quyền các cấp trên địa bàn huyện, lực lượng vũ trang huyện Thường Xuân thường xuyên được củng cố và nâng cao chất lượng, đổi mới phương thức, nội dung hoạt động, chú trọng xây dựng lực lượng dự bị động viên

để sẵn sàng ứng phó với tình hình mới. Từ năm 1990, cơ chế "Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự và các ban ngành làm tham mưu, tổ chức thực hiện" đã được quán triệt, thực hiện nghiêm túc. Hàng năm, BCH Quân sự huyện tham mưu cho Đảng bộ, chính quyền xây dựng kế hoạch quân sự và bổ sung kế hoạch phòng thủ cơ bản, kế hoạch A2 (chống gây rối, bạo loạn, lật đổ) trên cơ sở kế hoạch đã được xác định để tiến hành các biện pháp cụ thể. Từ huyện đến cơ sở luôn duy trì được lực lượng sẵn sàng chiến đấu; sau các đợt tổng diễn tập 02 - TH90 chúng ta đã bắt tay vào xây dựng làng xã chiến đấu. Hội đồng nghĩa vụ quân sự các cấp tích cực làm tham mưu cho Ủy ban nhân dân các cấp phòng ngừa, răn đe, xử lý các vi phạm luật nghĩa vụ quân sự, do vậy các đối tượng vi phạm giảm xuống hàng năm. Có những năm như năm 1994, cơ quan quân sự huyện phối hợp cùng cơ quan công an nắm chắc tình hình tổ chức kiểm tra báo động sẵn sàng chiến đấu ở 20/20 đơn vị, số người tham gia là 3.350 người; tập huấn nghiệp vụ tại quân khu, tỉnh, huyện cho 177 đồng chí cán bộ làm công tác quân sự; tổ chức khám, tuyển đưa 140 thanh niên lên đường làm nghĩa vụ với Nhà nước, số thanh niên chống khám tuyển giảm xuống so với năm 1993 là 16 người, chống nhập ngũ giảm xuống còn 2 người.

Cơ quan quân sự huyện được chỉnh đốn, xây dựng về mọi mặt: củng cố tổ chức Đảng, xây dựng về lễ tiết tác

phong theo Chỉ thị 37 của Đảng ủy Quân sự Trung ương, xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ quan có đủ năng lực để chỉ huy, giúp đỡ, hướng dẫn cơ sở thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng. Công tác xây dựng lực lượng cán bộ xã đội được quan tâm bồi dưỡng, 100% là bộ đội phục viên xuất ngũ, hàng năm được đưa đi tập huấn, bồi dưỡng theo quy định; các đơn vị đều tổ chức và duy trì được trung đội nòng cốt từ 21 - 25 người, ngoài ra còn tổ chức huấn luyện cho số dân quân mới kết nạp, luôn đảm bảo tỉ lệ 2 - 3% dân số theo quy định; lực lượng dự bị động viên sắp xếp được 4 khung riêng, được phúc tra 2 lần/năm. Giáo dục kiến thức quốc phòng cho toàn dân được chú trọng, đặc biệt là trong các trường học.

Công an nhân dân từ huyện đến cơ sở được xây dựng, củng cố, lực lượng đủ mạnh đảm bảo giữ bình yên các thôn xóm, trấn áp kịp thời khi có tội phạm trên địa bàn. Trong thời gian này, tình hình an ninh kinh tế và an ninh nông thôn diễn biến khá phức tạp, xảy ra các vụ việc như khai thác quế trái phép ở Bù Đồn (Vạn Xuân), khai thác quặng ở Ngọc Phụng, vàng sa khoáng ở các xã Xuân Chinh, Xuân Lẻ, Xuân Thắng, Xuân Lộc... cơ quan công an đã kịp thời tham mưu cho chính quyền, phối hợp với các lực lượng khác trực tiếp tham gia trấn áp, giải tỏa, nhanh chóng ổn định tình hình.

Phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới được triển khai đến cơ sở, công tác phòng ngừa, đấu

tranh tội phạm được tăng cường. Cơ quan công an huyện đã tham mưu đặc lực cho các Cấp ủy Đảng và chính quyền, phối hợp với các ngành tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành thực hiện Chỉ thị 406 TTg của Thủ tướng Chính phủ về cấm sản xuất buôn bán, đốt pháo nổ; Nghị định 87/CP của Chính phủ về chống văn hóa đồi trụy; tăng cường mở nhiều đợt tấn công, truy quyết tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự an toàn giao thông. Tổ chức ký kết, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền xây dựng nếp sống mới ở khu dân cư; tham gia cảm hóa, giáo dục những người lầm lỗi, đưa họ trở về với gia đình và cộng đồng.

Nạn khai thác và buôn bán lâm sản trái phép có dấu hiệu gia tăng và diễn biến phức tạp, các lực lượng chuyên ngành, lực lượng vũ trang phối hợp với nhiều cấp, nhiều ngành tổ chức ngăn chặn, xử lý đã rắn đe được bọn tội phạm để trả lại màu xanh cho rừng. Công tác tư pháp, xét xử, thi hành án được đẩy mạnh. Cùng với BCH Quân sự huyện, Công an huyện, ngành tư pháp, viện kiểm sát, toà án duy trì giao ban công tác thường xuyên để thống nhất phối hợp từ khâu điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đảm bảo đúng người đúng tội, không bỏ lọt tội phạm, tăng cường pháp chế XHCN.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, mở ra tư duy mới trong quản lý Nhà nước về kinh tế - xã hội. Hoạt động của Chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính

trị, xã hội trong hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện Thường Xuân trải qua một thời gian tiếp cận để thích ứng đã có nhiều chuyển biến tích cực. Đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp từng bước được chuẩn hóa đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chính trị và cương vị đảm trách của từng cán bộ trong từng giai đoạn, từng thời kỳ lịch sử đặt ra.

Hội đồng nhân dân các cấp không ngừng được củng cố, tăng cường theo yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, tuân thủ quy chế dân chủ, công khai để dân biết, dân bàn trong tọa đàm thảo luận và lựa chọn bằng phổ thông đầu phiếu; thường xuyên đổi mới phương thức hoạt động sát với tình hình thực tiễn của địa phương. Các thành viên trong hội đồng nhân dân tăng cường tiếp xúc cử tri để nắm bắt thực tiễn, chuẩn bị cho các kỳ họp chu đáo, thiết thực. Nhìn chung, từ sau ngày thực hiện công cuộc đổi mới thành viên HĐND các cấp của Thường Xuân được lựa chọn kỹ càng, có đủ đức và tài để đại diện cho các cử tri tín nhiệm bằng lá phiếu, chính vì lẽ đó Hội đồng nhân dân các cấp thông qua các kỳ họp đã ra được các nghị quyết cụ thể hóa đường lối của Đảng sát với thực tế đặt ra, tháo gỡ được nhiều khó khăn vướng mắc để UBND các cấp hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra cho mỗi thời kỳ; dân chủ hóa trong các kỳ họp từng bước được cải thiện. Nhận định chung đến năm 1993, hoạt động của HĐND hai cấp huyện, xã, thị có những chuyển biến tiến bộ; thể

hiện rõ nét là hoạt động trong các kỳ họp HĐND, trong việc xem xét và quyết định các vấn đề trong mỗi kỳ họp đã thể hiện tinh thần chủ động và ý thức trách nhiệm cao của mỗi đại biểu. Các nghị quyết của HĐND đã có hiệu lực thiết thực, lòng tin của nhân dân đối với HĐND - cơ quan đại diện của nhân dân đã có những nhận thức mới, tính hình thức trong hoạt động của HĐND đã được khắc phục.

UBND các cấp ngày càng hoạt có hiệu quả. Việc thực thi các nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp, thực hiện các dự án đầu tư... đều có kế hoạch sát đúng và chương trình hành động thiết thực. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, việc thực thi Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam được Quốc hội khóa VIII kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 15 tháng 4 năm 1992 trên địa bàn Thường Xuân do UBND huyện triển khai đến tận từng người dân đã đem lại không khí dân chủ mới, mọi người đều có quyền bình đẳng trước pháp luật. Các cơ quan tư pháp có nhiều cố gắng trong tuyên truyền - giáo dục, phổ biến pháp luật; kiểm tra giám sát các văn bản của chính quyền các cấp, hoạt động tổ tụng và bảo vệ pháp luật nghiêm minh. Lần đầu tiên UBND các cấp trong huyện đã tiến hành sắp xếp lại tổ chức bộ máy, quy định trách nhiệm cho từng thành viên UBND và các ngành, các cấp; xây dựng quy chế làm việc theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII), hạn chế dần sự chồng chéo

trong giải quyết công việc, giảm bớt các thủ tục phiền hà, sách nhiễu đối với nhân dân; góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam vững mạnh; hướng tới hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của các kỳ đại hội Đảng các cấp đã đề ra.

Hoạt động của MTTQ và các đoàn thể quần chúng: Được xác định là lực lượng nòng cốt, tập hợp sức mạnh của nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, góp sức xây dựng Đảng bộ, chính quyền trong sạch vững mạnh. Do vậy, trong những năm qua BCH Đảng bộ chỉ đạo chính quyền các cấp thường xuyên quan tâm, chú trọng xây dựng các tổ chức này không ngừng lớn mạnh: Mặt trận tổ quốc kịp thời tiếp cận với sự nghiệp đổi mới ngày càng thể hiện vai trò tích cực, tập trung khối đại đoàn kết toàn dân xung quanh BCH Đảng bộ huyện; cùng với chính quyền và các ngành, các cấp vận động các tầng lớp nhân dân các dân tộc Thường Xuân tham gia nhiều phong trào thi đua yêu nước như: phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa ở khu dân cư", "ông bà, cha mẹ mẫu mực con cháu hiếu thảo"... các cuộc vận động thi đua yêu nước hướng thiện của UBMTTQ huyện xuống đến tận cơ sở bản, làng đã thu hút đông đảo đồng bào các dân tộc tham gia hưởng ứng tích cực, tạo ra động lực mới cho các làng, bản huyện miền núi Thường Xuân bắt tay vào CNH - HĐH nông nghiệp nông thôn. Từ khi bắt đầu tiến hành

sự nghiệp đổi mới, UBMTTQ các cấp đã làm tốt chức năng tham mưu cho Đảng bộ xây dựng và bảo vệ chính quyền các cấp, thực hiện tốt phong trào "đền ơn đáp nghĩa"; qua 6 năm (từ 1990 đến 1995) MTTQ đã nêu cao đạo lý "uống nước nhớ nguồn", vận động các thế hệ Thường Xuân thi đua phụng dưỡng ông bà, cha mẹ liệt sĩ, gây quỹ được 811 triệu đồng, tham gia thăm hỏi các gia đình chính sách, gia đình có công với nước trong các dịp lễ tết và những khi khó khăn hoạn nạn.

Hội Nông dân Thường Xuân là tổ chức được ra đời trong thực tiễn lao động và sản xuất, nhằm tập hợp khối đoàn kết nông dân thi đua lao động sản xuất đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Các cấp Hội luôn chăm lo tới lợi ích của hội viên, làm tốt công tác giáo dục hội viên chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Bắt nhịp với cơ chế mới, nhiều hộ nông dân đã mạnh dạn nhận đất trồng, đòi hỏi đấu thầu để phát triển kinh tế theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị; chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuyển đổi giống, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chăn nuôi mang lại hiệu quả kinh tế cao. Hội luôn coi trọng phong trào sản xuất giỏi gắn liền với chương trình xóa đói giảm nghèo một cách thiết thực. Nhiều hội viên đã nêu cao tinh thần tương thân, tương ái giúp nhau về vật tư, giống, vốn, kỹ thuật sản xuất chăn nuôi. Hội Nông dân huyện đã đứng ra tín chấp với Ngân

hàng cho hội viên vay vốn phát triển kinh tế, thường xuyên phối kết hợp chặt chẽ với Trung tâm Khuyến nông - Khuyến lâm huyện tổ chức tập huấn khoa học kỹ thuật trình diễn, chuyển giao công nghệ mới cho hội viên và cán bộ Hội cơ sở. Nếu như năm 1990 toàn huyện mới có hơn 2.000 gia đình hội viên có thu nhập từ 1.000.000 đồng trở lên/năm thì đến năm 1995 đã có hơn 2.600 gia đình hội viên có thu nhập 5.000.000 đồng/năm trở lên. Các mô hình trồng mía, lạc, đậu tương, chăn nuôi lợn nạc, bò thịt... được mở rộng và cho kết quả đáng khích lệ. Điển hình như hội viên các xã Ngọc Phụng, Xuân Dương, Luận Thành, Thọ Thanh... Cùng với việc mở rộng phát triển kinh tế hộ gia đình, Hội luôn luôn nêu cao tinh thần mở rộng tập hợp hội viên tham gia sinh hoạt bằng nhiều hình thức hoạt động phong phú đa dạng, nhằm xây dựng tổ chức hội ngày một lớn mạnh.

Hội Phụ nữ: Trong những năm 1986 - 1990 đất nước gặp nhiều khó khăn, nhưng Hội đã vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Đến năm 1989 Hội Phụ nữ Thường Xuân đã xây dựng được một số cơ sở điển hình tiên tiến về các phong trào; vận động hội viên tham gia các phong trào: "Nuôi con khỏe, dạy con ngoan", "Xây dựng nếp sống văn hóa mới, con người mới", "Sinh đẻ có kế hoạch"... Trong những năm 1990 - 1995 có nhiều phong trào do Trung ương Hội phát động, các cấp Hội từ huyện đến cơ sở thực hiện tốt các phong trào "Phụ nữ

giúp nhau làm kinh tế", "nuôi dạy con tốt"; Hội cùng với chính quyền, đoàn thể các cấp tổ chức thực hiện Quyết định 163/HĐBT bước đầu đạt kết quả tốt. Lập quỹ Hội để giúp đỡ các hội viên có hoàn cảnh khó khăn, tập huấn công tác Hội cơ sở; đồng thời đề nghị với ngân hàng cho hội viên vay vốn phát triển kinh tế. Đoàn kết hội viên các cấp từ huyện đến cơ sở thôn, bản. Tập hợp thu hút hội viên bằng nhiều hình thức không ngừng mở rộng, củng cố Hội. Tại các buổi sinh hoạt Hội lồng ghép nhiều chương trình kinh tế - xã hội và triển khai cho học viên học tập các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Có thể nói Hội Phụ nữ huyện nhà không ngừng lớn mạnh theo kịp sự phát triển của cả nước; Hội đã thực sự là nơi tập hợp - phát triển cho hội viên, hội đã thực hiện được nhiệm vụ của mình trong tiến trình: "vì sự phồn vinh, phát triển bình đẳng và tiến bộ của phụ nữ".

Hội Cựu chiến binh huyện được thành lập ngày 24 tháng 6 năm 1991, đã nhanh chóng xây dựng tổ chức vững mạnh, khẳng định được vai trò vị trí của mình trong đời sống chính trị - xã hội huyện nhà: Bồi dưỡng cho hội viên ý thức và truyền thống yêu nước của "*Anh bộ đội Cụ Hồ*", giúp nhau lúc khó khăn, hoạn nạn; tiếp tục cống hiến cho xây dựng đất nước bằng con đường vươn lên phát triển kinh tế và luôn xem "*nghèo đói và lạc hậu cũng là một kẻ thù nguy hiểm*". Là tổ chức chính trị - xã hội ra đời muộn, song được sự quan tâm của các Cấp ủy

Đảng, Chính quyền, Hội nhanh chóng xây dựng được tổ chức đến tận các thôn bản, ngày càng thu hút đông đảo hội viên tham gia; là tổ chức có tỉ lệ tập hợp hội viên cao nhất trong các tổ chức chính trị - xã hội huyện nhà. Hoạt động của Hội luôn bám sát đặc điểm tình hình địa phương, sinh hoạt Hội lồng ghép nhiều chương trình mang lại lợi ích cho hội viên và xã hội như các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch hóa gia đình, xây dựng gia đình văn hóa, bài trừ mê tín dị đoan... Các cấp Hội luôn tích cực giáo dục truyền thống yêu nước chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tuyên truyền đến hội viên các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Từ đây đã góp phần nâng cao cảnh giác và nhận thức, lý luận chính trị, đấu tranh làm thất bại các "Âm mưu diễn biến hòa bình" của thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước. Đồng thời hội viên đã tích cực tham gia trong việc phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo làm giàu chính đáng. Các mô hình kinh tế như: vườn rừng, V.A.C, trang trại ... từ các mô hình này đã cho thu nhập khá, nhiều gia đình hội viên có thu nhập đạt 3 triệu đồng/năm; điển hình như ông Vi Văn Cón - Xuân Cẩm, Anh hùng chống Pháp Lò Văn Bường - Xuân Lẹ...

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Thường Xuân - lực lượng đã từng được Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tin yêu trong chiến tranh

vệ quốc; hòa bình lập lại xứng danh là "cánh tay đắc lực của Đảng", khi bắt nhịp với sự nghiệp đổi mới Đoàn thanh niên luôn tiên phong đi đầu trong các phong trào thi đua yêu nước với khẩu hiệu "Đâu khó có thanh niên". Đây là lực lượng được Đảng bộ và chính quyền huyện luôn quan tâm chăm sóc. Giai đoạn 1986 - 1994, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đã vượt lên gian khó cùng các Cấp ủy Đảng, chính quyền, đồng bào các dân tộc trong huyện nhanh chóng vượt qua cơn khủng hoảng kinh tế, đưa sự nghiệp đổi mới đi vào chiều sâu trên tất cả các lĩnh vực. Có được kết quả ấy, các tổ chức Đoàn trên địa bàn huyện dưới sự lãnh đạo của của các Cấp ủy Đảng và sự chỉ đạo của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành huyện Đoàn phải trải qua một cuộc "Đại phẫu thuật về chính trị", tổ chức... để có được tư duy chính trị, kinh tế đúng với thực tiễn công cuộc đổi mới đặt ra; xây dựng được lực lượng và đội ngũ cách mạng có đủ khả năng hoàn thành bất cứ nhiệm vụ gì khi Đảng và nhân dân giao phó. Các phong trào như: "Thanh niên giúp nhau lập nghiệp", "Thanh niên tình nguyện", "Tuổi trẻ giữ nước"... đã cuốn hút nhiều thế hệ thanh niên các dân tộc trên địa bàn tham gia đem lại những giá trị kinh tế - xã hội thiết thực. Nhiều đoàn viên và tổ chức cơ sở đã đi tiên phong trong công tác xóa đói giảm nghèo bằng những việc làm cụ thể: Nhận đất trống, đồi núi trọc để làm trang trại, vườn đồi rừng kết hợp với chăn nuôi; giúp nhau làm kinh

tế gia đình... Đặc biệt, phong trào "thanh niên tình nguyện" đã giải quyết được những khó khăn, ách tắc về giao thông vào vùng khó, giúp đồng bào vùng sâu - vùng cao... Thực hiện nếp sống văn minh thông qua các chiến dịch "mùa hè xanh". Đây cũng là lực lượng đóng vai trò nòng cốt trong các phong trào văn hóa - văn nghệ, các hội thi, các cuộc hội thao văn hóa - văn nghệ - thể dục thể thao trên địa bàn và đóng góp vận động viên cho tỉnh; quan tâm chủ động phối hợp với các cấp các ngành chăm sóc, giáo dục Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. Gần mười năm bắt nhịp với sự nghiệp đổi mới (1986 - 1994), Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh huyện Thường Xuân xứng đáng là lực lượng nòng cốt trong xây dựng và bảo vệ quê hương, bảo vệ tổ quốc XHCN.

Liên đoàn Lao động huyện Thường Xuân thời kỳ này là tổ chức chính trị được đánh giá **"luôn vững vàng lúc khó khăn, chủ động sáng tạo, nhạy bén với cái mới"**. Ở từng thời điểm khác nhau đã thể hiện được bản lĩnh chính trị để tập hợp đoàn viên xung quanh BCH Đảng bộ. Từ khi mở rộng lực lượng bao gồm toàn bộ người lao động thay vì trước đây chỉ tập hợp giai cấp công nhân và đổi tên từ Công đoàn sang Liên đoàn Lao động cấp huyện, BCH Liên đoàn Lao động huyện đã phát triển lực lượng đến tận các chòm bản xa xôi của xã biên giới vùng cao Bát Mọt. Suốt chặng đường 10 năm củng cố tổ chức, thay đổi tư duy, Liên đoàn Lao động huyện Thường

Xuân đã huy động lực lượng trên địa bàn đoàn kết đóng góp công sức và trí tuệ tạo tiền đề cho tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn; Động viên và bảo vệ kịp thời những đóng góp gắn liền với quyền lợi người lao động được pháp luật thừa nhận; Chủ động phối kết hợp với các ngành, các cấp phát động được nhiều phong trào thi đua yêu nước có giá trị kinh tế - xã hội to lớn. Liên đoàn Lao động huyện sẽ còn đóng vai trò vô cùng quan trọng khi đất nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp, tiếp tục tập hợp lực lượng lao động của toàn xã hội xung quanh Đảng để xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

III. PHÁT HUY NỘI LỰC, TRANH THỦ THỜI CƠ - VẬN HỘI MỚI, ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI, ĐƯA QUÊ HƯƠNG THƯỜNG XUÂN SANG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG

Công cuộc khôi phục đất nước sau chiến tranh và đổi mới toàn diện theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo ra **thế** và **lực** mới cho cách mạng Việt Nam, nhất là trong bối cảnh hợp tác và liên kết quốc tế được thúc đẩy tạo điều kiện cho chúng ta phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực để xây dựng đất nước. Nằm trong dòng chảy chung của lịch sử dân tộc, dưới sự lãnh đạo của các Cấp ủy Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở căn cứ tình hình cụ thể từng địa phương có chương trình hành động tối ưu

nhất đưa nhân dân các dân tộc Thường Xuân vượt qua thử thách, viết tiếp trang hùng ca lịch sử dân tộc gắn với lịch sử - truyền thống quê hương Châu Thường - Thường Xuân. Nhân dân Thường Xuân cùng nhân dân cả nước tràn đầy quyết tâm và niềm tin *"thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ nhân dân ta tiếp tục giành thêm nhiều thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc, đưa nước ta sánh vai cùng các nước phát triển trên thế giới"*⁽¹⁾.

Tháng 4 năm 1996, Đảng bộ huyện Thường Xuân đã tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XV. Đại hội thẳng thắn đánh giá những thành tựu đạt được trong 5 năm kế hoạch 1991 - 1995 và khẳng định đó là tiền đề để Thường Xuân tiến vào thời kỳ mới: ***đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa quê hương theo định hướng xã hội chủ nghĩa***. Đến tháng 7 năm 1996, Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VIII tại Hà Nội chỉ rõ thêm: *"nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa - hiện đại hóa đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn"* và nhấn mạnh *"giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới đẩy*

(1). Đảng Cộng sản Việt Nam - 10 mốc son lịch sử, Nxb VH-TT, 2006, trang 421.

mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước"⁽¹⁾...

Vận dụng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, lại có Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV dẫn đường, các cấp chính quyền huyện Thường Xuân bước vào xây dựng chương trình hành động cho 5 năm kế hoạch 1996 - 2000), với mục tiêu *"ổn định và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội... phấn đấu đến năm 2000 kinh tế - xã hội huyện nhà phát triển nhanh, nhân dân các dân tộc huyện nhà có cuộc sống ấm no và hạnh phúc"*⁽²⁾ nhằm tạo ra những bước đột phá mới. Có chủ trương đúng đắn, chương trình hành động thiết thực, lại được sự đồng lòng của đồng bào các dân tộc trong huyện, nền kinh tế Thường Xuân không ngừng tăng trưởng; nếu như giai đoạn 5 năm kế hoạch 1991 - 1995 tăng trưởng mới ở mức 5,6%, thì 5 năm kế hoạch 1996 - 2000 tăng lên đạt 6,4%. Đặc biệt, giai đoạn từ 2001 đến 2005, bước vào thực hiện 5 mục tiêu kinh tế - xã hội của Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI, gồm: *ổn định lương thực, xóa đói giảm nghèo, xây dựng hạ tầng cơ sở, giải*

(1). Đảng Cộng sản Việt Nam - 10 mốc son lịch sử. Sdd, trang 378, 500-501.

(2). Văn kiện ĐH Đảng bộ huyện XV, trang 38 - 39.

quyết việc làm và trồng rừng đã tạo ra bước phát triển bứt phá, nhịp độ gia tăng giá trị sản xuất bình quân đạt 12,9%/năm. Đời sống kinh tế của nhân dân các dân tộc Thường Xuân không ngừng được nâng lên, bình quân GDP đầu người/năm tăng từ 1,3 triệu đồng năm 1996 lên 3 triệu đồng năm 2006. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng đã khai thác được tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

Kinh tế lâm nghiệp tăng trưởng mạnh mẽ theo hướng xã hội hóa gắn bảo vệ và phát triển rừng với lợi ích kinh tế - xóa đói giảm nghèo; đặc biệt là sau khi có các chương trình dự án như 327, chương trình trồng 5 triệu ha rừng của Chính phủ, dự án 661, Nghị quyết 03 của Đảng bộ huyện về *"phát triển Lâm nghiệp giai đoạn 2006 - 2010"*. Thường Xuân hoàn thành đồng bộ việc giao đất giao rừng theo các Nghị quyết 01, 02 của Chính phủ về giao đất giao rừng cho nông hộ và cán bộ công nhân viên chức - lao động, cán bộ hưu trí của các lâm trường từ trước năm 2000; lập xong quy hoạch phát triển lâm nghiệp huyện, các xã đến năm 2010. Những công tác này đã tạo điều kiện thúc đẩy việc trồng rừng và nâng cao hiệu quả kinh tế rừng. Từ năm 1996 - 2007, toàn huyện trồng mới được 9.624,7ha rừng tập trung, trong đó các loại cây đặc sản - thế mạnh của địa phương gồm quế: 475,7ha, luồng: 4.000ha...; trồng được 4.791.075 cây phân tán, bảo vệ - khoanh nuôi - tái sinh trên 71.413ha rừng,

nâng được độ che phủ của rừng lên trên 63% diện tích tự nhiên. Một số giống cây mới được du nhập về như bạch đàn, keo, lát lai, lát Mê-hi-cô... Các quy trình kỹ thuật chăm sóc rừng, chăm sóc cây trồng được phổ biến để bà con áp dụng rộng rãi không những đem lại lợi ích về mặt sinh thái - môi trường mà còn đem lại hiệu quả kinh tế rõ nét. Đến năm 2007, Thường Xuân đã có trên 100 mô hình kinh tế trang trại, vườn rừng, đồi rừng đang được đầu tư phát triển và nhân ra diện rộng, tạo nên bước chuyển đổi về cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn, xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường. Giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng từ 8,5 tỷ đồng năm 1996 lên 52,28 tỷ đồng vào năm 2006. Một số đơn vị như Xuân Cao, Luận Thành, Ngọc Phụng, Xuân Cẩm, Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn sông Đăn (trước là Lâm trường sông Đăn)... đã tập trung lãnh đạo phát triển trồng và bảo vệ rừng, nâng cao hiệu quả kinh tế đồi rừng đạt kết quả tốt. Các mô hình vườn - đồi rừng, trang trại lâm nghiệp làm ăn hiệu quả đang là mô hình tốt cho các đơn vị khác học tập, để nhân ra diện rộng.

Sản xuất nông nghiệp có những bước phát triển mới; cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây con chuyển dịch đúng hướng, hoàn thành mục tiêu ổn định lương thực đề ra tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI. Diện tích lúa ổn định, ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất từ khâu giống, kỹ thuật chăm sóc phòng trừ dịch bệnh, đưa

năng suất lúa bình quân từ 20 tạ/ha năm 1996 đến 6 tháng đầu năm 2007 đạt 40,46 tạ/ha; đặc biệt có những giai đoạn như năm 2004, 2005 năng suất lúa ổn định ở mức cao đạt 45 tạ/ha. Diện tích cây màu, cây vụ đông được mở rộng⁽¹⁾ và dần trở thành vụ sản xuất chính của các xã vùng thấp. Vùng cây nguyên liệu tập trung chuyên canh được quan tâm phát triển; Vùng nguyên liệu mía đến năm 2006 là 2.351ha, sản từ chỗ chỉ là cây lương thực tiêu dùng trong nhân dân đã tiến tới là cây nguyên liệu cung cấp cho các nhà máy với diện tích khoảng 1.055ha (năm 2006). Giá trị sản xuất nông nghiệp không ngừng tăng trưởng, tổng sản lượng lương thực quy thóc tăng từ 17.194,5 tấn (1995) lên 24.672 tấn (2006).

Tỉ trọng ngành chăn nuôi trong sản xuất nông nghiệp ngày càng tiến đến hợp lý hơn sau khi triển khai các dự án cải tạo đàn bò, nạc hóa đàn lợn, du nhập giống gia cầm có năng suất cao vào sản xuất. Đàn trâu, bò phát triển nhanh, nhất là thời kỳ từ năm 2006 đến nay sau khi Đảng bộ có Nghị quyết 02 về *"phát triển trâu bò giai đoạn 2006 - 2010"*: năm 2005, tổng đàn trâu toàn huyện là 18.800 con, bò 4.500 con, đến tháng 6 năm 2007 tăng lên 19.062 con trâu, 6.338 con bò. Nuôi trồng thủy sản được chú ý, nhất là cá nước ngọt: 6 năm từ 2001 đến 2007 từ 273 tấn tăng lên 432 tấn, gấp trên 1,5 lần. So với

(1). Diện tích cây vụ đông năm 2006: 2.159,03ha (theo Báo cáo tổng kết năm 2006 của UBND huyện)

giai đoạn trước, số lượng gia súc giảm (năm 1996 tổng đàn trâu: 20.415 con, bò: 6.572 con) nguyên nhân do di dân lòng hồ Cửa Đạt giảm đi 3 xã; song hiệu quả và giá trị chăn nuôi được nâng lên rõ rệt. Chăn nuôi từng bước chuyển dịch và tiến tới sản xuất hàng hóa, hình thành các gia trại, trang trại chăn nuôi theo các phương pháp bán công nghiệp, công nghiệp. Một số đơn vị cơ sở điển hình như Ngọc Phụng, Cấp ủy và chính quyền đã lãnh đạo, chỉ đạo phát triển đúng hướng, đến năm 2006 toàn xã có 18 trang trại nuôi bò với quy mô 5 con trở lên hoàn toàn bằng phương pháp bán công nghiệp, 45 gia trại chăn nuôi với quy mô từ 20 - 200 con lợn, 200 - 500 con gia cầm khác.

Việc thực hiện chủ trương của tỉnh về chuyển đổi củng cố HTX nông nghiệp được các cấp chính quyền từ huyện đến cơ sở quan tâm chỉ đạo, tùy vào tình hình cụ thể của đơn vị mình vận dụng thực hiện: Các xã vùng thấp điều kiện sản xuất tập trung hơn nên chủ trương thành lập các HTX cung ứng dịch vụ toàn xã. Các xã vùng cao vì điều kiện đất đai manh mún, hệ thống thủy lợi chưa được kiên cố hóa, dịch vụ cung ứng sản xuất kém phát triển, chưa cho phép thành lập các HTX toàn xã mà phải qua một giai đoạn "quá độ" chuyển đổi sang mô hình HTX quản lý theo thôn bản. Đến tháng 6 năm 2007, toàn huyện có 5 HTX dịch vụ nông nghiệp toàn xã, 3 HTX mía đường đang hoạt động và trên 100 HTX quản

lý theo mô hình thôn bản được củng cố, chuyển đổi, thành lập mới đã làm tốt chức năng quản lý điều hành, hướng dẫn hộ xã viên sản xuất - kinh doanh, đáp ứng được về thông tin và tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, thúc đẩy sự phát triển kinh tế hộ gia đình, đặc biệt là phát triển các trang trại - gia trại, tạo nên những bước phát triển mới trong kinh tế lâm - nông nghiệp nông thôn. Giai đoạn này xã Vạn Xuân là địa phương có mô hình HTX quản lý theo thôn bản khá hiệu quả, chỉ đạo hoạt động bám sát đặc điểm tình hình địa phương, đóng vai trò là đơn vị hướng dẫn sản xuất như xác định cơ cấu, thời gian mùa vụ, điều hành công tác thủy lợi, phối hợp để hướng dẫn và chuyển giao khoa học kỹ thuật cho bà con xã viên... Từ hiệu quả hoạt động của các HTX đã tạo ra những bước phát triển mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp ở Vạn Xuân, đưa Vạn Xuân vượt lên dẫn đầu các xã vùng cao về sản xuất nông nghiệp.

Chưa bao giờ sản xuất lâm - nông nghiệp lại sôi động và hiệu quả như giai đoạn này, chỉ tiêu các kỳ đại hội đề ra luôn vượt hoặc đạt, đặc biệt 5 năm kế hoạch 2001 - 2005 tốc độ tăng trưởng ở mức 7,8%, đưa lâm - nông nghiệp tăng lên chiếm tỷ trọng 62,5% trong cơ cấu các ngành kinh tế. Các vùng kinh tế trong huyện như mục tiêu các kỳ đại hội đề ra bước đầu đi vào hoạt động có hiệu quả, tiềm năng thế mạnh mỗi vùng được khai thác; giữa các vùng có sự hỗ trợ thúc đẩy lẫn nhau cùng

phát triển: Vùng cao ổn định sản xuất lương thực, tập trung phát triển nghề rừng, chăn nuôi đại gia súc; Vùng giữa chuyển dịch cơ cấu cây trồng, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, trồng rừng đặc sản quý, luồng, khoanh nuôi, tái sinh rừng và thâm canh cây lương thực, cây công nghiệp mía, sắn... Vùng thấp tập trung chuyển đổi cơ cấu mùa vụ cây trồng, vật nuôi theo hướng ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất...

Xuất phát điểm tiêu thủ công nghiệp, công nghiệp của Thường Xuân hầu như không có gì. Sau 10 năm đổi mới, có du nhập vào một số ngành nghề như đan lát, làm chổi chít, khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng... song quy mô nhỏ, hiệu quả thấp. Yêu cầu của giai đoạn công nghiệp hóa - hiện đại hóa trên cả nước đặt ra *"mục tiêu đến năm 2020 ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp"*⁽¹⁾. Quán triệt tinh thần đó, các cấp Chính quyền Thường Xuân đưa ra được nhiều giải pháp phát triển tiêu thủ công nghiệp và công nghiệp gắn với chế biến nguồn lâm - nông sản truyền thống và thế mạnh của địa phương để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa lâm - nông nghiệp và nông thôn. Cùng với thực hiện các Nghị quyết là việc vận dụng các chủ trương của cấp trên như Nghị quyết

(1). Văn kiện ĐH VIII, Nxb Sự Thật, năm 1996, trang 82.

03/NQ-TU của Tỉnh ủy Thanh Hóa về phát triển cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vừa và nhỏ. Nhiều cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được hình thành như sơ chế bột giấy, sơ chế ván luồng, các HTX tiểu thủ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Một số sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có tốc độ tăng khá như sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến lâm - nông sản... đưa giá trị sản xuất công nghiệp Thường Xuân gần như con số không đạt mốc 10 tỷ đồng vào năm 2005, càng về những năm gần đây càng tăng trưởng mạnh mẽ, riêng 6 tháng đầu năm 2007 tăng lên đạt mức 15,5 tỷ đồng. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã gắn với sản xuất lâm - nông.

Cơ sở hạ tầng Thường Xuân sau 10 năm đổi mới có những bước tiến rõ nét, song, do xuất phát điểm thấp nên vẫn nằm trong tình trạng yếu kém, chưa đáp ứng được nhu cầu của giai đoạn phát triển mới. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng cơ sở hạ tầng là phải tạo được một hạ tầng vật chất - kỹ thuật thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, giai đoạn kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 phải là *"nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế, trước hết là ở những khâu ách tắc và yếu kém nhất cản trở sự phát triển"*, mục tiêu giai đoạn 5 năm tiếp theo 2001 - 2005: *"hoàn chỉnh một bước cơ bản hệ thống kết cấu hạ*

tầng"⁽¹⁾. Thực hiện các mục tiêu đó, Thường Xuân đã xây dựng những chủ trương và giải pháp phát triển trong đó ưu tiên cho phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, lưới điện quốc gia, thông tin liên lạc với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Quá trình thực hiện có rất nhiều thuận lợi như các dự án trọng điểm về giao thông, chương trình xây dựng các trung tâm cụm xã ở Luận Thành, Vạn Xuân, Bát Mọt... đã được Nhà nước phê duyệt đầu tư; địa phương lại nằm trong vùng các dự án 134, 135, ADB về rừng đầu nguồn sông Chu, vùng lòng hồ Cửa Đạt nên được quan tâm đầu tư. Để phục vụ cho mục tiêu xây dựng cửa khẩu quốc gia tại xã Bát Mọt tuyến đường Bái Thượng đi Biên giới được khởi công xây dựng trong đó có hạng mục rất quan trọng cầu Bái Thượng⁽²⁾ - cửa ngõ phá thế biệt lập của Thường Xuân với bên ngoài. Đường Hồ Chí Minh, con đường chiến lược quốc gia cũng chạy qua Thường Xuân mở ra thêm cơ hội phát triển. Đặc biệt, Thường Xuân còn được cả

(1). Đảng Cộng sản Việt Nam - 10 mốc son lịch sử. Sdd, trang 378, 500-501

(2). Cầu Bái Thượng là một trong những công trình trọng điểm của tỉnh Thanh Hóa, trên tuyến đường Bái Thượng – Biên giới, tại Km 0+350. Cầu dài: 237,4m, khổ cầu: 7+(2x1)m, tải trọng: H30-XB80 do Công ty cầu Thăng Long đảm nhiệm thi công; khởi công tháng 10 năm 1999, khánh thành tháng 7 năm 2000. Để có mặt bằng thi công xây dựng đầu cầu phía huyện Thường Xuân, huyện giải phóng mặt bằng đã vận động di dời, giải toả nhà cửa, đất canh tác, hoa màu của 33 hộ dân thuộc xã Xuân Dương.

nước biết đến với công trình thủy lợi - thủy điện Cửa Đạt⁽¹⁾, một công trình lớn của đất nước.

Thường Xuân rất quan tâm hoàn thiện hệ thống giao thông nội huyện, nếu như giai đoạn trước Thường Xuân còn 3 xã là Xuân Chinh, Xuân Lẹ, Xuân Liên chưa có đường ô-tô thì nay hầu hết các xã đã có đường ô-tô vào đến trung tâm xã. Các tuyến đường trục chính nội huyện, đường liên thôn - bản, bằng nhiều chương trình, nguồn kinh phí khác nhau: từ các chương trình dự án 135, ADB về rừng đầu nguồn sông Chu đến nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương và nhân dân đóng góp đã tạo thuận lợi chưa từng có để sửa chữa, làm mới đường giao thông nông thôn... đảm bảo và thuận tiện cho việc đi lại, giao lưu, buôn bán của bà con. Tổng kết phong trào làm giao thông nông thôn đơn vị xứng đáng được biểu dương nhất là Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh huyện Thường Xuân. Vào những mùa hè tình nguyện, những chiếc áo xanh lại

(1). Hồ Cửa Đạt được khởi công xây dựng ngày 02 tháng 2 năm 2004, dự kiến mức đầu tư 5.330 tỷ đồng, thời gian thực hiện 5 năm, do Bộ Thủy lợi là cơ quan chủ quản theo Quyết định số 130-QĐ/TTg ngày 29 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ. Công trình gồm các hạng mục chính: Hồ chứa nước với dung tích 1,34 tỷ m³, Đập đầu mối, Tràn xả lũ (với Q xả max là 18.390m³/ngày), Nhà máy thủy điện (công suất lắp máy 95MW). Hồ đảm nhiệm 5 nhiệm vụ chính: chống lũ bảo vệ hạ du, tạo nguồn tưới ổn định cho vùng Nam và Bắc sông Chu, cung cấp nước cho công nghiệp và sinh hoạt, phát điện và bổ sung nước vào mùa kiệt, bảo vệ môi trường và nguồn hải sản. Để có mặt bằng thực hiện, huyện Thường Xuân đã phải di dời nhân dân 3 xã Xuân Liên, Xuân Mỹ, Xuân Khao và thôn Thẩm (xã Vạn Xuân) với gần 2.000 hộ trong nội huyện và đến các khu định cư mới ở Easuop (Đắc Lắc), Sa Thầy (Kon Tum), Thanh Tân và Thanh Kỳ (Ninh Thuận - Thanh Hóa).

tiên phong đi mở đường, từ năm 2003 đến tháng 6 năm 2007, hơn 10.000 lượt đoàn viên bằng các công cụ thô sơ như xà beng, cuốc, xẻng... đã mở được trên 70km đường vào vùng khó, tu sửa gần 50 km đường giao thông nông thôn, làm lợi cho Nhà nước hàng tỉ đồng... Hệ thống thủy lợi đã đảm bảo được nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, các nương phai hồ đập thường xuyên được tu sửa, xây mới kiên cố hóa. Tuy là huyện nghèo, nhưng bằng việc tranh thủ các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, tỉnh, các dự án và đóng góp của nhân dân đã xây dựng trên 40 công trình lớn nhỏ, tổng giá trị trên 20 tỷ đồng. Mạng lưới điện quốc gia được phủ rộng. Trước năm 1995, mới chỉ có 4 đơn vị được dùng điện lưới, đến năm 2005 đã có 15/17 xã được dùng điện lưới quốc gia, còn lại 2 xã Bát Mọt và Yên Nhân vì chưa có điều kiện, Cấp ủy, chính quyền địa phương khuyến khích đồng bào tận dụng nguồn nước sông suối lắp đặt thủy điện nhỏ phục vụ đời sống; sản lượng tiêu thụ điện/năm tăng từ 460.000KW/h năm 1996 lên 11.250.000KW/h năm 2005 với 70% dân số được dùng điện. Cơ sở vật chất cho mạng lưới bưu chính - viễn thông được đầu tư xây dựng mạnh, 16/16 xã có điểm Bưu điện - Văn hóa xã, 10/17 xã đã kéo điện thoại dây, có 2 điểm trạm phủ sóng di động là Thị trấn và Cửa Đạt. Cơ sở vật chất cho các lĩnh vực văn hóa - xã hội khác như: trạm xá, trường học, bưu chính viễn thông, phát thanh - truyền hình... được quan tâm giành nguồn kinh phí để đầu tư xây dựng nhiều công trình. Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản của địa

phương từ năm 1995 đến tháng 9 năm 2007 là 336,947 tỷ đồng. Trong đó, vốn do nhân dân đóng góp trên 5 tỷ đồng, ngân sách huyện hỗ trợ trên 3,54 tỷ đồng.

Như vậy, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản từng bước phát triển, đáp ứng được nhu cầu của giai đoạn mới, tạo nền tảng cho giai đoạn sau tiếp tục phát triển mạnh mẽ, vững chắc hơn. Riêng 5 năm kế hoạch 2001 - 2005, tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản tăng từ 7,3% lên chiếm 21,1% trong tổng GDP và được dự báo những năm tiếp theo sẽ tăng trưởng ở mức 30%/năm, chiếm khoảng 30% tổng GDP. Một số đơn vị đã vận dụng các chủ trương, chính sách của Nhà nước để lãnh chỉ đạo phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề hiệu quả như Ngọc Phụng, Thị trấn. Tại xã Ngọc Phụng đã hình thành một cụm tiểu thủ công nghiệp – làng nghề sản xuất vật liệu xây dựng bằng công nghệ mới, hàng thủ công mỹ nghệ, một số mặt hàng tiêu dùng... hiện đang được hoàn chỉnh hồ sơ đưa vào quy hoạch, tạo điều kiện cho nhân dân mở mang sản xuất, giải quyết việc làm cho nhiều con em trong xã. Thị trấn cũng là địa phương phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp (TTCN) đa dạng, tính đến tháng 9 năm 2007, có 9 Công ty TNHH, 2 HTX và 287 hộ sản xuất TTCN với các nghề hàn xì, đan lát... đem lại hình ảnh mới cho CN - TTCN trên quê hương Thường Xuân.

Tuy không trực tiếp sản xuất ra hàng hóa, vật chất nhưng thương mại - dịch vụ là ngành mang lại lợi ích lớn và phản ánh rõ nét nhất trình độ phát triển của nền kinh tế. Với huyện Thường Xuân, từ sau Đại hội VI của Đảng đã bước vào thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn là *luong thực và thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu* đạt được một số kết quả, tạo ra sức bật mới cho ngành thương mại - dịch vụ. Tuy nhiên, cũng phải thấy rõ sản xuất trong giai đoạn này mới tự cung, tự cấp trong nội huyện, dịch vụ phát triển theo hướng cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho bà con. Đặc biệt việc xuất khẩu quế, tinh dầu quế, mặt hàng được coi là "đặc sản" của Thường Xuân bị đình lại vì mất thị trường (do Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu sụp đổ). Trước đòi hỏi của giai đoạn mới đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, ngành thương mại - dịch vụ cần phải đáp ứng được nhiệm vụ lưu thông hàng hóa cho đời sống và nhu cầu của sự phát triển; Thường Xuân đã bắt tay vào đổi mới, trước hết là cơ chế quản lý thương mại - dịch vụ. Nhờ có các biện pháp tổ chức, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp chính quyền, thương mại xã hội phát triển ở hầu khắp các địa bàn trong huyện, hàng hóa phong phú, lưu thông thuận tiện, có sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế và không ngừng mở rộng về quy mô ngành nghề, cung ứng đa dạng các loại dịch vụ phục vụ sản xuất, hàng tiêu dùng, vận tải, vật liệu xây dựng... Đến nay toàn huyện có

256 hộ được cấp giấy phép kinh doanh cá thể; nhiều tụ điểm kinh tế được hình thành, ngoài Thị trấn Thường Xuân ra còn có Ngọc Phụng, Lương Sơn, Bát Mọt, Luận Thành, Vạn Xuân. Cửa hàng Thương mại huyện không chỉ cung ứng các mặt hàng, vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân mà còn đảm bảo các mặt hàng chính sách cho đồng bào vùng 135, giữ bình ổn giá thị trường, doanh số bán ra không ngừng gia tăng năm sau cao hơn năm trước: năm 2006 đạt 29 tỷ đồng, 9 tháng đầu năm 2007 đạt 24 tỷ đồng...

Trong thời gian này, ngành thương mại - dịch vụ Thường Xuân mở mang thêm dịch vụ mới rất có triển vọng là du lịch. Tuy mới mở mang nhưng được Cấp ủy và Chính quyền quan tâm xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển. Thường Xuân vốn có cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, nhiều hang động và thác nước như hang Lù, hang Lãm; các thác trai gái, thác núi bảy tầng... Quê hương Thường Xuân từng là chiến địa một thời của nghĩa của quân Lam Sơn với những địa danh như Lũng Nhai (Ngọc Phụng) - nơi từng diễn ra hội thề của anh hùng dân tộc Lê Lợi với 18 tướng lĩnh, quyết tâm kháng chiến chống giặc Minh thế kỷ XV, hòn Mài Mực; đền thờ danh nhân Cầm Bá Thước (Cửa Đạt), người con của quê hương Châu Thường gắn với quần thể khu di tích nơi thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên của Đảng bộ huyện; Đền thờ Mẫu chúa Thượng ngàn đang được tôn tạo ngày càng

thu hút nhiều du khách gần xa... Vào năm 2000, khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên⁽¹⁾ được thành lập, diện tích 23.610ha, với cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, hệ sinh thái động thực vật phong phú, Thường Xuân có thêm một điểm đến hấp dẫn du khách. Cùng với các chính sách đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, khuyến khích phát triển các trang trại - gia trại lâm nghiệp, nông nghiệp gắn với làm dịch vụ du lịch đang mở hướng làm ăn mới cho Thường Xuân phát triển du lịch sinh thái - nhân văn.

Phát huy những kết quả về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần đạt được trong những năm trước, Thường Xuân tiếp tục chủ trương "thúc đẩy kinh tế nhiều thành phần phát triển, khuyến khích hỗ trợ phát triển

(1). Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên nằm trong địa giới hành chính các xã Bát Mọt, Yên Nhân, Vạn Xuân... Khoảng 68,32% diện tích (16.130ha) khu bảo tồn là rừng với nhiều ngọn núi cao như Pù Rinh (1.291m), Pù Gió (1.200m), Pù Ta leo (1.700m) quanh năm lạnh giá sương mù, rất hấp dẫn đối với các nhà thám hiểm, thể thao leo núi ham muốn chinh phục và khám phá thiên nhiên. Hệ động - thực vật trong khu bảo tồn tiêu biểu cho khu vực Bắc Trường Sơn – Nam Tây Bắc với 572 loài thực vật: 308 loài cây lấy gỗ; 23 loài cây cho dầu, nhựa; 23 loài cây họ tre nứa, song, mây, cỏ... Có 55 loài thú thuộc 8 bộ, 25 họ với 20 loài có tên trong sách đỏ Việt Nam; 136 loài chim thuộc 11 bộ, 29 họ với 8 loài có tên trong sách đỏ thế giới; 53 loài bò sát và ếch nhái, 143 loài bướm. Nằm trong khu bảo tồn, ngoài di tích đền thờ Cầm Bá Thước, Mẫu chúa Thượng ngàn, còn nhiều di tích - địa danh lịch sử gắn với cuộc khởi nghĩa của anh hùng dân tộc Lê Lợi thế kỷ thứ XV như: hòn Mài Mực, hòn Ngồi, chòm Nhân, suối Khao...; cụm di tích - lịch sử cách mạng gắn liền với phong trào chống thực dân của địa phương... Rất nhiều bản làng bà con dân tộc Thái còn giữ được vẻ đẹp và nét văn hóa truyền thống; Hồ chứa nước Cửa Đạt khi xây dựng xong hứa hẹn sẽ tạo ra một cảnh quan sơn thủy hữu tình... tạo nên một tour du lịch sinh thái - nhân văn hấp dẫn.

kinh tế tư nhân, kinh tế hộ gia đình⁽¹⁾". Chính quyền các cấp thường xuyên quan tâm chỉ đạo vận dụng các chủ trương của cấp trên vào tình hình cụ thể của địa phương thực hiện đổi mới cơ chế quản lý và hoạt động đối với các loại hình kinh tế Nhà nước, kinh tế hợp tác và các loại hình kinh tế mới ra đời được pháp luật thừa nhận; khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế cùng phát triển... Bức tranh kinh tế huyện nhà trở nên sôi động hơn rất nhiều nhờ sự góp mặt của tất cả các thành phần kinh tế, loại hình kinh tế như: kinh tế hộ gia đình, cá thể, tiểu chủ, các trang trại, gia trại làm ăn hiệu quả ngày càng nhiều và xuất hiện các HTX dịch vụ, tổ hợp sản xuất, các doanh nghiệp, Công ty TNHH, các nhà đầu tư trong tất cả các lĩnh vực kinh tế... Đến tháng 6 năm 2007, toàn huyện có trên 136 trang trại, gia trại với diện tích hàng trăm ha, 22 HTX, tổ hợp sản xuất TTCN và làm dịch vụ, 16 doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH. Có thể nhận định chưa bao giờ quyền làm chủ của nhân dân Thường Xuân về kinh tế được phát huy như trong giai đoạn này, khơi dậy được tiềm năng và sức sáng tạo của nhân dân để phát triển sản xuất, dịch vụ, tạo thêm nhiều việc làm, giúp nông dân thoát nghèo.

Tổng kết 12 năm của giai đoạn đẩy mạnh thực hiện CNH - HĐH (1996 - 2007), kinh tế huyện Thường Xuân

(1). Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện XV, trang 42.

đã có bước phát triển mạnh mẽ và ổn định, dần tiến tới một cơ cấu hợp lý theo hướng giảm tỷ trọng các ngành lâm - nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ; đến năm 2005, cơ cấu các ngành kinh tế: lâm - nông nghiệp: 62,5%, công nghiệp - xây dựng: 21,1%, thương mại - dịch vụ: 16,1%. Cơ cấu kinh tế này phản ánh rõ nét bức tranh kinh tế Thường Xuân cũng như việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế đề ra tại các kỳ đại hội, đặc biệt là 4 mục tiêu kinh tế: *ổn định lương thực, xóa đói giảm nghèo, trồng rừng, xây dựng cơ sở hạ tầng* của Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI cơ bản đã hoàn thành. Khoa học kỹ thuật và công nghệ sản xuất mới được ứng dụng mạnh mẽ và tạo ra bước đột phá về năng suất, hiệu quả, phát triển theo hướng sản xuất tập trung; hàng hóa của các trang trại - gia trại lâm nghiệp, nông nghiệp, nông - lâm kết hợp có cơ hội để cạnh tranh trên thị trường khu vực. Mặc dù, quy mô và số lượng so với tiềm năng còn chưa tương xứng, nhưng cơ bản Thường Xuân đã trở thành vùng nguyên liệu lâm - nông sản, cung cấp nguyên liệu cho các ngành mía đường (đến năm 2007 diện tích là: 2.351,8ha), chế biến tinh bột sắn (diện tích trên 1.052ha), gỗ và nguyên liệu giấy (hàng ngàn ha keo, luồng và cây lấy gỗ như lát, lim)...

Cùng với những thành tựu về kinh tế, sau 10 năm đổi mới tình hình văn hóa - xã hội huyện nhà có những bước

tiến bộ rõ nét, đời sống và mức hưởng thụ của nhân dân ngày càng được nâng cao, những nhu cầu cơ bản của nhân dân được đáp ứng khá hơn, các quyền dân sinh, dân chủ được mở rộng theo quy chế dân chủ. Tuy nhiên, so với mặt bằng chung của tỉnh, của cả nước còn thấp hơn nhiều. Tiếp tục nâng cao đời sống văn hóa - xã hội cho nhân dân là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền huyện Thường Xuân, nhất là trong tình hình mới của huyện nhà và đất nước, yêu cầu của giai đoạn đầy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đề ra chương trình giải quyết cho chặng đường đầu giai đoạn này trên cả nước với các mục tiêu *"giải quyết việc làm, phát triển toàn diện các mặt hoạt động về văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình và các mặt xã hội khác nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất, tinh thần và thể lực của dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và hội nhập quốc tế. Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng, tiến bộ xã hội, tạo bước chuyển mạnh mẽ trong giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc, đẩy lùi tiêu cực và các tệ nạn xã hội"*. Căn cứ tình hình thực tế, các cấp chính quyền trên địa bàn huyện xác định phương hướng, mục tiêu cụ thể trên tất cả các mặt xây dựng thành chương trình hành động và kế hoạch cụ thể để thực hiện.

Một trong những áp lực xã hội đối với huyện có dân số trẻ như Thường Xuân là vấn đề giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo. Lịch sử để lại cho Thường Xuân tỉ lệ hộ đói nghèo cao, lao động trình độ thấp, thiếu việc làm. Tạo việc làm và thu nhập để nâng cao đời sống cho các tầng lớp nhân dân là một trách nhiệm nặng nề đối với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương. Do đó, đồng bộ với chỉ đạo giải quyết các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội khác, công tác xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm cho người lao động luôn được quan tâm, nhất là từ khi có Nghị quyết 04/1998/NQ-TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, Thường Xuân đã thành lập các *Ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo* từ huyện đến cơ sở để thúc đẩy công tác xóa đói giảm nghèo lên một bước mới, gắn kết công tác này với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Các phong trào *Ngày tiết kiệm vì phụ nữ nghèo, Thanh niên giúp nhau lập nghiệp, Quỹ nghĩa tình đồng đội...* đã huy động được tất cả các ngành, các cấp vào cuộc. Đến năm 2000, khi tỉnh Thanh Hóa chỉ đạo thành lập hệ thống Ngân hàng phục vụ người nghèo, tạo điều kiện thuận lợi để người nghèo được vay vốn thì rất nhiều hộ nghèo ở Thường Xuân đã có vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh tạo ra việc làm, tăng thu nhập cho bản thân và gia đình, vì thế tỉ lệ hộ đói nghèo ngày một giảm. Năm 1996, toàn huyện có 6.150 hộ đói (chiếm 41% tổng số hộ) thì đến năm

2000 giảm còn 5.317 hộ (chiếm 33, 5%), đến năm 2005 tỷ lệ hộ đói nghèo chỉ chiếm 26,7% (theo tiêu chí cũ). Riêng 5 năm kế hoạch 2001 - 2005, bằng các chính sách và cơ chế cho mở rộng sản xuất, ngành nghề, phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, phát triển các trang trại, gia trại đã tạo được việc làm cho 4.890 lao động.

Qua những giai đoạn đấu tranh cách mạng, đặc biệt trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Thường Xuân có nhiều đóng góp, vinh dự thật lớn lao, song hậu quả để lại cũng rất nặng nề, trên 600 người tham gia kháng chiến nghi bị nhiễm chất độc màu da cam, số liệt sĩ hy sinh mới quy tập được 55 mộ, phần lớn còn rải rác ở các chiến trường. Tính đến tháng 7 năm 2007, toàn huyện có 1.881 đối tượng chính sách người có công, trong đó 1.227 thân nhân và gia đình liệt sĩ, 452 thương binh, 152 bệnh binh, 4 bà mẹ Việt Nam anh hùng, 4 đồng chí cách mạng lão thành. Ngoài ra, Thường Xuân còn có một số lượng lớn đối tượng chính sách xã hội là người già cả, cô đơn không nơi nương tựa, người tàn tật mất khả năng lao động, người nghèo... Các cấp ủy Đảng Thường Xuân đã chỉ đạo chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội kêu gọi lòng hảo tâm của các đơn vị, cá nhân... quan tâm chăm lo người có công, các đối tượng khó khăn, thực hiện đúng đạo lý "*Uống nước nhớ nguồn*", "*Lá lành đùm lá rách*"... Các ngày tết, lễ, kỷ

niệm lãnh đạo huyện đều tổ chức đi thăm hỏi động viên, tặng quà. Chính quyền các cấp, hướng dẫn các thủ tục và giải quyết chế độ, chính sách cho các đối tượng đầy đủ, kịp thời theo quy định của Nhà nước: Hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục cho 174 đối tượng hưởng chế độ nhiễm chất độc da cam trong chiến đấu; Từ năm 1998 đến năm 2007, huyện đã trợ cấp thường xuyên và một lần cho các đối tượng chính sách 42,264 tỷ đồng, 200 triệu đồng cho các đối tượng khó khăn; mua 1.260 thẻ BHYT cho thương - bệnh binh, cấp 44.785 thẻ BHYT cho đối tượng hộ nghèo... Các phong trào *Uống nước nhớ nguồn*, xây dựng các *Quỹ đền ơn đáp nghĩa*, *Quỹ vì người nghèo*, *Quỹ chất độc màu da cam*, các hoạt động nhân đạo, từ thiện... được phát động sâu rộng và thu hút đông đảo tầng lớp nhân dân tham gia. Nhân dân các dân tộc huyện nhà đã tham gia góp công, sức giúp đỡ các đối tượng chính sách đến tháng 9 năm 2007, toàn huyện đã huy động *Quỹ đền ơn đáp nghĩa*, *Quỹ chất độc màu da cam*, *Quỹ Vì người nghèo* được trên 1,75 tỷ đồng để làm 275 nhà cho các đối tượng; xây dựng 5 Đài tưởng niệm liệt sĩ với kinh phí 425 triệu đồng, tặng trên 560 sổ tiết kiệm tình nghĩa và quyên góp được hàng trăm triệu đồng ủng hộ đồng bào các vùng bị thiên tai bão lụt...

Huyện Thường Xuân có 11/17 xã miền núi vùng cao và 3 dân tộc anh em Thái, Kinh, Mường cùng chung sống từ lâu đời; Thường Xuân cũng có các tôn giáo như Thiên

chúa giáo với khoảng 900 tín đồ, 100 Phật tử... Với những đặc điểm như vậy, vấn đề dân tộc và tôn giáo luôn được các cấp ủy Đảng quan tâm, đặc biệt là công tác lãnh chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; công khai, dân chủ khi thực hiện các chương trình dự án 134, 135, 327, chế độ cử tuyển; Pháp lệnh tôn giáo và Nghị định 22/CP về hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh tôn giáo. Giai đoạn này, từ nguồn vốn chương trình 135, toàn huyện đã xây dựng được 11 công trình giao thông liên thôn bản, 12 công trình thủy lợi, 13 trường học kiên cố, 2 trạm điện hạ thế với tổng số vốn trên 25 tỷ đồng. Tính đến tháng 7 năm 2007, đã hỗ trợ làm nhà ở theo chương trình 134 hoàn tất cho 1.609 hộ nghèo với tổng giá trị gần 20 tỷ đồng, có kế hoạch tiếp tục chỉ đạo thực hiện hỗ trợ cho 1.764 hộ xong trong năm 2007; cấp 7.568 túi thuốc gia đình, 8.047 thẻ BHYT cho nhân dân vùng 135. Thực hiện cử tuyển đưa hàng trăm con em Thường Xuân đi học từ trung cấp đến đại học, nhằm tạo nguồn nhân lực tại địa phương đúng theo chủ trương của Nhà nước; Các chính sách tôn giáo được thực thi đúng luật định, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng - tôn giáo của nhân dân....

Thực hiện Nghị quyết các kỳ đại hội, Đảng bộ và Chính quyền huyện đã đề ra chiến lược, mục tiêu cho giáo dục đào tạo trong từng giai đoạn: 5 năm kế hoạch 1996 - 2000 tập trung vào xóa mù chữ cho người lao

động độ tuổi 15 - 35, phổ cập giáo dục tiểu học, phát triển ngành học mầm non; 5 năm kế hoạch 2001 - 2005 tập trung vào giải quyết xóa bỏ cơ bản các phòng học tạm, đồng thời kiên cố hóa trường học, xây dựng trường điểm và hoàn thành chương trình phổ cập THCS ở những xã có điều kiện, đào tạo nghề cho lao động phổ thông... Trong quá trình lãnh đạo thực hiện có nhiều thuận lợi, đó là sự ra đời của Nghị quyết Trung ương II (khóa VIII) và Luật giáo dục, sự chỉ đạo của tỉnh về đầu tư ngân sách phát triển giáo dục những năm 1996 - 2000, về phổ cập giáo dục và tranh thủ được nhiều chương trình dự án; Đặc biệt tại Đại hội VIII, Đảng ta đã xác định *giáo dục là quốc sách hàng đầu* và đề ra mục tiêu phương hướng chung cho giai đoạn mở đầu thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong cả nước là "*phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, tạo điều kiện cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên có việc làm, khắc phục những tiêu cực yếu kém trong giáo dục và đào tạo*". Đó là *kim chỉ Nam* để các cấp chính quyền trong huyện thực thi khắc phục khó khăn, góp phần quan trọng đưa sự nghiệp giáo dục – đào tạo huyện nhà ra khỏi yếu kém, từng bước đi lên.

Đến tháng 8 năm 2007, Thường Xuân có số lớp học 1.033 lớp, với 21.843 học sinh. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục thuộc quản lý của Phòng Giáo dục huyện là 1.932 đồng chí, không chỉ tăng về số lượng mà

ti lệ chuẩn hóa ở tất cả các cấp bậc học không ngừng được nâng lên (90,6% đạt chuẩn, 7,25% trên chuẩn). Cơ sở vật chất và trang thiết bị trường - lớp học được quan tâm đầu tư, đáp ứng được nhu cầu việc dạy và học. Nếu như năm 1996, toàn huyện chưa có lớp học nào kiên cố hóa, chỉ có 60 phòng cấp 4 thì nay đã kiên cố hóa được 402 phòng, có 23 phòng cấp 4. Năm 2002, Trường THPT Thường Xuân II được thành lập, đặt tại xã Luận Thành, mở ra điều kiện học tập cho con em các xã phía Tây Nam huyện. Huyện đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, 70% đơn vị hoàn thành phổ cập THCS, có 1 trường Mầm non, 3 trường Tiểu học, 1 trường Trung học cơ sở⁽¹⁾ đạt chuẩn quốc gia. Các phong trào thi đua *Hai tốt* và cuộc vận động *Dân chủ, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm* được phát động rộng rãi đem lại hiệu quả rõ nét. Học sinh giỏi ở các cấp học, môn học tăng khá, nhiều em giành giải trong các kỳ thi học sinh giỏi tuyển tỉnh, học sinh đỗ vào các trường Cao đẳng - Đại học ngày một nhiều. Có những năm học như năm 2005 - 2006 ngành giáo dục - đào tạo Thường Xuân đã “được mùa”: xét tốt nghiệp Tiểu học đạt 100%, THCS đạt: 99,9%, thi tốt nghiệp THPT đạt: 85,9%, BTVH đạt: 99,2%; giáo viên giỏi cấp huyện là 97 người, cấp tỉnh 3 người; học sinh giỏi cấp huyện 308

(1). Trường THCS Thị Trấn là trường đạt chuẩn quốc gia đầu tiên cấp học này trong các huyện miền núi Thanh Hóa.

em, cấp tỉnh 68 em. Hướng ứng thực hiện cuộc vận động *"Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục"* của Bộ Giáo dục - Đào tạo, ngành giáo dục Thường Xuân đã triển khai thực hiện ký cam kết xuống đến các trường, lớp học; năm học 2006 - 2007 là năm đầu tiên thực hiện cuộc vận động này nhưng Thường Xuân vẫn đạt tỉ lệ tốt nghiệp THPT cả hai lần 1 và lần 2 là 67%, xét tốt nghiệp THCS đạt 99%, có gần 100 em đỗ (nguyên vọng I) vào các trường cao đẳng - đại học trong cả nước.

Công tác xã hội hóa giáo dục được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm; cùng với sự đầu tư của Nhà nước như các chương trình 135, 159, 174; các dự án SIDA, WB, ADB, PEDC... các nguồn vốn do nhân dân và các đơn vị đóng góp đầu tư cho giáo dục ngày càng tăng. Loại hình trường lớp hoạt động đa dạng, ngoài 64 trường công lập còn có 8 trường bán công... 17/17 xã đều thành lập được Trung tâm học tập cộng đồng, 21 chi hội khuyến học với các hoạt động phong phú, thiết thực, hiệu quả. Dạy nghề, hướng nghiệp có những bước đi phù hợp với tình hình mới. Hội Khuyến học ra đời, được thành lập từ huyện đến cơ sở kịp thời xây dựng được chương trình hành động đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, đẩy mạnh việc xây dựng phong trào gia đình hiếu học, Quỹ khuyến học - khuyến tài để khuyến khích các em học sinh nghèo vượt khó...

Tổng kết phong trào gia đình hiếu học năm 2006, toàn huyện có 10.017 gia đình (bằng 57,8% tổng số gia đình toàn huyện) đăng ký xây dựng gia đình hiếu học, có 5.158 gia đình (bằng 51,5% số gia đình đăng ký) được bình xét.

Cùng với giáo dục, y tế luôn dành được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền. Một trong những vấn đề đáng quan tâm, trăn trở là hoàn thiện và nâng cao chất lượng mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tuy còn nhiều khó khăn, nhưng bằng việc tranh thủ các nguồn vốn đầu tư của TW, tỉnh, các dự án..., Thường Xuân đã nâng cấp xây mới được nhiều phòng khám chữa bệnh, trang bị mới, sửa chữa các thiết bị y tế đáp ứng được yêu cầu khám chữa bệnh. Năm 2005, Phòng Y tế huyện được tái thành lập, công tác quản lý Nhà nước về y tế được nâng lên một bước mới, tham mưu tốt hơn cho UBND trong việc thực hiện các nhiệm vụ y tế nâng cao chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; Trung tâm y tế huyện lại được tách ra thành 2 cơ quan là Bệnh viện Đa khoa và Trung tâm Y tế dự phòng. Đến tháng 9 năm 2007, toàn ngành có 202 cán bộ công chức, tăng 82 người so với năm 1998, trong đó có 31 bác sĩ (6 bác sĩ chuyên khoa cấp I), 1 cử nhân kinh tế. 7/17 Trạm y tế cơ sở đã có bác sĩ trực trạm, còn lại là trình độ y sĩ, các chòm, bản đều có y tế thôn bản, hàng năm được hướng dẫn, tập huấn nâng cao nghiệp vụ... Với những cố gắng nỗ lực của đội ngũ này mà trên địa bàn

huyện trong suốt thời gian dài 13 năm từ 1996 - 2007 không có dịch lớn xảy ra, dịch sốt rét được chặn đứng, năm bệnh xã hội được đưa vào quản lý có nền nếp, tỷ lệ tăng dân số giảm xuống ở mức 1,27%/năm (2005). Từ năm 1996, Thường Xuân là huyện đầu tiên của tỉnh Thanh Hóa được Bộ Y tế công nhận thanh toán xong bệnh phong. Quá trình thực hiện các chương trình y tế quốc gia được tỉnh đánh giá là huyện có phong trào tốt: có 5 đơn vị gồm Thị trấn Thường Xuân, Xuân Dương, Lương Sơn, Luận Thành, Ngọc Phụng được công nhận đạt 10 chuẩn y tế quốc gia; xã Thọ Thanh cũng đang hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục chờ cơ quan có thẩm quyền công nhận.

Sau nhiều năm chưa có điều kiện nhìn nhận đúng vai trò của văn hóa đối với sự phát triển, đến Đại hội VIII, Đảng ta xác định "*văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội*" và định hướng "*mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc... xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển xã hội*". Quán triệt tinh thần đó, các cấp chính quyền trong huyện đã đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ để thực hiện với trọng tâm là củng cố và nâng cao hơn nữa công tác quản lý văn hóa ở địa bàn khu dân cư, đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa - thể dục thể thao, nâng cao mức hưởng thụ

văn hóa của nhân dân và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết TW 5 (khóa VIII), đẩy mạnh phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư*" do TW Mặt trận tổ quốc Việt Nam phát động, đặc biệt từ sau khi Tỉnh ủy có Chỉ thị số 10/1998-CT/TU chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh phong trào này.

Với nhiều nỗ lực của các cấp, các ngành, công tác quản lý Nhà nước về Văn hóa - Thông tin tuyên truyền - Thể dục thể thao từng bước được chấn chỉnh. Cùng với việc tổ chức hội thảo khoa học về danh nhân Chăm Bà Thước - người con ưu tú của quê hương Thường Xuân do các nhà khoa học đầu ngành có uy tín của Trung ương chủ trì, đền thờ ông tại Cửa Đạt cũng đang được tu bổ và tôn tạo với tổng kinh phí trên 6,7 tỷ đồng. Năm 1995, sau nhiều năm sưu tầm, khảo cứu, tập sách *Truyền thống văn hóa Thường Xuân* tập 1 ra đời, cung cấp được một phần kiến thức văn hóa cổ truyền của nhân dân các dân tộc huyện Thường Xuân - Châu Thường đến bạn đọc gần xa... Các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng được quan tâm củng cố duy trì, phong trào xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, cơ quan văn hóa với phương châm kế thừa, phát huy văn hóa truyền thống để giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc được quần chúng nhân dân đón nhận hưởng ứng. Đến tháng 6 năm 2007, toàn huyện có trên 5.750 gia đình đạt gia đình văn hóa, 154 đội văn nghệ quần chúng; đã khai trương xây dựng 116 làng, cơ quan

và 1 xã văn hóa, đến nay có 41 làng, 1 cơ quan được cấp huyện công nhận, 1 đơn vị cấp tỉnh. Có những năm như 2006, các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao của huyện đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận: đoạt 3 HCV, 1 HCB, 1 HCD tại Hội diễn văn nghệ toàn tỉnh; đoạt 1 giải nhất, 2 giải nhì, 1 giải 3 tại Liên hoan văn hóa các dân tộc miền núi lần thứ XI; tham gia Đại hội TDTT toàn tỉnh lần thứ V đoạt 1 HCV, 1 HCB, 1 HCD... Xã hội hóa hoạt động thể dục - thể thao bước đầu có kết quả. Các sân chơi, bãi tập được hình thành từ cơ sở, các câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông... được thành lập và phát triển góp phần đưa phong trào thể dục thể thao quần chúng tiến thêm một bước mới, dân số tập thể dục thể thao thường xuyên đạt 20%, có 1.350 gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao, một số môn thể thao đạt kết quả cao trong thi đấu của tỉnh và khu vực miền núi, đóng góp cho tỉnh một số vận động viên đỉnh cao về bóng đá, bóng bàn...

Nhận thức được tầm quan trọng của việc đưa thông tin về cơ sở, nên từ rất sớm, các cấp ủy Đảng và chính quyền huyện Thường Xuân đã quan tâm đầu tư cho sự nghiệp truyền thanh và truyền hình. Cơ quan Đài truyền thanh - truyền hình huyện với bề dày lịch sử (thành lập năm 1967) và truyền thống khắc phục khó khăn, đến giai đoạn này đã tranh thủ được sự quan tâm của các cấp, các ngành kịp thời vươn lên đáp ứng nhu cầu mới, phục vụ

đời sống chính trị, kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Năm 1995, Đài Tiếng nói Việt Nam xây dựng đài FW công suất 150W, cộng với trước đó đã được đầu tư 1 máy thu phát lại truyền hình công suất 100W nên Đài truyền thanh chính thức được đổi tên thành Đài truyền thanh - truyền hình. Hơn 12 năm từ 1995 đến tháng 9 năm 2007, từ chỗ chỉ có 4 cán bộ, nhân viên, Đài đã xây dựng được đội ngũ cán bộ nhân viên 15 người với 100% có trình độ từ trung cấp trở lên đến đại học; Ngoài trạm trung tâm đã được đầu tư xây dựng thêm các trạm ở Bát Mọt, Vạn Xuân, Xuân Chinh nâng tổng công suất phát thanh (FW) trong toàn huyện lên 250W, công suất phát truyền hình lên 400W, đưa diện phủ sóng truyền hình toàn huyện lên 80%, với phát thanh là 90%. Đài truyền thanh - truyền hình huyện tiếp sóng hàng chục vạn giờ, sản xuất hàng ngàn chương trình truyền thanh, truyền hình có nội dung phong phú, phản ánh kịp thời đời sống chính trị, kinh tế - xã hội, nêu gương người tốt việc tốt của địa phương thu hút được sự theo dõi của khán giả trong và ngoài huyện.

Mạng lưới các Đài truyền thanh xã, thị trấn cũng được quan tâm đầu tư. Đến tháng 7 năm 2007, 14/17 xã có Đài truyền thanh có dây và không dây. Hầu hết các cơ quan và gia đình đều có ăng-ten PARAPON xem các chương trình của Đài truyền hình Việt Nam. Thống kê chưa thật đầy đủ từ năm 2005, Thường Xuân đạt tỉ lệ 3 người dân/ 01 radiô, 7 người dân/máy thu hình (Tivi).

Cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hệ thống mạng lưới thông tin liên lạc cũng được đầu tư đáng kể. Để phục vụ cho công trình quốc gia Cửa Đạt và phục vụ dân sinh kinh tế các xã vùng 5 Xuân (gồm: Vạn Xuân, Xuân Chinh, Xuân Lẹ, Xuân Lộc, Xuân Thắng) Bưu điện huyện xây dựng thêm trạm mới ở Cửa Đạt. Mạng lưới điện thoại đã vươn đến 17/17 xã, trong đó 10 xã được lắp đặt mạng điện thoại dây; hai khu vực được phủ sóng di động các mạng VinaPhone, MobileFone, Viettel. Thống kê đầu năm 2007, toàn huyện có 2.005 máy điện thoại cố định, 1.220 thuê bao di động, 21 điểm thuê bao internet công cộng...

Cùng với việc chăm lo các mặt kinh tế - xã hội, công tác quốc phòng - an ninh luôn được Đảng bộ, chính quyền các cấp quan tâm nâng cao về chất lượng, củng cố vững chắc về số lượng, đổi mới phương thức và nội dung tạo ra thế trận quốc phòng toàn dân, gắn xây dựng lực lượng với ổn định - phát triển kinh tế xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại. Đại hội Đảng bộ lần thứ XV (4/1996) đưa quê hương Thường Xuân cùng cả nước bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Phát huy những truyền thống vẻ vang đã đạt được như thành tích bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ giai đoạn mới được thành lập, trong 2 cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược... Quốc phòng - An ninh

giai đoạn này ngoài nhiệm vụ ổn định chính trị, bảo vệ Đảng, chính quyền và nhân dân còn phải góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV chỉ ra nhiệm vụ cho quốc phòng - an ninh huyện nhà: *"phải quán triệt và thực thực hiện nghiêm túc các chủ trương, nghị quyết của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, tiếp tục củng cố về tiềm lực quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng khu vực phòng thủ, chất lượng mọi mặt của lực lượng vũ trang nhân dân. Chủ động làm thất bại mọi âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch, ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, làm giảm các tội phạm, tệ nạn, làm chuyển biến trật tự an toàn xã hội..."*.

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, các chủ trương, định hướng của cơ quan cấp trên, được sự tham mưu của cơ quan Quân sự huyện, các cấp chính quyền huyện Thường Xuân đã củng cố, xây dựng nền quốc phòng địa phương ngày càng vững mạnh. Đến tháng 8 năm 2007, tổng số quân nhân dự bị động viên toàn huyện là 2.902 đồng chí, sắp xếp cho các đơn vị 1.783 đồng chí; dân quân - tự vệ gồm 1.868 đồng chí (dân quân: 1.730 đồng chí, tự vệ: 139 đồng chí) biên chế thành 18 trung đội cơ động, 1 tổ quân y, 12 trung và tiểu đội tự vệ. Lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ

được luyện tập hàng năm theo quy định. Việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ được củng cố, thường xuyên diễn tập để bổ sung hoàn thiện các phương án phòng thủ chống gây rối, bạo loạn từ huyện đến cơ sở. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của huyện theo định kỳ tham gia tập huấn công tác quốc phòng theo quy định đầy đủ. Toàn huyện có 4 cụm tuyến phòng thủ do các đồng chí thường trực Huyện ủy, HĐND, UBND trực tiếp chỉ huy cụm, tiến hành giao ban hàng tháng, quý, luyện tập hàng năm; kết hợp Quốc phòng - An ninh với dân sinh kinh tế đào đắp hàng ngàn m³ đất đá làm đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, đời sống và quốc phòng - an ninh. Các lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được xây dựng theo quy định của pháp luật, chất lượng ngày càng được nâng lên rõ rệt, nội dung và phương thức huấn luyện được đổi mới theo sát đối tượng, địa bàn. Công tác tuyển quân hàng năm và thực hiện các chính sách hậu phương quân đội được chăm lo đúng mức, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước. Cơ quan Quân sự huyện làm tốt công tác tham mưu cho các cấp chính quyền trong việc thực hiện Chỉ thị 58 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng cơ sở vững mạnh - an toàn - làm chủ - sẵn sàng chiến đấu theo 5 nội dung: cơ sở chính trị trong sạch vững mạnh, cơ sở quốc phòng - an ninh vững mạnh, cơ sở có nếp sống văn hóa lành mạnh và thực hiện tốt chính sách xã hội, chính sách hậu

phương quân đội. Công tác huấn luyện dân quân tự vệ tiến hành thường xuyên theo định kỳ. Quản lý chặt chẽ quân dự bị động viên sẵn sàng đáp ứng nhiệm vụ điều động khi có lệnh và hoàn thành công tác khám, tuyển quân. Thực hiện tốt chế độ sẵn sàng chiến đấu, 100% cơ sở xây dựng được phương án và kế hoạch tác chiến, trị an; Đội công tác xây dựng cơ sở số 07 đã phối hợp chặt chẽ với lực lượng biên phòng, tham mưu cho BCH Quân sự huyện, Cấp ủy, chính quyền các cấp giúp đỡ 2 đơn vị Yên Nhân, Bát Mọt phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng, xây dựng thể trận an ninh biên giới vững chắc.

Lực lượng Công an nhân dân huyện Thường Xuân, phát huy những thành tích đã đạt được, trong giai đoạn này thường xuyên được củng cố từ huyện đến cơ sở, đáp ứng được các yêu cầu công tác an ninh trong bối cảnh và tình hình mới. Công tác an ninh huyện nhà đã bám sát các nghị quyết của Đảng, Nhà nước, chủ động triển khai các phương án đảm bảo an ninh nông thôn, an ninh kinh tế, an ninh nội bộ, an ninh biên giới, an ninh trật tự - an toàn xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, phạm pháp hình sự giảm, một số vụ trọng án được phát hiện và xử lý kịp thời, xóa bỏ các ổ nhóm, tụ điểm phạm pháp, ngăn chặn ngày càng có hiệu quả các tệ nạn xã hội, tập trung xây dựng các phong trào xây dựng an ninh nhân dân do MTTQ và các đoàn thể phát động trong đó nổi bật như:

Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư... Từ đây, xây dựng và củng cố được lực lượng nòng cốt ở địa bàn cơ sở, thúc đẩy phong trào bảo vệ an ninh phát triển, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị 13 của Chính phủ về đẩy mạnh các biện pháp kiềm chế tai nạn giao thông; khi công trình hồ chứa nước Cửa Đạt bước vào thi công, cũng là lúc Đoàn Công an Cửa Đạt được thành lập, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ trị an công trình quốc gia...

Cơ quan Công an huyện ra đời các đây 57 năm, từ một đội chỉ có 5 người, đã đạt được nhiều thành tích qua các thời kỳ, đặc biệt là đập tan 5 tổ chức phản động trên địa bàn huyện, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền⁽¹⁾ đến nay không ngừng trưởng thành, lớn mạnh, được củng cố vững chắc từ huyện đến tận các thôn bản, các lực lượng cơ động đủ mạnh để trấn áp kịp thời khi có tội phạm; tham mưu đắc lực cho các cấp ủy Đảng và chính quyền nắm bắt tình hình, chủ động thực hiện các phương án, kế hoạch giữ vững an ninh trên địa bàn, không để xảy ra những vụ việc bất ngờ. Với việc coi trọng biện pháp phòng ngừa, tích cực tấn công, truy quét tội phạm, kết hợp nhiều biện pháp đồng bộ khác đã làm cho tình hình

(1). Các tổ chức phản động trên địa bàn huyện là: Tổ chức Đại Việt di dân, Công Nông giải phóng tại xã Xuân Chinh, Công Nông giải phóng tại xã Vạn Xuân, Phục quốc đồng minh hội và tổ chức Cách mạng quốc gia do Lương Mạnh Huân cầm đầu.

tội phạm ngày một giảm, tiến hành tổ chức và chỉ đạo thành công nhiều cuộc vận động lớn như: Cuộc vận động toàn dân xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc; Thi tìm hiểu về Chỉ thị 27 của UBND tỉnh, Thi tìm hiểu về Bộ Luật hình sự, ma túy và học đường, Cuộc vận động quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc; Cuộc vận động toàn dân xây dựng thôn xóm bình yên, gia đình hạnh phúc... Các cuộc vận động trên được chỉ đạo chặt chẽ, được nhân dân hưởng ứng tham gia đông đảo, đem lại nhiều kết quả tốt trong việc xây dựng thế trận an ninh nhân dân huyện nhà. Đặc biệt trong giai đoạn này nổi lên việc truyền đạo trái phép ở 2 xã Luận Khê, Xuân Thắng, lực lượng công an huyện dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đã tham gia tích cực trấn áp và kiểm chế các đối tượng... Phối hợp với lực lượng quân sự, bộ đội biên phòng bảo vệ an toàn các mục tiêu quan trọng về kinh tế - quốc phòng - an ninh, nắm chắc tình hình và chủ động giải quyết các vấn đề ảnh hưởng đến an ninh khu vực biên giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới quốc gia. Có những năm như năm 2005, bằng việc tăng cường thực hiện các kế hoạch tấn công, truy quét tội phạm, cơ quan công an đã tiếp nhận xử lý 66 vụ phạm pháp hình sự, khởi tố 26 vụ án, tổ chức bắt 10 đối tượng phạm pháp hình sự, bắt 4 đối tượng có lệnh truy nã, lập hồ sơ đưa 5 đối tượng đi cai nghiện bắt buộc, 62 đối tượng cai nghiện tại cộng đồng, xử lý 320 trường hợp

vi phạm an toàn giao thông... góp phần giữ vững an ninh trên địa bàn huyện.

Vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào việc đổi mới, củng cố hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị theo hướng hoạt động hiệu quả và sát thực với tình hình, các cấp chính quyền huyện đã tập trung trí tuệ, xây dựng các chương trình, mục tiêu đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy HĐND, UBND theo hướng sát thực và hiệu quả với tình hình của địa phương. Quá trình thực hiện có rất nhiều thuận lợi, đó là sự ra đời của các Nghị quyết Trung ương, Nghị quyết và Chỉ thị của tỉnh Đảng bộ như: Nghị quyết TW 3 và 7 khóa VIII, TW 5 khóa IX; Chỉ thị 04/CT-TU năm 2002 của Tỉnh ủy Thanh Hóa...; Đội ngũ cán bộ công chức được trẻ hóa, có trình độ, năng lực, nhiệt huyết, được bổ sung vào các cương vị chủ chốt của hệ thống chính trị: HĐND, UBND, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quần chúng từ huyện đến cơ sở, các đồng chí đã gây dựng được lòng tin với Đảng, nhân dân các dân tộc, là nhân tố quan trọng để xây dựng quê hương Thường Xuân vững bước tiến lên ngày càng giàu đẹp.

Hoạt động của HĐND từ huyện đến cơ sở ngày càng có chất lượng rõ rệt do thường xuyên đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Các kỳ họp HĐND được tổ chức trong không khí dân chủ, xây dựng, thường xuyên đổi mới về nội dung và phương pháp, hoạt động

sát hợp với tình hình cụ thể của địa phương để thảo luận, quyết định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh trên địa bàn, đáp ứng được mong mỏi của cử tri. Vai trò của đại biểu HĐND, các Ban và Thường trực HĐND ngày càng được phát huy trong việc giám sát giải quyết những vấn đề bức xúc ở cơ sở và thực hiện các nghị quyết của HĐND, chính sách Nhà nước trên địa bàn.

Hoạt động của UBND từ huyện đến cơ sở tiếp tục được đổi mới theo hướng phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý và điều hành, đề cao trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ. Công tác đào tạo, sắp xếp bộ máy để thực hiện phân cấp, phân ngành quản lý trong nhiều năm qua đã đem lại hiệu quả. Các ngành, địa phương chủ động hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, cải cách thủ tục hành chính theo mô hình “một cửa”, giải quyết công việc nhanh chóng, kịp thời. Tổ chức tiếp công dân đến thỉnh cầu, khiếu nại, tố cáo đúng quy định pháp luật. Triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện công khai trong quản lý ngân sách, quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, hạn chế những sai phạm, góp phần ổn định tình hình cơ sở và thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Đạt được những bước đi như vậy là do các cấp ủy Đảng, Chính quyền luôn chăm lo xây dựng, đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức các cấp,

trưởng các thôn bản thường xuyên được bồi dưỡng. Số lượng cán bộ, công chức được đưa đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ tăng lên hàng năm. Trong 10 năm, từ 1996 đến 2005 đã đưa được 518 cán bộ công chức cơ sở đi học trung cấp lý luận, quản lý Nhà nước, hành chính, trung cấp nông - lâm; 178 cán bộ đi học lý luận và đại học chuyên môn ở Trung ương; có 89 đồng chí được bổ nhiệm vào nắm giữ các cương vị chủ chốt từ huyện đến cơ sở. Các đồng chí chính là những nhân tố quan trọng và quyết định thắng lợi trong công tác xây dựng chính quyền, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, xây dựng quê hương Thường Xuân ngày càng giàu đẹp. Đi đôi với công tác này, các cấp ủy Đảng, chính quyền cũng kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ công chức thoái hóa biến chất, không giữ được phẩm chất đạo đức cách mạng, xử lý nghiêm cán bộ công chức, đảng viên vi phạm. Vào năm 2000, cán bộ công chức UBND huyện đã qua đào tạo đạt tỷ lệ 93,5% (đại học: 34,4%, cao đẳng - trung cấp chuyên môn: 51,6%); số thành viên của UBND cấp xã được đào tạo qua các lớp chuyên môn - nghiệp vụ từ trung cấp trở lên chiếm 73,2%. Đến tháng 7 năm 2007, tổng số đại biểu HĐND xã là 464 người, đại biểu HĐND huyện là 37 người (trong đó có 22 đại biểu cơ sở). Tổng số cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã là 324 người; trong đó có 274 đảng viên, 52,77% đạt trình độ trung cấp và 1,54% đại học

chuyên môn, 69,5% qua đào tạo sơ - trung cấp chính trị. Nhìn chung, chất lượng cán bộ, công chức từ huyện đến cơ sở được nâng lên qua từng năm, từng nhiệm kỳ; các chức danh bầu cử được nhân dân tín nhiệm cao. Qua thử thách, rèn luyện, công tác, học tập nhiều đồng chí đã trưởng thành. Đây là kết quả của một quá trình xây dựng, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ công chức theo chủ trương của Đảng và Nhà nước về tổ chức, sắp xếp, xây dựng đội ngũ cán bộ và bộ máy chính trị cấp xã. Cơ quan UBND huyện, qua nhiều lần thực hiện tinh giản biên chế, đặc biệt là theo các Nghị định 16/CP của Chính phủ và đổi mới, sắp xếp lại các phòng, ban, cơ quan chuyên môn giúp việc, đến tháng 7 năm 2007 có 76 cán bộ công chức, 3 đơn vị sự nghiệp trực thuộc gồm 30 người; được sắp xếp, biên chế về 13 phòng, ban chuyên môn giúp việc theo đúng tinh thần Nghị định 172/CP của Chính phủ, gồm:

** Các cơ quan chuyên môn của UBND:*

- Văn phòng.
- Phòng Nội vụ - Lao động - Thương binh - Xã hội.
- Phòng Tài chính - Kế hoạch.
- Phòng Thống kê.
- Phòng Nông nghiệp.
- Phòng Tài nguyên - Môi trường.
- Phòng Giáo dục - Đào tạo.

- Phòng Công - Thương.
- Phòng Tư pháp.
- Thanh tra huyện.
- Phòng Y tế.
- Phòng Văn hóa - Thông tin.
- Ủy ban Dân số - Gia đình & Trẻ em.

**Các đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc:*

- Đài Truyền thanh - Truyền hình.
- Trung tâm Văn hóa - Thể thao.
- Trung tâm Khuyến nông - Khuyến lâm.
- ... và một số đơn vị, trường học khác.

MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội ngày càng phát huy được vai trò tập hợp quần chúng nhân dân xung quanh Đảng bộ. Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự phối hợp của các cấp chính quyền, hoạt động của MTTQ và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở xã, thị có nhiều chuyển biến tích cực về củng cố tổ chức, hoạt động, do vậy hiệu quả của công tác dân vận ngày càng được nâng lên. MTTQ và các đoàn thể chủ động xây dựng các chương trình công tác theo hướng bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, nội dung hoạt động thường xuyên được đổi mới và đa dạng hóa các hình thức tập hợp, thu hút quần chúng. Đến cuối năm 2005, tỉ lệ thu hút tập hợp đoàn viên - hội viên của các đoàn thể là:

Hội Phụ nữ: 70%, Đoàn Thanh niên: 55%, Hội Nông dân: 80%, Hội Cựu chiến binh: 92%, Công đoàn: 100%. Trước năm 2002, phân loại tổ chức MTTQ các đoàn thể còn có cơ sở yếu kém, đến năm 2005 không còn cơ sở yếu kém, các đơn vị tiên tiến xuất sắc ngày càng nhiều. Các phong trào quần chúng nhân dân trên mọi lĩnh vực được đẩy mạnh, phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu góp phần quan trọng khơi dậy ý chí tự lực, tự cường; phát huy mạnh mẽ truyền thống yêu nước, đoàn kết tương thân tương ái trong các tầng lớp nhân dân, thực hiện thắng lợi các các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

THAY LỜI KẾT LUẬN

Lịch sử 170 năm Châu Thường - Thường Xuân là lịch sử đoàn kết đấu tranh sinh tồn và phát triển của nhân dân các dân tộc Thái, Mường, Kinh cùng hơn 50 dân tộc anh em khác trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam; Khẳng định cương vực lãnh thổ và ý thức tự tôn dân tộc... làm nên tổ quốc trường tồn. Trong suốt chặng đường lịch sử vẻ vang ấy, mọi thành viên của 3 dân tộc anh em của quê hương Thường Xuân đều có quyền tự hào vì đã đóng góp xương máu, mồ hôi và trí tuệ để xây đắp tổ quốc thân yêu qua các thời kỳ lịch sử.

Theo nhiều kết quả nghiên cứu khảo cổ học, các thế hệ Thường Xuân đến khai khẩn, lập nghiệp trên vùng đất này từ rất sớm. Thời tiền sử, mặc dù vùng đất Châu Thường - Thường Xuân lúc thuộc sách này, lúc thuộc huyện khác: Trước khởi nghĩa Lam Sơn (1418) có tới 12 lần thay đổi địa danh phụ thuộc, sau khởi nghĩa Lam Sơn thay đổi 3 lần và đến năm 1837 (Minh Mạng thứ 18) vua Minh Mạng ra sắc chỉ thành lập Châu Thường, sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đổi là Thường Xuân. Nhưng, các thế hệ tiền thân của vùng đất này lúc nào cũng khẳng định được vị thế địa chính trị riêng của mình, xây dựng một sắc thái văn hóa riêng để hun đúc nên

truyền thống yêu nước thương nòi, vị tha, nhân nghĩa... đóng góp vào vườn hoa văn hóa đa sắc màu của dân tộc Việt Nam. Xây dựng đạo đức, lối sống, tuyển chọn cây trồng vật nuôi, thuần dưỡng vật nuôi... là quá trình đấu tranh sinh tồn, xây đắp nên truyền thống thủy chung, “thương người - vì nghĩa” để hun đúc nên tinh thần thượng võ, tạo dựng thành một vùng sơn cước “thiên thời, địa lợi, nhân hòa”; để các bậc quân vương chọn vùng “địa linh, nhân kiệt” này làm hậu phương chiêu tập binh tài - văn sắc, tiến hành các cuộc chiến tranh vệ quốc.

170 năm so với một đời người thì rất dài, nhưng so với 4.000 năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta thì vô cùng ngắn ngủi. Tên gọi Châu Thường - Thường Xuân chỉ là một dấu mốc ghi lại một chặng đường trường tồn, hành tiến cùng các dân tộc anh em khác của đồng bào các dân tộc Thường Xuân. Do đó, có được 170 năm thành lập hôm nay là nhờ các bậc tiên hiền con cháu của các vua Hùng có công dựng nước. Truyền thuyết Âu Cơ - Lạc Long Quân (Truyện Trăm trứng) đã khẳng định: dân tộc Việt Nam có chung một cội nguồn; 50 con bà Âu Cơ đem lên núi để khai sơn phá thạch cùng ra đời chung trong một cái bọc "trăm trứng" tạo nên nghĩa "Đồng bào". Hình ảnh mẹ Âu Cơ của chúng ta được gắn với "Mẫu chúa Thượng ngàn" đã đi vào tâm linh của những người con đất Việt, Thường Xuân tự hào là một trong những điểm không nhiều có đền thờ Mẫu chúa. Vùng đất

cổ Thường Xuân được xác định qua các cuộc khảo cứu rất sớm của các nhà khoa học người Pháp là vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử lâu đời, là chiếc nôi sinh thành nuôi dưỡng vun đắp nên tinh thần thượng võ, làm nên vùng đất phát tích một thời. Tinh thần thượng võ ấy đã chiêu tập hiền tài ở Lũng Nhai làm nên chiến thắng "trúc chẻ, tro bay" của khởi nghĩa Lam Sơn thế kỷ thứ XV; là một trong những vùng đất kiên cường đẩy lên Phong trào Cần vương ở miền núi Thanh - Nghệ quyết sống mái với kẻ thù xâm lược Pháp cuối thế kỷ XIX... Ngày mùng 3 tháng 2 năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức được thành lập, chỉ sau một thời gian ngắn, mặc dù chưa có chi bộ Đảng, nhân dân các dân tộc Thường Xuân đã đứng lên theo Đảng đấu tranh với lang đạo, chúa đất và chủ tư bản Pháp đòi quyền dân sinh, dân chủ. Tháng 5 năm 1937, giai cấp công - nông Thường Xuân đã tổ chức cuộc đình công lớn đòi chủ tư bản Pháp và chính quyền tay sai, buộc phải thực hiện các yêu sách của người lao động khai thác gỗ, góp tiếng nói của đồng bào các dân tộc miền núi Thanh Hóa vào cao trào cách mạng 1936 - 1939 của cả nước, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền trưa ngày 20 tháng 8 năm 1945 và vận động thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên ngày mùng 6 tháng 4 năm 1949, tiến tới thành lập Đảng bộ huyện tháng 3 năm 1950 để lãnh đạo nhân dân các dân tộc tiếp tục kháng chiến kiến quốc thắng lợi. Mặc dù Thường Xuân là huyện miền núi có đặc điểm riêng vô cùng khó khăn,

nhưng nhân dân các dân tộc Thường Xuân đã đoàn kết xung quanh Đảng để chiến thắng thù trong, giặc ngoài xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân thực sự của dân, do dân, vì dân, tiến hành cải tạo và xây dựng XHCN, đánh thắng chiến tranh phá hoại nhiều mặt của giặc Mỹ, chi viện đắc lực cho các chiến trường góp, phần làm nên chiến thắng mùa xuân năm 1975 lịch sử.

Sau khi thống nhất nước nhà, đồng bào các dân tộc Thường Xuân dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chiến thắng lạc hậu, đói nghèo, bắt nhịp với sự nghiệp đổi mới, khẳng định vị thế của Thường Xuân trong tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa quê hương đất nước.

Những chặng đường lịch sử của Châu Thường - Thường Xuân là một bản hùng ca mà mỗi người Thường Xuân rất đỗi tự hào, đặc biệt là từ khi có Đảng lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện đoàn kết xung quanh BCH Đảng bộ để tiến hành xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Trong xu thế hội nhập với nền kinh tế toàn cầu, mở ra chân trời mới theo định hướng của "hội nhập nhưng không được phép hòa tan", góp phần khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Bài học mà đồng bào nhân dân các dân tộc Thường Xuân ai cũng ý thức được:

Một là: "Đoàn kết đoàn kết đại đoàn kết, Thành công thành công đại thành công"⁽¹⁾. Trong tiến trình khẳng định vị thế của vùng đất thiêng, đoàn kết các dân tộc anh

(1). Hồ Chí Minh

em, các thành phần giai cấp đã tạo nên sức mạnh "dời non lấp biển". Tinh thần ấy quy tụ thành chủ nghĩa yêu nước từng sản sinh nuôi dưỡng biết bao người con ưu tú của quê hương chiến đấu quên mình hy sinh cao cả vì tổ quốc và nhân dân là trên hết. Sức mạnh "Đại đoàn kết" được Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ tối cao của dân tộc đúc kết trong tiến trình dựng nước và giữ nước, xây dựng tổ quốc Việt Nam hòa bình thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Hai là: Độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội là định hướng được Đảng cộng sản quan tâm, Bác Hồ vĩ đại và nhân dân ta đã lựa chọn là con đường tất yếu đi đến ấm no, hạnh phúc đã được lịch sử chống ngoại xâm và xây dựng đất nước đúc rút ra bằng chân lý "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" mà sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát thành tư tưởng vĩ đại của người.

Ba là, Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng của cả dân tộc Việt Nam, tổ chức Đảng duy nhất đã từng lãnh đạo đất nước ta giành lại độc lập tự do; được nhân dân ta gọi bằng tên gọi triu mến "Đảng ta", đang tiếp tục lãnh đạo nhân dân ta đi tiếp chặng đường lịch sử, phấn đấu vì mục tiêu: Dân giàu nước mạnh xã hội công bằng dân chủ văn minh" theo kim chỉ Nam: chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh bất hủ. Đảng ta lấy chi bộ làm pháo đài tư tưởng để bảo tồn phát triển văn hóa làng để gắn kết

nhà - làng - nước tiến hành công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước trong xu thế hội nhập - Bài học mà các dân tộc Thái - Mường - Kinh cùng chung sống đoàn kết lâu đời trên vùng đất này đã thấm thía để xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, xây dựng chính quyền các cấp trên quê hương quê ngọc Châu Thường - Thường Xuân giàu đẹp.

Bốn là, Đảng bộ, Chi bộ và chính quyền các cấp phải thực sự lấy dân làm gốc, thực hiện đầy đủ quy chế dân chủ XHCN với thái độ *"gần dân, trọng dân; nghe dân nói, nói dân hiểu"*. Mọi công việc của dân phải cho dân biết, dân bàn, dân làm và dân kiểm tra. Công chức Nhà nước phải thực sự là công bộc của dân.

Năm là, Phát huy sức mạnh "Đại đoàn kết" của nhân dân các dân tộc, kiên quyết đấu tranh chống thoái hóa, biến chất, tiêu cực... trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; đặc biệt là công chức Nhà nước để tiến hành công nghiệp hóa - hiện đại hóa quê hương đất nước phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, quyết tâm xóa đói giảm nghèo, thực hiện tốt các mục tiêu xã hội... theo Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ huyện, Đại hội XVI Đảng bộ tỉnh; thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh.

PHẦN PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC TRI CHÂU, CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH HUYỆN QUA CÁC THỜI KỲ

1. Thời kỳ quan Tri Châu (sau 1895 - 1945)

- **Cầm Bá Thành** (Châu Cố)
- **Cầm Bá Vinh** (Châu Vinh)
- **Cầm Bá Bảo** (Tri Châu từ năm 1936 - 1945)

2. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Thời kỳ	Quê quán
Cầm Bá Bảo	1912	Chủ tịch	9/1945 - 1945	Vạn Xuân
Cầm Bá Chính	1902	P. Chủ tịch	9/1945 - 1950	Xuân Lẹ

3. Thời kỳ UBHC, UBKC, UBHC - KC, UBND

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Thời kỳ	Quê quán
Cầm Bá Chính	1902	Chủ tịch	3/1950-1953	Xuân Lẹ
Cầm Bá Cuộc	1919	P. Chủ tịch Chủ tịch	1952 - 1953 1953 - 1959	Vạn Xuân

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Thời kỳ	Quê quán
Cầm Bá Ứn		Chủ tịch	7/1959 - 7/1964	Vạn Xuân
Lữ Văn Dôm	1924	Chủ tịch	8/1964 - 1968	Vạn Xuân
Hà Văn Ái	1917	P. Chủ tịch		Vạn Xuân
Bùi Xuân Mai		P. Chủ tịch		
Lang Văn Tiệp	1928	P. Chủ tịch	1965 - 1968	Bát Mọt
Hoàng Văn Quý		Chủ tịch	1969 - 1972	Xuân Khao
Vì Thị Tồn	1918	P. Chủ tịch	1967 - 1969	Xuân Lẹ
Cầm Văn Tý	1935	P. Chủ tịch	1968 - 1977	Luận Khê
Lê Thị Vụ	1945	P. Chủ tịch	1969 - 1973	Thọ Thanh
Trương Văn Sắc	1935	P. Chủ tịch	1971 - 1975	Thọ Thanh
Lương Văn Mão		Chủ tịch	1972 - 1975	Xuân Thắng
Vì Nguyên Hoành	1936	P. Chủ tịch Chủ tịch	1972 - 1975 1975 - 1979	Luận Khê
Ngân Văn Sao	1931	P. Chủ tịch	1975 - 1979	Tân Thành
Lương Văn Thìn	1937	P. Chủ tịch	1975 - 1980	Vạn Xuân
Lê Minh Chính	1936	P. Chủ tịch	1975 - 1979	Xuân Dương
Hà Ngọc Thiêm	1941	P. Chủ tịch	1977 - 1979	Xuân Cao
Lang Đức Lại	1938	P. Chủ tịch Chủ tịch	1978 - 1979 1979 - 1988	Bát Mọt
Vì Văn Quảng	1938	Q. Chủ tịch	7/1988 - 1989	Xuân Lộc
Lê Xuân Hòa		P. Chủ tịch	1979 - 1983	H. Quảng Xương
Lê Anh Sơn	1937	P. Chủ tịch	1983 - 1999	H. Thọ Xuân
Vì Văn Mẫn	1936	P. Chủ tịch	1983 - 1989	Xuân Lẹ
Vì Mai Kế	1943	P. Chủ tịch Chủ tịch	1989 1989 - 1999	Vạn Xuân
Lương Xuân Cháp		P. Chủ tịch	1989 - 1992	Luận Thành

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Thời kỳ	Quê quán
Lê Quốc Hùng	1952	P. Chủ tịch	1990 - 1995	Thọ Thanh
Lê Ngọc Dân	1950	P. Chủ tịch	1992 - 1995	Xuân Chinh
Vi Hoài Kham	1949	P. Chủ tịch Chủ tịch	1990 - 1999 2000 - nay	Xuân Chinh
Lục Đăng Khoa	1955	P. Chủ tịch	1994 - 1999	Xuân Lộc
Đỗ Xuân Nam	1963	P. Chủ tịch	2000 - 2005	H. Thiệu Hóa
Lang Đức Bông	1961	P. Chủ tịch	2000 - nay	Bát Mọt
Cầm Bá Xuân	1965	P. Chủ tịch	5/2004 - nay	Vạn Xuân
Lê Thị Hương	1963	P. Chủ tịch	6/2006 - nay	H. Thọ Xuân
Lê Hữu Chấn	1949	P. Chủ tịch TT HĐND	1994 - nay	H. Thiệu Hóa

DANH SÁCH
CÁC ĐƠN VỊ ANH HÙNG LLVT NHÂN DÂN

1. Quân và dân xã Tân Thành
2. Quân và dân xã Xuân Dương
3. Quân và dân xã Thọ Thanh

DANH SÁCH CÁ NHÂN ANH HÙNG QUÂN ĐỘI

Anh hùng trong kháng chiến chống thực dân Pháp:

1. Lò Văn Bường xã Xuân Lẹ

Anh hùng trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ:

1. Lê Thị Cửu xã Xuân Dương
2. Hà Văn Thanh xã Lương Sơn
3. Cầm Bá Trùng xã Luận Khê
4. *Liệt sĩ:* Ngô Khắc Quyền xã Thọ Thanh

DANH SÁCH BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

TT	Họ và tên	Quê quán
1	Lang Thị Ngẫu	xã Luận Khê
2	Cầm Thị Thiện	xã Luận Khê
3	Cầm Thị Man	xã Luận Khê
4	Lang Thị Phong	xã Lương Sơn
5	Phạm Thị Ả	xã Lương Sơn
6	Lê Thị Nhĩ	xã Ngọc Phụng
7	Lang Thị Bào	xã Xuân Chinh
8	Vi Thị Yến	xã Xuân Khao
9	Vi Thị Càng	xã Xuân Thắng
10	Cầm Thị Lá	xã Luận Thành
11	Lê Thị Vân	xã Thọ Thanh
12	Cầm Thị Mũ	xã Xuân Lộc
13	Lê Thị Mượn	xã Vạn Xuân
14	Trịnh Thị Lấn	xã Xuân Cẩm

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc* từ khóa I đến khóa X, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Chặng đường qua hai thế kỷ*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội năm 2006

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *10 mốc son lịch sử*, Nxb Văn hóa - Thông tin Hà Nội năm 2006.

4. Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa: *Văn kiện Đại hội Đại biểu tỉnh Đảng bộ Thanh Hóa* từ khóa I đến khóa XVI.

5. BCH Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa: *Những sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa*, xuất bản tháng 12 năm 2005

6. Ban nghiên cứu và Biên soạn lịch sử Đảng Thanh Hóa, *Thanh Hóa khắc sâu lời Bác*, xuất bản năm 1975.

7. Đảng bộ huyện Thường Xuân: *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Thường Xuân* từ khóa I đến khóa XVII.

8. BCH Đảng bộ huyện Thường Xuân: *Lịch sử Đảng bộ huyện Thường Xuân tóm tắt, tập 1 (1930 - 1960)*, xuất bản năm 1991.

9. Đảng bộ huyện Thường Xuân: *50 năm xây dựng và trưởng thành*, xuất bản năm 1999.

10. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hóa: *Địa chí Thanh Hóa, T.1*, Nxb VH-TT Hà Nội, năm 2000.

11. Huyện ủy - UBND huyện Thường Xuân: *Cầm Bá Thước - Con người và sự nghiệp*, Nxb Thanh Hóa, năm 2005.

12. UBND huyện Thường Xuân: *Thường Xuân Miền nhớ*, xuất bản năm 2006.

13. UBND huyện Thường Xuân: *Văn hóa truyền thống Thường Xuân*, Sở Văn hóa - Thông tin Thanh Hóa, năm 1995.

14. Ban nghiên cứu và biên soạn lịch sử Thanh Hóa: *Lịch sử Thanh Hóa tập III*, Nxb KHXH Hà Nội, năm 2002.

15. Phan Huy Lê - Phan Đại Doãn, *Khởi nghĩa Lam Sơn* (bản in lần thứ 3), Nxb KHXH Hà Nội, năm 1977.

16. Nhà Xuất bản Thuận Hóa: *Minh Mệnh chính yếu*, Huế năm 1996.

17. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên, T.5*, Nxb Thuận Hóa, năm 2001.

18. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam Nhất thống Chí, T.2*, Nxb Thuận Hóa, năm 1997.

19. Ty văn hóa Thanh Hóa: *Lam Sơn thực lục*, Ty văn hóa Thanh Hóa năm 1976.

20. Đinh Xuân Lâm, Trịnh Nhu - Đặng Huy Vận - Lê Ngọc Dong: *Từ Ba Đình đến Hùng Lĩnh*, Nxb Thanh Hóa, năm 1985.

21. Vũ Quý Thu, *Phong trào yêu nước chống thực dân Pháp của nhân dân Thanh Hóa từ năm 1885 - 1895*, Nxb KHXH Hà Nội, năm 2007.

22. Vũ Ngọc Khánh, *Nguyễn Trãi trên đất Thanh*, NxbVHTT Hà Nội, năm 2003.

23. Chương trình Thái học Việt Nam: *Văn hóa và Lịch sử người Thái Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội năm 1998.

24. Vương Anh, *Tiếp cận văn hóa bản Thái xứ Thanh*, Sở Văn hóa Thông tin Thanh Hóa, năm 2001.

MỤC LỤC

Trang

Phần thứ nhất

THƯỜNG XUÂN - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI	11
I. Điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý hành chính	11
II. Truyền thống văn hóa, truyền thống lịch sử.....	24
III. Cầm Bá Thước và phong trào Cần Vương chống Pháp của nhân dân Châu Thường cuối thế kỷ XIX.....	50

Phần thứ hai

DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC THƯỜNG XUÂN CÙNG CẢ NƯỚC TIẾN HÀNH KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ, XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, GIỮ VỮNG AN NINH BIÊN GIỚI (1930 - 1975)	70
I. Tình hình Thanh Hóa và huyện Thường Xuân, những năm ba mươi đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945.....	70
II. Đấu tranh thành lập chính quyền dân chủ nhân dân, chiến thắng thù trong giặc ngoài, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi	76
III. củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, phát triển sản xuất, chống đói, diệt dốt và chi viện cho chiến trường Điện Biên Phủ	88

IV. Hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng CNXH, đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, chi viện tối đa sức người, sức của cho các chiến trường.....95

Phần thứ ba

THƯỜNG XUÂN CÙNG CẢ NƯỚC ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI, CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC (1975 - 2007).....121

I. Nhân dân các dân tộc Thường Xuân phát huy truyền thống đoàn kết, khắc phục khó khăn tiếp cận với tư duy lý luận mới, thay đổi phương thức sản xuất lạc hậu.....121

II. Nhân dân các dân tộc Thường Xuân vượt qua thách thức khó khăn, tổ chức lại sản xuất, xây dựng CNXH tạo tiền đề bước vào công cuộc đổi mới.....130

III. Phát huy nội lực, tranh thủ thời cơ - vận hội mới, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, đưa quê hương Thường Xuân sang giai đoạn phát triển nhanh và bền vững167

THAY LỜI KẾT LUẬN.....211

PHẦN PHỤ LỤC217

Nhự xuết b¶n Thanh hĩa
248 - TrÇn phó - Ph-êng Ba S×nh - TP. Thanh Hĩa
ST: (037) 3852.281 - 3720.399 - 3722.347 -
3723.797 - 3853.548
Fax: (037) 3853.548
Email: nxbthanhhoa@yahoo.com

THƯỜNG XUÂN
NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ
(Kỷ niệm 170 năm thành lập Châu Thường 1837 - 2007)

ChĐu tr, ch nhiÖm xuÊt b¶n

Bii Cao Ti^au

ChĐu tr, ch nhiÖm néi dung

NguyÔn H÷u Chóc

Bi^an tÛp:

Hả Ph--ng

Vĩ b×a :

Hĩa sũ **Xu©n Loan**

Tr×nh bụy:

Thanh TuÊn

Sõa b¶n in: **L^a S×nh Phĩng - Hụ B.**

T©m

Chỗ b¶n tⁱi phĩng KHSXKD - Nhự xuết b¶n Thanh
Hĩa

SiÖn thoⁱi: (037).3853.548

In: 1.020 cuên, khæ 14,5 x 20,5 cm, t¹i
X-êng in Nhự xuÊt b¶n N«ng nghiÖp. Sè SKKH:
48 - 2007/CXB/18 - 10/ThaH, ngày 17 th,ng
01 n"m 2007. Q§XB Sè: 954/ThaH, ngày 07
th,ng 11 n"m 2007. In xong nép l-u chiÖu
quý IV n"m 2007.